

THÔNG TIN

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

Số: 41/2020

Chịu trách nhiệm xuất bản:
ThS. ĐÌNH QUỐC THỊ

Ban biên tập:
ThS. ĐÌNH QUỐC THỊ
TS. NGUYỄN TRỌNG TỨ
ThS. TRẦN ÁNH DƯƠNG
ThS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH
TS. NGUYỄN QUANG NGỌC
ThS. NGUYỄN XUÂN BÉ
ThS. LÊ ĐÌNH HÙNG

Thư ký:
ThS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Trình bày:
ThS. NGUYỄN XUÂN BÉ

Địa chỉ: TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TRẦN PHÚ HÀ TĨNH
Số 14, Đường Hoàng Xuân Hãn,
Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 885073
Fax: 02393 885073

Email:phongkhoaoc.tcctp@gmail.com
Website:http://www.truongchinhtrihatinh.gov.vn

Bìa 1, 2,3,4 và phụ trương: Ảnh: Lê Đình Hùng

In 200 cuốn, khuôn khổ 19 x 26,5 cm
Tại Công ty CP in Hà Tĩnh. Số 153
- Hà Huy Tập - TP. Hà Tĩnh. Giấy
phép xuất bản số: 78/GP-STTTT do
Sở Thông tin và Truyền thông Hà
Tĩnh cấp ngày 06/11/2020. In xong
và nộp lưu chiểu tháng 11/2020

MỤC LỤC

I. NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ThS. Đình Quốc Thị:

Trường Chính trị Trần Phú phát huy truyền thống 75 năm, không ngừng đổi mới sáng tạo, toả sáng niềm tin.

2

TS. Nguyễn Trọng Tứ:

Góp phần nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

5

ThS. Nguyễn Thị Lam:

Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về đánh giá cán bộ trong giai đoạn hiện nay.

11

ThS. Trần Thị Quỳnh Nga:

Tấm gương tự học, học suốt đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với giảng viên giảng dạy lý luận chính trị hiện nay

14

ThS. Nguyễn Thị Thảo Linh:

Vận dụng phong cách diễn đạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào giảng dạy lý luận chính trị.

17

ThS. Trần Thị Bích Thủy:

Làm rõ nguyên tắc “Tin vào dân, dựa vào dân, phấn đấu vì quyền lợi của nhân dân” trong tư tưởng Đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

20

Ths. Nguyễn Thị Lan Anh:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và việc xây dựng hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay.

24

ThS. Nguyễn Quỳnh Nga:

Ảnh hưởng của cách mạng Tháng mười Nga đối với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

28

ThS. Phan Chí Quyết:

Góp phần tìm hiểu “Thế trận lòng dân” trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

31

ThS. Bùi Thị Nhung:

Góp phần nâng cao hiệu quả công tác đánh giá chất lượng đảng viên trong các chi bộ đảng hiện nay.

35

ThS. Chu Thị Thu Huyền:

Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

38

ThS. Võ Thanh Cường:

Góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục lý luận trong giai đoạn hiện nay.

41

ThS. Phan Thị Ái Vân:

Một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục gia đình trong giai đoạn hiện nay.

43

ThS. Nguyễn Thăng Mỹ:

Phát huy vai trò của gia đình trong giáo dục đạo đức cá nhân giai đoạn hiện nay.

46

ThS. Phan Thị An Phú:

Phát huy vai trò của gia đình trong giáo dục đạo đức cá nhân giai đoạn hiện nay.

48

II. THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

ThS. Trần Ánh Dương:

Một số giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn Hà Tĩnh trong giai đoạn 2021-2030.

52

TS. Nguyễn Quang Ngọc:

Vận dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

55

ThS. Nguyễn Mỹ Hạnh:

Vận dụng phương pháp dạy học bằng tình huống trong giảng dạy phần học Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo quản lý của cán bộ lãnh đạo quản lý ở cơ sở.

60

ThS. Nguyễn Trọng Vinh:

Đổi mới công tác ra đề, kiểm tra góp phần nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng tại Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh.

63

ThS. Nguyễn Xuân Bé:

Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ cấp cơ sở ở Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay.

66

ThS. Nguyễn Viết Sơn:

Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học môn Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội.

70

ThS. Phan Bá Linh:

Trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh với cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

72

ThS. Nguyễn Duy Long:

Những thành tựu nổi bật trong 10 năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn Hà Tĩnh.

76

Ths. Lê Đình Hùng:

Tâm sự người thầy giáo ở trường chính trị.

80

ThS. Thái Thị Hiến:

Trường Chính trị Trần Phú phát huy truyền thống đoàn kết, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

82

Trần Thị Tú Anh:

Góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng văn hóa công sở tại Trường Chính trị Trần Phú.

86

ThS. Lê Thị Thùy Dung:

Nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật góp phần thúc đẩy cải cách thể chế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

89

ThS. Trần Thị Thúy Hương:

Hà Tĩnh đẩy mạnh công tác dân vận của các cấp chính quyền và cơ quan nhà nước.

92

ThS. Hồ Thanh:

Nâng cao đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn Hà Tĩnh.

97

III. TRANG THƠ NHẠC

Đoàn Xuân Bá:

Tổ khúc dân ca Nghệ Tĩnh “Trường Chính trị Trần Phú, 75 năm - Biết mấy tự hào”.

100

Đình Quốc Thị:

Hát về mái trường tôi yêu.

104

Đức Ban - NS. Ngọc Thịnh:

Từ ngôi trường thân yêu.

105

NSUT. Quốc Nam - Đức Ban:

Hát Về một ngôi trường.

106

NSUT. Quốc Nam:

Người con Sông La

107

IV. THÔNG TIN

ThS. Thái Thị Hiến:

Biểu đồ Kết quả đào tạo, bồi dưỡng từ năm 1991-2020

108

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG 75 NĂM, KHÔNG NGỪNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, TỎA SÁNG NIỀM TIN



ĐINH QUỐC THỊ

Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú

Xác định “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, có vai trò quan trọng đối với việc thành bại của cách mạng, sau Cách mạng Tháng Tám thành công, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, ngày 20/10/1945, Tỉnh ủy Hà Tĩnh quyết định mở lớp huấn luyện cán bộ đầu tiên cho 30 cán bộ Việt Minh, cán bộ ủy ban nhân dân cách mạng các huyện, các xã; sau đó ngày 12/12/1945, Đại hội Đảng bộ tỉnh đã quyết định tiếp tục mở các lớp huấn luyện chính trị, lấy tên là “*Lớp Chính trị Trần Phú*”. Từ đây, Trường Chính trị Trần Phú ra đời để đảm đương việc đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ đảng viên.

Trong kháng chiến chống Pháp, giữa bộn bề khó khăn, thiếu thốn, công tác huấn luyện cán bộ luôn được duy trì. Nhờ vậy, Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã nhanh chóng xây dựng được đội ngũ cán bộ cốt cán, nhất là cán bộ cơ sở đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp, đất nước vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ Quốc. Để đảm đương nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhà trường tiếp tục được tăng cường cán bộ, giảng viên và

cơ sở vật chất. Từ tháng 9/1956, Trường Chính trị Trần Phú đổi tên thành “*Trường Đảng Trần Phú*” và đã tiếp tục có nhiều đóng góp quan trọng, góp phần sửa sai cải cách ruộng đất, xây dựng hợp tác xã và tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Từ 1965, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bước sang giai đoạn mới. Nằm trên địa bàn “*Vừa hậu phương - vừa tuyến lửa*”, Hà Tĩnh đã trở thành trọng điểm bị đánh phá vô cùng ác liệt của đế quốc Mỹ. Nhà trường phải sơ tán nhiều lần, qua nhiều địa điểm khác nhau, trong bom rơi đạn nổ, trong đủ bề thiếu thốn khó khăn, niềm tin chiến thắng vẫn luôn ngời lên trong từng bài giảng, từng trang giáo án, góp phần làm nên sức mạnh thần kỳ của đất nước, quê hương, “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”.

Sau giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc, hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh hợp nhất, trường mang tên “*Trường Đảng Trần Phú Nghệ Tĩnh*”. Trải qua 15 năm nhập tỉnh, trường đã không ngừng phấn đấu vươn lên, sát cánh kề vai cùng Đảng bộ và Nhân dân Nghệ - Tĩnh tập trung hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo Quốc phòng - An ninh.

Từ năm 1991, theo yêu cầu phát triển, tỉnh Hà Tĩnh tái lập. Với tầm nhìn xa trông rộng vào vai trò của đội ngũ cán bộ, Đại hội Đại biểu đảng bộ tỉnh khóa XIII (1992) đã xác định: “Tiếp tục bồi dưỡng nhận thức về chủ nghĩa Mác- Lênin; tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ chí Minh; kiến thức quản lý; lòng yêu đất nước, quê hương; có ý thức phấn đấu cho dân giàu nước mạnh, chống tư tưởng bảo thủ, tự ti, hẹp hòi. Xây dựng niềm tin, có lập trường kiên định về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội”. Để đảm đương trọng trách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngày càng tăng, ngày 18/11/1995, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 95-QĐ/TU thành lập “*Trường Chính trị tỉnh Hà Tĩnh*”. Từ ngày 20/10/2003 đến nay, trường được mang tên Trường Chính Trị Trần Phú Hà Tĩnh, tiếp tục được tăng cường về mọi mặt và đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của tỉnh nhà.

30 năm qua, kể từ ngày tái lập tỉnh đến nay trường đã tổ chức 199 lớp đào tạo, phối hợp đào tạo với 15.794 học viên, 378 lớp bồi dưỡng với 34.967 học viên; thực hiện hàng chục đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp trường; phát hành gần 100 số nội san, Thông tin lý luận thực tiễn với gần 1500 bài viết, hướng dẫn hàng ngàn học viên xếp loại học tập xuất sắc, loại giỏi thực hiện hàng ngàn đề tài nghiên cứu làm khóa luận tốt nghiệp; tổ chức biên soạn Tập bài giảng tình hình nhiệm vụ địa phương, Bộ tài liệu bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới, tài liệu bồi dưỡng các chức danh cán bộ cấp xã.., đồng thời tích cực tham mưu, phối hợp tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành nhiều cơ chế chính sách quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đảng và hệ thống chính trị.

“Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, trải qua 75 năm phấn đấu, rèn luyện và trưởng thành, Trường Chính trị Trần Phú không ngừng lớn mạnh. Đến nay bộ máy nhà trường đã được sắp xếp lại theo Quy định 09-QĐ/TW ngày ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ban bí thư Trung ương và Quyết định số 1107 ngày ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Ban thường vụ Tỉnh ủy, với cơ cấu tổ chức bộ máy gồm: Ban Giám hiệu, 2 phòng, 3 khoa với tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên là 48 người, gồm 44 người trong biên chế, 4 nhân viên hợp đồng phục vụ. Về trình độ chuyên môn 41/44 biên chế có trình độ đại học, trên đại học (93%), trong đó có 72,7 % (32/44 người) có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ; 100% (32/32) giảng viên có trình độ chính trị trung cấp trở lên, trong đó cao cấp, cử nhân là 26 đồng chí. Về ngạch công chức, viên chức: có 2 chuyên viên cao cấp, 23 giảng viên chính và tương đương. Cơ sở vật chất được đầu tư đáp ứng tốt hơn cho các hoạt động của nhà trường. Tổ chức Đảng, Đoàn thể được xây dựng ngày càng vững mạnh, dân chủ được phát huy, sự đoàn kết thống nhất trong nhà trường được củng cố, tăng cường.

75 năm, đồng hành cùng Đảng bộ và Nhân dân tỉnh nhà, với bao khó khăn thử thách, nhưng cho dù ở đâu và giai đoạn cách mạng nào, Trường Chính trị Trần Phú dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy vẫn luôn luôn giữ một vị trí quan trọng, tỏa sáng niềm tin và ngời lên sắc đỏ. Được Đảng, Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý.

Bây giờ có người đã ra đi, nhiều người trưởng thành nhưng ngôi trường thì vẫn cứ trẻ trung với trang giáo án và những bài học mới về lý luận và thực tiễn sau nhiều thập niên được đúc rút, tổng kết từ khó

lửa chiến tranh và công cuộc đổi mới của đất nước, quê hương. Có đi qua những nơi trường sơ tán, qua những lớp học đèn dầu, những tháng ngày lặn lội, “chống trời, chống giặc”, “máu trộn mồ hôi” mới thấy hết niềm vui, hạnh phúc của những lớp học hôm nay. Thời gian khổ thiếu thốn đủ bề trong giảng dạy, nghiên cứu, học tập, giờ chỉ còn trong ký ức!

Mong ước được học tập nâng cao trình độ mọi mặt, được học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị đã trở thành hiện thực, nhưng mong muốn được cống hiến nhiều hơn sức lực trí tuệ cho đất nước quê hương thì vẫn luôn là khát vọng ở mỗi cán bộ, giảng viên, học viên nhà trường hôm nay.

Suốt 75 năm xây dựng, trưởng thành, chất lọc từ những thành công và chưa thành công, Trường Chính trị Trần Phú đã tổng kết, rút ra nhiều bài học sâu sắc, trở thành hành trang để bước tới tương lai, đó là phải thường xuyên chăm lo xây dựng xây dựng đội ngũ cán bộ giảng viên vững vàng về chính trị, tư tưởng, có đạo đức trong sáng, giỏi về chuyên môn, phong phú, nhuần nhuyễn về thực tiễn, tận tụy với công việc được giao; xây dựng đảng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường vững mạnh; trong đào tạo, bồi dưỡng, phải gắn lý luận với thực tiễn, lấy chất lượng làm trọng; phát huy dân chủ trong giảng dạy, học tập; nêu cao tinh thần tự rèn luyện, tự học, tự nghiên cứu của học viên; chăm lo xây dựng cơ sở vật chất; phối hợp có hiệu quả với cấp ủy, chính quyền cấp huyện, cấp xã, lãnh đạo các sở ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; tranh thủ có hiệu quả sự lãnh đạo, chỉ đạo

của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ nội vụ, Tỉnh ủy, Ban thường vụ tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đối với mọi hoạt động của nhà trường.

Kế thừa, phát huy truyền thống vẻ vang và những bài học kinh nghiệm quý báu có được, thời gian tới, để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ mà nghị quyết Đại Hội Đảng bộ Tỉnh khóa XIX đã đề ra, Trường Chính trị Trần Phú phải quán triệt sâu sắc các chủ trương nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên vững mạnh, tích cực đổi mới, sáng tạo, nâng cao hiệu quả, chất lượng mọi mặt công tác; đẩy mạnh học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, phấn đấu giành nhiều thành tích to lớn hơn nữa, xứng đáng với niềm tin yêu và sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, Chính quyền và mọi tầng lớp Nhân dân tỉnh nhà.

Năm tháng sẽ đi qua, nhưng những thành tích của Trường Chính trị Trần Phú trong 75 xây dựng và trưởng thành sẽ mãi mãi tươi nguyên, góp phần tô thắm truyền thống lịch sử vẻ vang của Đảng bộ và Nhân dân Hà Tĩnh anh hùng. Có được niềm vui, hạnh phúc hôm nay trước hết là nhờ sự nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi của các thế hệ cán bộ, giảng viên, học viên nhà trường trong suốt chặng đường cách mạng lâu dài và gian khổ. Đó cũng là kết quả lãnh đạo, dìu dắt của Đảng bộ và Nhân dân Hà Tĩnh qua các thời kỳ. Truyền thống hào hùng đó mãi mãi là động lực tinh thần để Trường Chính trị Trần Phú tiếp tục vững bước đi lên trên con đường đổi mới, thấp sáng niềm tin trên mọi nẻo đường của đất nước, quê hương./.

GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI



TS. NGUYỄN TRỌNG TỨ

TUV, Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Trần Phú

Công tác tuyên truyền là một bộ phận hết sức quan trọng trong công tác tư tưởng của Đảng, góp phần làm cho Đảng ta thực sự vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức; giúp cho Đảng luôn giữ vững được bản chất cách mạng, đảm nhận và hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng trong các thời kỳ lịch sử. Việc đổi mới nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền là yêu cầu cấp thiết đang đặt ra trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Công tác tuyên truyền có vai trò quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân ta. Lênin khẳng định: “Chúng ta sẽ đạt được tất cả những gì cần thiết, chúng ta sẽ thắng tất cả những trở ngại do chế độ cũ để lại, những trở ngại mà ta không thể khắc phục ngay một lúc được. Cần phải giáo dục lại quần chúng; chỉ có tuyên truyền và cổ động mới có thể làm được việc đó”.

Công tác tuyên truyền là một bộ phận hết sức quan trọng của công tác tư tưởng của Đảng nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Làm tốt công tác tuyên truyền giúp cho đảng viên và quần chúng nhân dân có thể giới quan, nhân sinh quan cộng sản, phương pháp luận khoa học, bản lĩnh chính trị vững vàng; góp phần nâng cao kiến thức, bồi

dưỡng lối sống đẹp, xây dựng con người mới, nền văn hoá mới; góp phần đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái của những phần tử cơ hội về chính trị và các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

Thông qua việc truyền bá hệ tư tưởng cách mạng và khoa học, làm cho hệ tư tưởng đó được cả xã hội thừa nhận, trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, công tác tuyên truyền góp phần tạo sự nhất trí cao về tư tưởng trong Đảng và sự thống nhất về chính trị, tinh thần trong các tầng lớp Nhân dân; khơi dậy, phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, tính tích cực, tự giác, động viên cổ vũ các tầng lớp Nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng.

Đối với Đảng, việc đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền trong Đảng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, làm cho Đảng ta luôn luôn vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức; góp phần trực tiếp xây dựng Đảng thực sự trở thành đội tiên phong của cấp công nhân và Nhân dân lao động; đảm bảo cho Đảng ta luôn giữ được bản chất cách mạng, không ngừng nâng cao tầm trí tuệ, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng trong từng thời kỳ.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, trước những biến động phức tạp của tình hình khu vực và trên thế giới, tình hình khó khăn trong nước, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn dao động, hoài nghi về con đường đi lên CNXH, phủ nhận thành quả của CNXH hiện thực trên thế giới; không ít người mơ hồ, lạch lạch trong nhận thức đối với chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch trong và ngoài nước bằng nhiều âm mưu và thủ đoạn xảo quyệt, nhất là trên không gian mạng xã hội, đang tìm mọi cách chống phá, xuyên tạc sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Chúng tìm mọi cách can thiệp sâu vào công việc xây dựng và phát triển đất nước ta, âm mưu xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị xã hội. Do đó, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng ngày càng gay gắt và phức tạp; những thủ đoạn chống phá Đảng và sự nghiệp đổi mới trên mặt trận tư tưởng xuất hiện dưới nhiều hình thức, phương pháp tinh vi, nguy hiểm hơn so với trước đây. Những cuộc tiến công thù địch vào con người Việt Nam, vào đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam... ngày càng ráo riết, nhiều tầng, nhiều lớp. Đặc biệt, chúng biến những luận điệu vu khống nước ta về vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “tự do tôn giáo” thành luật pháp, chính sách chống Việt Nam.

Đất nước ta đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá; sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới đang đặt ra nhiều vấn đề mới cả về lý luận và thực tiễn cần quan tâm giải quyết. Cùng với những yếu kém về nhận thức,

tư tưởng, trong đạo đức và lối sống, công tác tư tưởng nói chung và công tác tuyên truyền của Đảng và hệ thống chính trị nói riêng còn bộc lộ không ít những hạn chế, khuyết điểm. Dự thảo Báo cáo Tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng trình Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: «Công tác tư tưởng có lúc có việc thiếu kịp thời, chưa sắc bén, tính thuyết phục chưa cao; việc giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên. Công tác thông tin tuyên truyền một số đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước chưa kịp thời. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có lúc có nơi vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, còn bị động, lung túng, tính chiến đấu chưa cao; định hướng dư luận có lúc còn chậm”(1)

Trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng tình hình công tác tư tưởng trong nhiệm kỳ qua, Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nắm chắc, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng trong Đảng, đồng thuận cao trong xã hội.(2)

Tiếp tục “Tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước

nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động trong Đảng và Nhân dân. Đổi mới và triển khai đồng bộ việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tệ quan liêu, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, nói không đi đôi với làm trong cán bộ, đảng viên”. (3)

Dự thảo Báo cáo Tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nhấn mạnh công tác tư tưởng phải: “Dự báo sát, chủ động nắm chắc tình hình tư tưởng, kịp thời xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội, đảm bảo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận trong xã hội. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; chủ động cung cấp thông tin chính xác, khách quan đúng định hướng để phòng, chống “diễn biến hòa bình”, thông tin xấu độc trên Internet, mạng xã hội”(4).

Để nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tuyên truyền đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, cần thực hiện tốt những giải pháp cơ bản như sau:

Thứ nhất: Phải nắm chắc quy tắc, phương châm công tác tư tưởng.

Nguyên tắc công tác tư tưởng của Đảng là những quy định dựa trên cơ sở khoa học để chủ thể công tác tư tưởng xác định yêu cầu nội dung, hình thức tổ chức và phương thức tác động đến khách thể nhằm đạt mục đích đề ra. Đó là nguyên tắc đảm bảo tính đảng, tính khoa học, nguyên tắc thống nhất lý luận với thực tiễn. Đồng thời với việc nắm chắc nguyên tắc, phải quán triệt và vận dụng sáng tạo, linh hoạt

các phương châm công tác tư tưởng, đó là: công tác tư tưởng phải gắn chặt với đường lối nhiệm vụ chính trị, thống nhất công tác tư tưởng với hoạt động của các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là với công tác tổ chức, với hoạt động kinh tế xã hội và với pháp luật. Công tác tư tưởng phải gắn chặt với phong trào cách mạng của quần chúng và phù hợp với từng đối tượng quần chúng. Kết hợp chặt chẽ việc giáo dục tư tưởng chính trị ở nhà trường với việc rèn luyện trong thực tiễn cách mạng; kết hợp công tác tư tưởng trong Đảng với công tác tư tưởng trong xã hội, kết hợp giữa xây và chống.

Thứ hai: Phải nắm vững lý luận và tri thức khoa học, lựa chọn đúng nội dung, và luôn luôn có thông tin mới.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, có ba nguồn trí tuệ bổ sung tốt nhất cho chúng ta, đó là: nghiên cứu để nắm vững tinh thần cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin; tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng trong nước; tổng kết, vận dụng kinh nghiệm cách mạng thế giới.

Nội dung công tác tuyên truyền vô cùng đa dạng và phong phú, không chỉ bao gồm những vấn đề chủ quan do yêu cầu của công tác tuyên truyền đặt ra phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng thời kỳ mà còn bao gồm những vấn đề khách quan do cán bộ đảng viên và nhân dân yêu cầu, những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn sinh động của cuộc sống. Trong tình hình hiện nay, yêu cầu hết sức quan trọng là nội dung công tác tuyên truyền phải đáp ứng được nhu cầu nguyện vọng ngày càng phong phú, đa dạng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Có như vậy nội dung công tác tuyên truyền mới sâu sắc, thiết thực và hấp dẫn, góp phần tạo động lực tinh thần, động viên mọi tầng lớp nhân dân phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng.

Ngoài lựa chọn đúng nội dung, công tác tuyên truyền phải mang đến cho cán bộ Đảng viên và Nhân dân những thông tin mới, có cơ sở khoa học, chính xác, nhằm góp phần nâng cao nhận thức tư tưởng, giải đáp những vướng mắc, dự báo tình hình và định hướng dư luận xã hội, tạo sự thống nhất cao về chính trị tinh thần trong cán bộ đảng viên và nhân dân. Muốn vậy, người tuyên truyền phải tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo của cấp uỷ Đảng; phải tích cực sưu tầm tài liệu, thu nhập thông tin; không ngừng làm giàu vốn tri thức và kinh nghiệm thực tiễn; nắm bắt được nhu cầu, tâm lý của đối tượng để công tác tuyên truyền thực sự mang lại hiệu quả. Việc cung cấp thông tin phải kịp thời, đúng đối tượng và đúng thời điểm. Các cơ sở đảng cần có sự nhận diện thông tin thật sáng suốt. Thông tin có giá trị nhất định khi nó có thể thay đổi niềm tin và hành động nhưng nó cũng có thể phản tác dụng khi xuất hiện không đúng thời điểm, không phù hợp với đối tượng. Cùng với việc mở rộng nội dung và minh bạch thông tin cần phải thực hiện bảo vệ bí mật nhà nước nhưng phải tránh tình trạng lợi dụng quy định để “mật hóa” văn bản, thiếu hoặc chậm công khai, minh bạch thông tin theo qui định.

Thứ ba: Trong công tác tuyên truyền phải áp dụng các hình thức và phương pháp phù hợp.

Để thực hiện nội dung tuyên truyền có thể thông qua nhiều hình thức như tổ chức học tập, hội thảo, sinh hoạt chính trị, toạ đàm, thông qua các phương tiện như sách báo, phát thanh, truyền hình, các hoạt động văn hoá văn nghệ. Đa dạng hoá các hình thức cổ động như: mít tinh, diễu hành, tờ rơi, khẩu hiệu, tranh cổ động, panô, áp phích, triển lãm... Phương thức tuyên truyền cần ngắn gọn, dễ nhớ, dễ vận

dụng, phù hợp với từng đối tượng, từng vùng miền trong cả nước. Đối với mỗi vấn đề tuyên truyền, cổ động, cần có lộ trình, quy trình, mục đích, bước đi cụ thể, dưới các hình thức khác nhau để việc tuyên truyền được thực hiện một cách tự nhiên, không hình thức, không gượng ép, chú ý nghệ thuật, nâng cao hiệu quả. Kết hợp đa dạng, nhiều hình thức, nhiều kỹ năng và áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng trong tình hình mới.

Tiến hành công tác tuyên truyền thông qua mạng internet một cách trực diện, liên tục, xây dựng những kênh thông tin trên môi trường mạng vừa tin cậy đối với Đảng và Nhà nước, vừa thân thiện với cộng đồng mạng để thực hành công tác thông tin, tuyên truyền một cách nhanh nhạy, hiệu quả. Trong công tác truyền truyền, đấu tranh qua mạng internet, người viết nghiên cứu kỹ để hiểu sâu sắc bản chất vấn đề, từ đó chủ động tiếp cận, thu thập đầy đủ và xử lý kịp thời thông tin nhằm phản bác một cách kịp thời, khoa học, có luận cứ đối với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Để tuyên truyền có hiệu quả cần đa dạng hoá phương pháp tuyên truyền, đặc biệt là phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích, giải thích chứng minh, phương pháp so sánh, phương pháp nêu điển hình... Những hình thức và phương pháp tuyên truyền có mối quan hệ biện chứng, bổ sung cho nhau, hỗ trợ cho nhau. Trong mọi hình thức tuyên truyền đều có sự kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền miệng, cổ động trực quan và các phương tiện kỹ thuật để tạo sức mạnh công tác tuyên truyền. Trong công tác tuyên truyền, phải đặc biệt chú trọng việc nâng cao chất lượng và nghệ thuật tuyên truyền miệng. Muốn vậy, phải điều tra, nắm vững đặc

điểm tâm lý đối tượng tuyên truyền, lựa chọn nội dung, phương pháp phù hợp; phải chú trọng xây dựng đề cương lập luận bài nói chuyện đảm bảo chặt chẽ, khoa học. Ngoài nắm chắc nội dung, phương pháp tuyên truyền, phải không ngừng trau dồi phong cách, nghệ thuật trong công tác tuyên truyền.

Trong công tác tuyên truyền, cần chuyển hướng mạnh mẽ từ thông tin một chiều, định hướng từ trên xuống dưới sang chú trọng thông tin hai chiều. Tăng cường đối thoại, lắng nghe thông tin thực tiễn từ cơ sở. Thường xuyên nắm bắt dư luận xã hội để có những giải pháp phát huy mặt tích cực; kịp thời chấn chỉnh và uốn nắn những biểu hiện tiêu cực... Đổi mới cách thức tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, các phong trào thi đua yêu nước theo hướng thiết thực, không phô trương, hình thức, lãng phí, phù hợp với điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư: Phải tăng cường hơn nữa việc xây dựng, đào tạo bồi dưỡng công tác đội ngũ cán bộ, đầu tư nâng cấp các cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động trong công tác tuyên truyền.

Trong điều kiện yêu cầu nhiệm vụ công tác tuyên truyền ngày càng cao, trình độ nhận thức và nhu cầu tiếp thu thông tin của cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân không ngừng được nâng lên, chúng ta càng phải chú trọng việc lựa chọn những người có đủ phẩm chất và năng lực, nhất là năng khiếu tuyên truyền, đáp ứng yêu cầu được giao trong tình hình mới. Cần kịp thời bổ sung nguồn nhân lực mới, thay thế dần những người không đảm bảo tiêu chuẩn, hoạt động kém hiệu quả, không có năng lực, năng khiếu trong công tác tuyên truyền. Phải đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo chính quy và tăng cường

các khoá bồi dưỡng thường xuyên nhằm không ngừng nâng cao trình độ, năng lực, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ tuyên truyền; tổ chức kịp thời việc tổng kết rút kinh nghiệm. Đặc biệt phải đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ, có phẩm chất và năng lực, có năng khiếu, nhiệt tình trong công tác.

Yêu cầu cấp bách đang đặt ra hiện nay là cần tăng cường đầu tư nâng cấp các cơ sở vật chất và hiện đại hoá các phương tiện hoạt động, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác tuyên truyền. Cần kịp thời sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách đối với công tác tuyên truyền đặc biệt là chính sách đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền nhằm phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền.

Thứ năm: Thường xuyên chủ động nắm bắt tư tưởng, thái độ của các tầng lớp nhân dân.

Trong bối cảnh tình hình quốc tế, khu vực diễn biến phức tạp, thực tiễn công cuộc đổi mới đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng đang diễn ra hết sức gay gắt; tình hình, diễn biến về tư tưởng xã hội hiện nay khá phức tạp, trong đó, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân có sự dao động, hoài nghi đối với con đường phát triển của đất nước, đối với chế độ và vai trò lãnh đạo của Đảng. Cần đặc biệt quan tâm điều tra, nắm bắt dư luận xã hội nhằm đánh giá mức độ thành công, bất cập, hạn chế, cũng như phản ứng khác nhau của dư luận xã hội đối với các vấn đề được tuyên truyền, nhất là những vấn đề mới, những vấn đề nhạy cảm, những vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau, những vấn đề dư luận đang quan tâm... Các cấp ủy Đảng cần có kế hoạch cụ thể chỉ đạo công tác tư tưởng, chủ động nắm bắt, đánh giá, dự báo diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và

quần chúng nhân dân trong cơ quan, đơn vị mình và có biện pháp giải quyết kịp thời. Thực hiện nghiêm túc định kỳ cấp ủy đảng, chính quyền tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; xây dựng và thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các cơ quan làm công tác tư tưởng trong quá trình hoạch định, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc và nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân...

Thứ sáu: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy vai trò của hệ thống chính trị đối với công tác tuyên truyền.

Thực tế cho thấy sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của cấp ủy Đảng, công tác tham mưu, quản lý, điều hành của các ban tuyên giáo là nhân tố quyết định chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền. Để tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác tuyên truyền, phải tiếp tục nâng cao nhận thức của cấp ủy và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị đối với công tác tuyên truyền; xây dựng chương trình kế hoạch cụ thể về công tác tuyên truyền; phân công cấp ủy viên có đủ năng lực phụ trách công tác tuyên truyền. Cần xây dựng và thực hiện quy chế, quy định mọi tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở và mọi đảng viên đều có trách nhiệm trực tiếp làm công tác tư tưởng

Đặc biệt, tăng cường chỉ đạo, tạo sự phối hợp thống nhất đồng bộ của các ngành, các đoàn thể, các lực lượng làm công tác tuyên truyền. Phải coi công tác tuyên truyền là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Nếu chúng ta quan niệm công tác tuyên truyền chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan tuyên giáo với một số cán bộ chuyên trách ít ỏi thì chắc chắn không thể tạo ra mặt trận tư tưởng rộng lớn, vững chắc. Do đó, cần chỉ đạo, tổ

chức cho cả hệ thống chính trị và toàn dân làm công tác tuyên truyền dưới sự lãnh đạo của Đảng. Không thể coi nhân dân chỉ là người thụ động học tập, nghiên cứu những bài giảng chính trị do cán bộ tuyên giáo truyền đạt. Nếu chúng ta huy động được sự tham gia của quần chúng vào đời sống tư tưởng, nếu trí tuệ của Đảng bắt mạch được vào quần chúng, được quần chúng tham gia hưởng ứng thì sức mạnh của công tác tư tưởng, tuyên truyền sẽ được nhân lên gấp bội.

Hiện nay, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng đang diễn ra hết sức phức tạp, thực tiễn cuộc sống đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ, theo đó, diễn biến tình hình trong đời sống tinh thần xã hội đang diễn ra hết sức sinh động. Thiết nghĩ, đầu tư cho công tác tư tưởng nói chung, công tác tuyên truyền nói riêng xét cho cùng là đầu tư cho nguồn nhân lực, đầu tư cho sự đồng thuận tinh thần, chính trị trong xã hội và đó cũng chính là đầu tư cho phát triển. Điều càng đặt ra yêu cầu khách quan, cấp thiết cần tiếp tục đổi mới, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác tuyên truyền nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Chú thích:

(1). Đảng Cộng sản Việt Nam, Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, tháng 4/2020, tr.250.

(2). Đảng Cộng sản Việt Nam, Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, tháng 4/2020, tr.61

(3),(4) Đảng Cộng sản Việt Nam, Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, tháng 4/2020, tr.278

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



Th.S NGUYỄN THỊ LAM

Giảng viên Khoa xây dựng Đảng

Cán bộ và công tác cán bộ là nhân tố quan trọng, có ý nghĩa quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Vì vậy, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ. Người khẳng định: “Cán bộ là gốc của mọi công việc”; “muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”⁽¹⁾, do đó, công tác cán bộ phải được xem “công việc gốc” của Đảng. Trong các khâu của công tác cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng công tác đánh giá cán bộ, coi đây là việc làm trước tiên, thường xuyên nhằm xem xét lại nhân tài, tìm ra những nhân tài mới, mặt khác để phát hiện những cán bộ không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Trên cơ sở hiểu, đánh giá đúng cán bộ rồi “tùy tài mà dùng người”, như vậy mới có được đội ngũ cán bộ vì Đảng, vì Dân, đủ đức, đủ tài.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, việc đánh giá cán bộ phải xem xét đầy đủ các mối quan hệ cơ bản của cán bộ như quan hệ với chính mình; quan hệ với Nhân dân; quan hệ với Đảng, Nhà nước thông qua cơ quan, đơn vị. Trong quan hệ với chính mình, người cán bộ phải có năng lực công tác, phẩm chất đạo đức và bản lĩnh chính trị, nói cách khác là phải có sự hội tụ giữa tài và đức. Đặc biệt để đánh giá năng lực cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng người cán bộ làm việc phải có sáng kiến, phải luôn kiểm điểm mình để phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt sai lầm khuyết điểm của bản thân, “mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, mỗi ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình,

tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt”⁽²⁾. Quan hệ với nhân dân thể hiện ở “việc gì cũng bàn bạc với nhân dân, giải thích cho nhân dân”⁽³⁾. Trong quan hệ với Đảng và Nhà nước, người cán bộ phải lấy quan điểm của Đảng làm nền tảng cho mọi hoạt động. Đảng ta là Đảng của Nhân dân, vì Nhân dân mà phục vụ. Do đó, người cán bộ khi làm bất cứ việc gì phải đặt lợi ích của Đảng lên trước lợi ích của cá nhân, làm việc phải vì lợi ích của dân, phải chịu trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước và Nhân dân; cần tránh biểu hiện “miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối “quan” chủ. Miệng thì nói “phụng sự quần chúng”, nhưng họ làm trái ngược với lợi ích quần chúng, trái ngược với phương châm và chính sách của Đảng và Chính phủ”⁽⁴⁾.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc đánh giá cán bộ phải dựa vào tiêu chuẩn cán bộ, các tiêu chí, yêu cầu của công việc. Cán bộ được cất nhắc phải hội đủ bốn tiêu chuẩn cơ bản: trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh; liên lạc mật thiết với quần chúng, hiểu biết quần chúng; luôn luôn chú ý đến lợi ích nhân dân; luôn luôn giữ đúng kỷ luật. Khi xem xét, đánh giá cán bộ không được bảo thủ, định kiến, phải yêu thương cán bộ, nhưng yêu thương cán bộ không phải là vô vè, nuông chiều, thả mặc, thương yêu cán bộ “là giúp họ học tập thêm, tiến bộ thêm. Là giúp họ giải quyết những vấn đề khó khăn sinh hoạt, ngày thường thì điều kiện dễ chịu, khi đau ốm được chăm sóc, gia đình họ khỏi khó khăn”. Thương yêu cán bộ còn là luôn chú ý đến công tác của họ, hề thấy có khuyết điểm thì giúp họ

sửa chữa ngay. Vì bản thân cán bộ cũng thay đổi suy nghĩ, cách làm việc do nhiều mối quan hệ tác động chủ quan lẫn khách quan... Người lấy ví dụ “có người khi trước theo cách mạng mà nay lại phản cách mạng. Có người khi trước không cách mạng mà nay lại tham gia cách mạng. Thậm chí có người nay đang theo cách mạng, nhưng sau này có thể phản cách mạng. Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm? Quá khứ, hiện tại và tương lai của mọi người không phải luôn giống nhau”⁽⁵⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, những người làm công tác cán bộ, trong cách xem xét cán bộ cần chú trọng các mặt sau: Xem xét, đánh giá cán bộ phải trong toàn bộ quá trình công tác, cả lúc khó khăn và khi thuận lợi. Người chỉ rõ: “Xem xét cán bộ, không chỉ xem xét ngoài mặt mà còn phải xem tính chất của họ. Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn cả lịch sử, toàn cả công việc của họ”⁽⁶⁾. Đánh giá cán bộ là một công việc khó. Người lấy ví dụ “Có người lúc phong trào cách mạng cao, họ vào Đảng, họ làm việc rất hăng. Nhưng lúc phong trào hơi khó khăn thì đâm ra hoang mang. Lúc gặp sự nguy hiểm thậm chí hóa phản cách mạng, làm mật thám. Muốn làm mật thám được việc, thì nó lại công tác hăng hơn ai hết. Nếu ta không xem xét rõ ràng, thì lầm nó là cán bộ tốt”⁽⁷⁾. Do đó, phải xem xét cán bộ trong quá trình công tác lâu dài để đánh giá đúng cán bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Người đời ai cũng có khuyết điểm. Có làm việc thì có sai lầm, ta phải khéo nâng cao chỗ tốt, khéo sửa chữa chỗ xấu cho họ”⁽⁸⁾. Do đó, người lãnh đạo cần giúp đỡ cán bộ nhận ra sai lầm và khắc phục, sửa chữa sai lầm đó. Như vậy, xem xét cán bộ phải thấy được xu hướng phát triển của họ, từ đó làm cơ sở cho công tác bồi dưỡng, huấn luyện, đào tạo, luân chuyển cán bộ một cách hợp lý. Xem xét,

đánh giá cán bộ khách quan, công tâm sẽ khiến cho họ đem hết tài năng và nhiệt huyết của mình phục vụ cho công việc.

Theo Hồ Chí Minh, việc xem xét, đánh giá cán bộ phải xuất phát từ thực tiễn hoạt động của cán bộ. Nếu xa rời thực tiễn, sẽ mắc phải bệnh quan liêu trong xem xét, đánh giá cán bộ. Từ thực tiễn hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chia cán bộ ra làm hai loại: “Ai mà hay khoe công việc, hay a dua, tìm việc nhỏ mà làm, trước mặt thì theo mệnh lệnh, sau lưng thì trái mệnh lệnh, hay công kích người khác, hay tự tăng bốc mình, những người như thế, tuy họ làm được việc, cũng không phải cán bộ tốt. Ai cứ cắm đầu làm việc, không ham khoe khoang, ăn nói ngay thẳng, không che giấu khuyết điểm của mình, không ham việc dễ, tránh việc khó, bao giờ cũng kiên quyết làm theo mệnh lệnh của Đảng, vô luận hoàn cảnh thế nào, lòng họ cũng không thay đổi, những người như thế, dù công tác kém một chút cũng là cán bộ tốt”⁽⁹⁾. Người cán bộ tốt phải là người mà nói đi đôi với làm, không tham vọng chức quyền, hăng hái, nhiệt tình trong công việc, sẵn sàng nhận nhiệm vụ mà không nề hà khó khăn. Muốn đánh giá đúng cán bộ, người làm công tác cán bộ phải thực sự bám sát thực tiễn hoạt động của cán bộ, theo dõi, nhắc nhở, động viên kịp thời.

Nhìn nhận thực trạng công tác đánh giá cán bộ hiện nay, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã thẳng thắn thừa nhận: “Việc đổi mới công tác cán bộ chưa có đột phá lớn. Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu nhất qua nhiều nhiệm kỳ nhưng chưa có những tiêu chí cụ thể và giải pháp khoa học để khắc phục”⁽¹⁰⁾. Một số tổ chức đảng đánh giá cán bộ chưa đúng thực chất, còn hình thức; tình trạng nể nang, né tránh trách nhiệm, ngại va chạm và dân chủ hình thức trong đánh giá cán bộ vẫn còn khá phổ biến ở các cấp; tinh thần tự phê bình và phê bình chưa cao. Không ít trường hợp đánh giá cán bộ còn chủ quan, mang tính cá nhân, cục bộ hoặc bị các mối quan hệ xã

hội khác chỉ phối mà chưa phản ánh chính xác phẩm chất, năng lực của cán bộ. Bản thân cán bộ, đảng viên vẫn chưa thực sự tự giác kiểm điểm tự phê bình và phê bình. Nhận xét của cơ quan đơn vị với cán bộ hầu hết đều tốt, nên vẫn có hạn chế trong việc đánh giá đúng thực chất, khách quan. Vẫn có tình trạng cán bộ năng lực yếu vẫn được cất nhắc bổ nhiệm, thiêu gương mẫu vẫn được khen thưởng, làm suy giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Để khắc phục những hạn chế yếu kém trong công tác đánh giá cán bộ đòi hỏi phải thực hiện tốt các nội dung sau:

Thứ nhất, các cấp ủy, tập thể lãnh đạo quản lý các cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu các tổ chức Đảng, đoàn thể, cơ quan Nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang cần nhận thức đầy đủ, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đánh giá cán bộ, từ đó nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác đánh giá cán bộ, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, đúng các quy định của Đảng, Nhà nước.

Thứ hai, cần hoàn thiện các tiêu chí cụ thể đánh giá gắn với công việc của từng cán bộ, công chức, viên chức. Tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức là những tiêu chí phản ánh phẩm chất, năng lực của người cán bộ. Nắm vững tiêu chí mới có căn cứ khách quan để đánh giá đúng cán bộ cũng như tiến hành các khâu của công tác cán bộ. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mà xây dựng, mô tả vị trí việc làm của từng chức danh. Đây là một trong những nội dung đổi mới công tác tổ chức cán bộ hiện nay, nhằm nâng cao chất lượng chính trị và năng lực hoạt động của từng chức danh trong tổ chức bộ máy; là cơ sở để đối chiếu, đánh giá năng lực hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cán bộ. Nghị quyết Đại hội XI của Đảng chỉ rõ “Đánh giá và sử dụng đúng cán bộ trên cơ sở những tiêu chuẩn, quy trình đã được bổ sung, hoàn thiện, lấy hiệu quả công tác và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo

chủ yếu”⁽¹¹⁾. Khi đánh giá cán bộ, các chủ thể cần căn cứ các tiêu chí như: phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng; năng lực ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định; phong cách lãnh đạo; hiệu quả công tác và sự tín nhiệm của nhân dân... Xây dựng tiêu chí đánh giá cán bộ nên cụ thể tiêu chí từng chức danh. Ví dụ: quá trình đánh giá cuối năm nên 15% xuất sắc dành cho cán bộ lãnh đạo quản lý và 15% xuất sắc dành cho cán bộ, công chức, viên chức để tạo động lực thúc đẩy cán bộ nhân viên làm việc.

Thứ ba, chú trọng công tác kiểm tra, giám sát đối với cán bộ, công chức, viên chức. Đối với cán bộ, công chức, viên chức việc kiểm tra, giám sát sẽ làm cho họ làm việc có trách nhiệm hơn trong công việc được giao, điều chỉnh được hành vi của mình cho đúng chuẩn mực, tránh được những thói hư tật xấu nảy sinh trong quá trình công tác. Từ đó, tránh việc mất đi những người tài năng nhưng sa sút về đạo đức. Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đối với tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ đánh giá cán bộ sẽ đảm bảo cho việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện đúng quy định, tránh quan liêu, tiêu cực trong đánh giá, nhận xét cán bộ. Công tác kiểm tra, giám sát sẽ cung cấp tư liệu cho quá trình đánh giá được chính xác hơn.

Thứ tư, phải kết hợp các kênh thông tin để đánh giá cán bộ. Khi đánh giá cán bộ phải kết hợp các kênh thông tin để có căn cứ đánh giá đúng cán bộ, cụ thể là: cấp ủy trực tiếp quản lý cán bộ; cấp ủy cấp trên trực tiếp; cơ quan tổ chức cán bộ; lấy hiệu quả công tác thực tế làm thước đo; cán bộ, nhân viên dưới quyền, quần chúng nhân dân đánh giá và cán bộ tự đánh giá. Mỗi kênh đánh giá đều phản ánh được thế mạnh, ưu điểm, nhưng trong đó kênh chủ đạo là cấp ủy đảng gắn với trách nhiệm đánh giá của người đứng đầu; hiệu quả công tác thực tế

Xem tiếp trang 16

TẤM GƯƠNG TỰ HỌC, HỌC SUỐT ĐỜI CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HIỆN NAY



Ths. TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ

Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Cuộc đời cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương của tự học, tự phấn đấu và rèn luyện. Thông qua con đường tự học và bằng những hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã làm giàu vốn tri thức của mình bằng những tri thức tiến bộ của dân tộc và thời đại, trở thành Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất.

Quá trình tự học được thực hiện khi người học xác định rõ mục đích học tập cho mình và xây dựng động cơ học tập đúng đắn. Trong lời khuyên đối với vấn đề tự học, việc xác định mục đích học tập được Hồ Chí Minh nhắc đến đầu tiên: “phải biết tự động học tập”. Muốn vậy, phải hiểu rõ mấy điều: “Học để làm gì?... Học để sửa chữa tư tưởng... Học để tu dưỡng đạo đức cách mạng... Học để tin tưởng... Học để hành”⁽¹⁾. Theo Người, học không phải để lấy danh, để trang sức, mà “học để làm việc, làm người”, “học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”⁽²⁾. Bởi vậy, còn sống còn phải học, học để tiến bộ mãi, để bắt kịp với xu thế của thời đại. Hồ Chí Minh chỉ rõ sự cần thiết phải học, sự học là vô cùng vì “thế giới tiến bộ không ngừng, ai không học là lùi”⁽³⁾. Có được động cơ học tập đúng đắn, người học mới tự nguyện, tự giác học tập, không gò ép, không khiên cưỡng, “xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ mà người cán bộ cách mạng phải hoàn thành cho được”, tự động hoàn thành kế hoạch học tập, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng, không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào trong việc học tập. Có được tinh thần tự nguyện học tập

người học mới chủ động tìm tòi, khám phá tri thức bằng tinh thần say mê, hứng thú.

Cốt lõi của học tập là tự học. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947), khi đề cập đến công tác huấn luyện cán bộ Người viết: “lấy tự học làm cốt. Do thảo luận và chỉ đạo giúp vào”⁽⁴⁾. Sau này, khi nói về công tác huấn luyện và học tập (1950), Hồ Chí Minh lại nhấn mạnh: “phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học”⁽⁵⁾. Học bao giờ cũng là tự học. Không ai học thay được cho mình. Hồ Chí Minh luôn phê phán việc học tập thụ động, lười học, ỷ lại vào thầy cô giáo, vào nhà trường. Hồ Chí Minh căn dặn: “không phải có thầy thì học, thầy không đến thì đùa”⁽⁶⁾, phải tìm lấy sách mà đọc, lấy sách làm thầy, “Phải biết tự động học tập”. Nếu học là quá trình biến những tri thức khoa học được tích lũy từ nhiều thế hệ của nhân loại thành kiến thức của mình thì tự học chính là yếu tố cơ bản nhất làm cho quá trình tích lũy ấy diễn ra nhanh nhất và hiệu quả nhất. Tự học chính là nỗ lực của bản thân người học, sự làm việc của bản thân người học một cách có kế hoạch trên tinh thần tự nguyện, tự giác cao cần phải có môi trường và sự quản lý chỉ đạo giúp vào.

Là giảng viên giảng dạy lý luận chính trị gánh trên vai trọng trách truyền thụ kiến thức lý luận chính trị, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thổi bùng ngọn lửa đam mê, để mỗi tiết giảng, bài giảng không còn là sự đơn điệu, khô khan, nặng về lý thuyết, độc thoại. Để hoàn thành tốt nhiệm

vụ của mình, mỗi giảng viên phải luôn tự học, tự đào tạo và đào tạo không ngừng để mở rộng kiến thức, cập nhật kiến thức, nắm bắt thực tiễn và tự hình thành cho mình các kỹ năng, nghiệp vụ giảng dạy.

Trước hết, muốn tự học có hiệu quả cần phải có kế hoạch, mục tiêu cụ thể, thiết thực. Chúng ta sẽ không đạt được kết quả cũng như không thể đến đích nếu không biết mình định làm gì, bến đỗ của mình ở đâu. Cuộc hành trình có dài đến đâu rồi cũng phải có điểm kết thúc. Muốn vậy phải xây dựng được mục tiêu và kế hoạch khoa học. Mục tiêu nên cụ thể, đi từ dài hạn đến ngắn hạn, từ mục tiêu nhỏ đến mục tiêu lớn, kế hoạch cho từng tháng, từng kỳ, từng năm. Với mục tiêu rõ ràng, dù lớn hay nhỏ, nếu được đều đặn xây đắp mỗi ngày bằng sự kiên trì, nỗ lực và tận tâm chắc chắn chúng ta sẽ hoàn thành. Như vậy, xây dựng mục tiêu, kế hoạch phải rõ ràng, phải bao gồm khối lượng công việc sẽ đạt được và tính khả thi của mục tiêu, kế hoạch đặt ra và cao hơn so với khả năng thực hiện của chính mình. Cùng với đó là sự nỗ lực không ngừng nghỉ của bản thân, không chịu “chùn chân, mỏi gối”, chúng ta sẽ thực hiện được mục tiêu.

Hai là, bản thân mỗi giảng viên phải nhận thức được vai trò và nhiệm vụ của mình trong chiến lược đào tạo để vươn lên và không ngừng tự học, tự đào tạo. Trong thư gửi *Hội nghị giáo dục toàn quốc* (tháng 3/1955), Hồ Chí Minh viết: “Thế giới ngày càng đổi mới; tất cả tiến bộ rất nhanh. Cán bộ và giảng viên cũng phải tiến bộ cho kịp thời đại thì mới làm tròn nhiệm vụ. Chớ tự túc, tự mãn, cho là giỏi rồi thì dừng lại. Mà dừng lại là lùi bước. Cho nên phải cố gắng học tập”⁽⁷⁾.

Ngày nay, trong thời đại khoa học công nghệ, trong xã hội bùng nổ thông tin, người giảng viên muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ phải không ngừng học tập, nếu không sẽ bị đào thải. Để nâng cao chất lượng bài giảng cũng như tránh được cách dạy đơn điệu,

nặng về lý thuyết đòi hỏi giảng viên phải nỗ lực cao. Đối với giảng viên giảng dạy lý luận chính trị cần phải đầu tư nhiều thời gian, chịu khó đọc và tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm những thông tin khoa học mới. Mỗi giảng viên phải coi quá trình đào tạo ở trường đại học chỉ là sự đào tạo ban đầu, đặt cơ sở cho sự đào tạo tiếp tục, trong đó sự tự học, tự đào tạo đóng vai trò quyết định sự thành đạt của mình. Phải triệt để tận dụng mọi hoàn cảnh, mọi phương tiện, mọi hình thức để học, “học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học ở nhân dân”. Mỗi cán bộ, giảng viên phải “*Học tập là làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, “học, học nữa, học mãi”, “học để làm người, làm việc... để phụng sự đoàn thể và nhân dân”, muốn vậy phải ra sức “Luôn luôn ra sức thi đua công tác và học tập, thật thà tự phê bình và phê bình để cùng nhau tiến bộ mãi”⁽⁸⁾.

Ba là, mỗi giảng viên cần gia tăng sự tiếp thu học hỏi. Điều này chính Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Đông phương, Tây phương có gì hay chúng ta nên học”. Đông phương, Tây phương ở đây chính là tất cả những gì xung quanh chúng ta, học hỏi từ bạn bè, đồng nghiệp và chính từ học trò của mình. Cần tham gia nhiều hơn vào các hoạt động chuyên môn, những lớp tọa đàm, chia sẻ về kiến thức, kinh nghiệm phù hợp với đặc thù, nghề nghiệp của mỗi người. Đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên giảng dạy lý luận lại càng đòi hỏi điều này. Giảng dạy lý luận chính trị không chỉ là dạy lại những kiến thức mà mình đã được học, đã nghiên cứu mà hơn hết còn phải giảng dạy bằng sự trải nghiệm, sự hiểu biết sâu sắc tình hình kinh tế, chính trị, lịch sử, văn hóa, xã hội của đất nước và thế giới. Muốn vậy, cán bộ, giảng viên cần có tinh thần, thái độ nghiêm túc trong nghiên cứu thực tiễn, không chạy theo hình thức, không qua loa, chiếu lệ. Thông qua trải nghiệm thực tế, giảng viên cũng cố thêm kiến thức lý luận và kinh nghiệm thực tiễn, làm cho bài giảng của mình thêm phong phú, sinh động. Nếu

chúng ta có tinh thần khiêm tốn, có phương pháp, cách thức tự học tốt chắc chắn chúng ta sẽ tranh thủ tận dụng được tối đa sức mạnh, tri thức, kinh nghiệm từ đồng chí, đồng nghiệp.

Bốn là, tăng cường thực hành trong tự học, học đến đâu thực hành đến đó. Tri thức và hành động cần phải đi đôi, hợp nhất với nhau mới được gọi là người có học thức. Biết mà không thực hành được thì cũng chưa gọi là biết được. Học, tự học không phải cần biết thật nhiều mà “cần phải thật biết những gì mình biết”, học không phải chỉ là sự giáo điều về nguyên lý, quy luật mà hơn cả là “học lập trường, quan điểm và vận dụng vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đất nước”, tức học phải đi đôi với hành, lý luận phải gắn liền với thực tiễn, có vậy mới tránh được giáo điều, rập khuôn, máy móc, bài giảng mới trở nên sinh động và thiết thực. Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực học đi đôi với hành, học đến đâu thực hành đến đó, vận dụng và phát triển một cách linh hoạt, sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Ngày nay, trong thời đại khoa học công nghệ, tri thức của nhân loại tăng lên rất nhanh vì vậy, vấn đề tự học đang trở thành một yêu cầu cấp bách và bắt buộc cho tất cả mọi người, đặc biệt là giảng viên giảng dạy lý luận chính trị. Hồ Chí Minh đã dạy: “người nào tự cho mình đã biết đủ cả rồi thì người đó là dốt nhất”⁽⁹⁾. Đây chính là điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự báo từ hơn nửa thế kỷ trước. Phát triển mạnh phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên, liên tục, suốt đời và rộng khắp trong toàn dân, nhất là đối với giảng viên giảng dạy lý luận chính trị đang là yêu cầu cần thiết để nâng cao chất lượng dạy và học./.

- (1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, sđd, T6, tr.50.
- (2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, sđd, T4, tr.36.
- (3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, sđd, T9, tr.489.
- (4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, sđd, T6, tr.50.
- (5) Hồ Chí Minh: Toàn tập, sđd, T6, tr.50.
- (6) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, sđd, t.12, tr.489.
- (7) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, sđd, t.8, tr.488.
- (8) Hồ Chí Minh: Toàn tập, sđd, T6, tr.46.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG...

(Tiếp theo trang 13)

và tín nhiệm của quần chúng nhân dân có ý nghĩa chi phối, quyết định.

Thứ năm, mỗi cán bộ phải nêu cao tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình. Bản thân mỗi cán bộ phải tự đánh giá được những ưu, khuyết điểm của bản thân mình; nghe đồng chí, đồng nghiệp góp ý về những ưu, khuyết điểm của mình để từ đó xây dựng phương hướng, giải pháp để khắc phục khuyết điểm, rèn luyện thực hiện những tiêu chí thi đua khen thưởng mà cơ quan đơn vị đưa ra, đồng thời phải thẳng thắn góp ý, phê bình đối với đồng chí mình. Việc thực hiện tốt phê bình và tự phê bình sẽ giúp cho cấp ủy, người đứng đầu có thêm thông tin để đánh giá xếp loại cán bộ đảm bảo công khai, dân chủ, công bằng.

Chú thích:

- (1). Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb CTQG, H.2011, tr.309
- (2). Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 279.
- (3). Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 334
- (4). Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.7, tr. 176
- (5), (6). Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 5, tr. 317 – 318
- (7). Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 5, tr. 323
- (8), (9). Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 5, tr. 318
- (10). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Hà Nội, 2016, tr. 194
- (11). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. CTQG, H.2011, tr.261 Top of Form

VẬN DỤNG PHONG CÁCH DIỄN ĐẠT CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀO GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



Ths. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Phong cách Hồ Chí Minh là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ di sản vô giá mà Người để lại cho dân tộc ta. Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực hoạt động của Người; là sự kết tinh của truyền thống văn hoá dân tộc với tinh hoa văn hoá của nhân loại tạo thành một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ. Phong cách tư duy, phong cách lãnh đạo, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử và phong cách sinh hoạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là tấm gương cho chúng ta học tập và làm theo.

Diễn đạt (gồm nói và viết) là hoạt động hằng ngày của mỗi người chúng ta. Đây là hai kỹ năng quan trọng của con người. Muốn làm chủ quá trình tư duy và nâng cao hiệu quả giao tiếp, mỗi người chúng ta đều phải trau dồi khả năng nói và viết. Trường chính trị tỉnh là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở; cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương. Người giảng viên phải xác định nhiệm vụ của mình như một chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, chuyên

tải quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với các đối tượng học viên và quần chúng nhân dân. Vì vậy, đối với người giảng viên giảng dạy lý luận chính trị, để chuyển tải được những nội dung đó đến các đối tượng học viên một cách hiệu quả thì việc học tập, rèn luyện làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đặc biệt rèn luyện theo phong cách diễn đạt trong nói và viết của Người là một trong những nội dung cần thiết và hết sức quan trọng.

Phong cách diễn đạt của Hồ Chí Minh thể hiện rõ nhất qua cách nói và viết của Người và được thể hiện ở một số đặc trưng cơ bản sau:

Một là, cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, ngắn gọn, dễ hiểu. Cách nói và viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh rất ngắn gọn, tự nhiên, rõ ràng, cụ thể, phù hợp với trình độ nhận thức, hiểu biết, cách suy nghĩ của từng người đọc, người nghe. Bác thường chỉ rõ các nguyên tắc về chủ đề, đối tượng, mục đích, phương pháp mỗi khi diễn đạt đó là: nói, viết cái gì?; nói, viết cho ai?; nói, viết để làm gì?; nói, viết như thế nào? Nói một từ, viết một câu, bao giờ Người cũng chú ý làm sao người bình thường nhất cũng hiểu và làm được. Trong lời mở đầu tác phẩm “Đường cách mệnh”, Hồ Chí Minh đã nói rõ: “Sách này muốn nói cho vắn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ... đây nói việc gì thì nói rất giản tiện, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không

tô vẽ trang hoàng gì cả... Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: Kách mệnh! Kách mệnh! Kách mệnh!”⁽¹⁾. Mục đích nói và viết theo Người là làm cho lý luận trở nên gần gũi, dễ hiểu với tất cả mọi người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chọn lọc từ ngữ trong quá trình sử dụng để sao cho “lời ít, ý nhiều”. Đặc biệt Người ưu tiên sử dụng những từ thuần Việt nhằm không ngừng làm trong sáng tiếng nói của dân tộc. Nhờ đó, những bài nói, bài viết của Người thường rất thực tế, không xa vời, sáo rỗng và có sức thuyết phục cao.

Hai là, cách diễn đạt ngắn gọn, cô đọng, hàm súc, trong sáng và sinh động, có lượng thông tin cao. Người viết ngắn, có khi rất ngắn, nhiều câu đúc kết như châm ngôn, như: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị”. Chỉ 9 chữ mà khái quát được cả ba giai đoạn đầy biến động của đất nước, hay là “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây/Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”; “Nước lấy dân làm gốc”... nên tư tưởng lớn của Người dễ nhanh chóng đi vào quần chúng, hướng dẫn họ hành động.

Ba là, cách diễn đạt sinh động, gần gũi với cách nghĩ của quần chúng, gần với những hình ảnh ví von, so sánh cụ thể. Khi nói, khi viết, Bác Hồ thường kết hợp với kể chuyện, đan xen những câu thơ, câu ca dao có vần điệu, làm cho bài nói hay bài viết trở nên sinh động, gần gũi với quần chúng, dễ thuộc, dễ nhớ. Người sử dụng hình ảnh sinh động: “con đĩa hai vôi” để nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc; hay chân lý là những gì có lợi cho dân, không có lợi cho dân thì không phải là chân lý; chủ nghĩa cá nhân là “miễn là mình béo mặc thiên hạ gầy”, ví “lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn”⁽²⁾; “Có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ”⁽³⁾; người đọc nhiều lý luận mà

không biết đem thực hành, vận dụng chỉ là “cái hòm đựng sách”, cán bộ dân vận thì phải “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”...

Bốn là, phong cách diễn đạt luôn luôn biến hóa, nhất quán mà đa dạng, nêu gương sáng bằng hành động, nói đi đôi với làm. Trên cơ sở thống nhất về mục đích nói, viết và hành động phong cách diễn đạt Hồ Chí Minh thể hiện rất phong phú, phù hợp với nội dung thể hiện, khi đanh thép với những số liệu rõ ràng, khi sôi nổi, khi thiết tha, ân cần,... Đặc biệt, toàn bộ cuộc sống hoạt động công hiến cho dân, cho nước của Người đó là phong cách diễn đạt mẫu mực, tấm gương sáng nhất để chúng ta cần phải vươn tới.

Từ những nhận thức về phong cách diễn đạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thiết nghĩ giảng viên Trường Chính trị cần tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và vận dụng phong cách diễn đạt của Người bằng một số giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, giảng viên cần xác định đúng đối tượng học viên. Học viên của nhà trường đa số đã từng chỉ đạo thực tiễn, lăn lộn với thực tiễn nên họ rất giàu kinh nghiệm thực tiễn. Việc nghiên cứu đặc điểm học viên bao gồm trong đó cả kiến thức chuyên môn, kiến thức thực tiễn, khả năng và động cơ học tập qua đó giảng viên sẽ biết được học viên mong đợi điều gì trong quá trình học để xây dựng mục đích yêu cầu bài giảng và giảng viên lựa chọn kiến thức thực tiễn hoặc cách khai thác nhấn mạnh khía cạnh nào trong cùng một sự kiện để phù hợp đối tượng.

Thứ hai, nội dung bài giảng phải đảm bảo sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Trên cơ sở nắm vững nội dung lý luận, giảng viên cần lựa chọn phần nội dung của mỗi bài để gần gũi với thực tiễn,

đồng thời cần lựa chọn loại kiến thức thực tiễn nào, ở mức độ nào cho phù hợp. Với nguồn thực tiễn phong phú, đa dạng, việc khai thác và xử lý thông tin như thế nào, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự vật hiện tượng đó, chắt lọc các giữ liệu đưa vào bài giảng sao cho thích hợp, việc sử dụng minh họa đúng lúc, đúng chỗ những thông tin cần thiết tạo cho giờ giảng hấp dẫn, sinh động rất nhiều. Những yếu tố thực tiễn đưa vào bài giảng phải mang tính điển hình, có ý nghĩa chung và mỗi yếu tố thực tiễn đều phải có địa chỉ, xuất xứ rõ ràng và đảm bảo tính trung thực, tính thời sự. Việc lựa chọn nội dung phù hợp với đối tượng học viên để lấy ví dụ liên hệ thực tiễn và cùng học viên trao đổi là rất quan trọng, bởi nó giúp học viên hiểu rõ hơn về công việc, địa phương... của mình, góp phần giải đáp những vấn đề thực tiễn đang đặt ra ở địa phương, đơn vị.

Thứ ba, giảng viên phải rèn luyện phong cách giảng bài trên lớp. Trong giảng dạy lý luận chính trị nội dung thường mang tính lý luận, tính khái quát cao nên để truyền đạt nội dung bài giảng hiệu quả đòi hỏi giảng viên vừa là nhà sư phạm, vừa là nhà khoa học, vừa là nhà quản lý, đồng thời còn là một nhà diễn thuyết. Để đạt được điều đó, trước hết giảng viên cần phải nói đủ, không dài dòng “lời ít, ý nhiều”; thông tin trong bài giảng phải luôn có tính xác thực cao, gắn lý luận với thực tiễn; ưu tiên sử dụng từ thuần việt, chống bệnh ham dùng chữ, sính dùng từ nước ngoài, dùng từ để hiểu, dễ nhớ. Khi nói về chủ nghĩa xã hội - một vấn đề rất trừu tượng và mang tính khái quát lý luận cao nhưng lại được Người viết và giải thích rất dễ hiểu. Người thường đặt câu hỏi “chủ nghĩa xã hội là gì” và Người trả lời “là mọi người được ăn no mặc ấm, sung sướng, tự do”; “là đoàn kết, vui khỏe”. Sau này khi trình độ dân trí đã được nâng cao, Người giải thích thêm “chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn

hóa của nhân dân và do nhân dân tự xây dựng lấy”. Hay như bài “Dân vận”, Người cũng đặt vấn đề: dân vận là gì? ai phụ trách dân vận? dân vận phải thế nào? Cuối bài báo Người kết luận: Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công....

Để một bài giảng trên lớp đạt hiệu quả cao, giảng viên cần rèn luyện cho mình tác phong vững chắc, tư thế tự nhiên, linh hoạt, ánh mắt, nụ cười, điệu bộ, động tác, giọng nói... phù hợp với nội dung và đối tượng. Trong một ý, một câu cần có từ, cụm từ, nội dung cần được nhấn mạnh, người giảng viên diễn giảng cần thay đổi theo diễn biến nội dung, nên đặt câu hỏi để tăng sự chú ý của học viên. Việc sử dụng hợp lý, chính xác ý từ, hình ảnh trong kinh điển, thơ văn, ví von, so sánh, ca dao, tục ngữ, kết hợp sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại sẽ tăng tính thuyết phục và hấp dẫn cho bài giảng.

Thứ tư, giảng viên tăng cường công tác nghiên cứu khoa học. Thông qua việc viết bài hội thảo khoa học cấp khoa, cấp trường, tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, viết báo, tạp chí, thông tin lý luận và thực tiễn... sẽ giúp cho vốn kiến thức, ngôn ngữ, ý tứ ngày càng hoàn thiện; phong cách làm việc nghiêm túc, khoa học trong mỗi lĩnh vực mà giảng viên tham gia sẽ được tăng lên cả về chất và lượng qua đó giúp cho lối diễn đạt của mỗi giảng viên thêm phân tự tin, chủ động trong diễn đạt và truyền đạt kiến thức, bình tĩnh xử lý trong mọi tình huống.

Thứ năm, mỗi cán bộ, giảng viên không phải ngừng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nói chung, phong cách diễn đạt nói riêng là việc làm cần thiết, quan trọng để chúng ta sống tốt

Xem tiếp trang 30

LÀM RÕ NGUYÊN TẮC “TIN VÀO DÂN, DỰA VÀO DÂN, PHẤN ĐẤU VÌ QUYỀN LỢI CỦA NHÂN DÂN” TRONG TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH



Ths. TRẦN THỊ BÍCH THỦY

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Đại đoàn kết dân tộc là một tư tưởng lớn, nổi bật, xuyên suốt, nhất quán, trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm xây dựng, củng cố, tăng cường lực lượng cách mạng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng loài người. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết nói chung, đại đoàn kết dân tộc nói riêng là một hệ thống các luận điểm về vị trí, vai trò, nội dung, nguyên tắc, phương pháp tổ chức tập hợp lực lượng cách mạng, nhằm phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của dân tộc, của quốc tế trong sự nghiệp đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, ngoài việc xác định lực lượng, đề ra hình thức tổ chức đại đoàn kết thì một nội dung quan trọng, chi phối suy nghĩ và hành động cách mạng của người trong suốt quá trình đi tìm đường cứu nước và lãnh đạo cách mạng của Hồ Chí Minh đó là đề ra các nguyên tắc để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Từ điều kiện cụ thể của lịch sử cách mạng Việt Nam, đồng thời nghiên cứu sự thành công cũng như thất bại của các phong trào Dân chủ tư sản, phong trào Cộng sản trên thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra bốn nguyên tắc cơ bản để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Một trong những nguyên tắc rường cột, cơ bản, có tính quyết

định thành bại của đại đoàn kết dân tộc là nguyên tắc tin vào dân, dựa vào dân, phấn đấu vì quyền lợi của nhân dân.

Tin dân, dựa vào dân, phấn đấu vì quyền lợi của nhân dân trong tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh là sự kế thừa và nâng cao tư tưởng chính trị truyền thống của dân tộc: “nước lấy dân làm gốc”, “chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân”. Đồng thời là sự tiếp thu sâu sắc trong nhận thức và hành động theo nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lênin: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. Để thực hiện tư tưởng đó Hồ Chí Minh đã dồn hết tâm lực của cả cuộc đời để cống hiến cho dân tộc và nhân loại. Tư tưởng cao cả đó đúc kết trong khát khao dung dị mà mãnh liệt: “*Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn đến tột bậc, làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành*”⁽¹⁾. Đây không chỉ là khát khao, hy vọng ủa Bác mà còn là sự nhất quán trong tư tưởng và hành động của Người.

Trở lại lịch sử cách đây hơn 100 năm, khi cả dân tộc đang trong tình cảnh một cổ hai tròng, các phong trào yêu nước đều thất bại, người thanh niên ưu tú Nguyễn Tất Thành đã quyết tâm rời quê hương sang phương Tây để tìm con đường cứu nước phù hợp cho dân tộc. Con đường đó là chủ nghĩa Mác Lênin - một học thuyết khoa học và cách mạng, rồi từng bước truyền bá tư

trường tiến bộ, cách mạng ấy về Việt Nam.

Qua sự khảo nghiệm của mình, Hồ Chí Minh thấm sâu chân lý: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nhưng phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chỉ có đoàn kết mới tập hợp được sức mạnh của từng cá nhân tạo nên sức mạnh lớn lao của cả dân tộc. Làm được như vậy thì việc to mấy, nặng mấy, khó mấy cũng thành công. Tư tưởng đó trước hết bắt nguồn từ truyền thống quý báu của dân tộc ta; *thứ hai*, xuất phát từ nhu cầu của đảng cầm quyền, của quần chúng nhân dân; *thứ ba*, xuất phát từ thành công và thất bại của các cuộc đấu tranh cách mạng trong và ngoài nước. Nhưng bao trùm lên tất cả, như một dòng chảy không ngừng nghỉ đó là triết lý vì nhân dân.

Dù trong hoàn cảnh nào, thời điểm nào, Bác cũng luôn khẳng định dân là nguồn sức mạnh vô tận của khối đại đoàn kết, dân là chỗ dựa vững chắc của Đảng và hệ thống chính trị. Quan điểm đó thể hiện rõ qua những bài thơ, bài ca của Bác như: “Bài ca sợi chỉ”, “Con cáo và tổ ong”, “Hòn đá”... đã đi vào lòng quần chúng nhân dân như chân lý, như lẽ sinh tồn.

Khác với những tư tưởng đoàn kết của giai cấp phong kiến, giai cấp tư sản, coi đoàn kết là một sách lược tạm thời, một phương thức tìm đồng minh chớp nhoáng hay một thủ đoạn chính trị. Hồ Chí Minh coi đoàn kết là một chiến lược, nhân tố cơ bản và là nhiệm vụ hàng đầu của đảng cách mạng. Từ khi truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin về nước đến cuối đời, mọi suy nghĩ, hành động của Người xoay quanh những vấn đề cơ bản liên quan đến nhân dân: dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc, dân trí nâng cao, dân chủ thực hành; quan hệ của nhân dân đối với hệ thống chính trị, chế độ chính trị, sự nghiệp chính trị... Người luôn lo nỗi lo của dân, đau nỗi đau của dân. Chính Nhân dân là cơ

sở, động lực, đồng thời cung cấp phương hướng để giải quyết những vấn đề mà cách mạng đang đặt ra.

Điều đầu tiên khi xây dựng lực lượng đại đoàn kết dân tộc là phải: *Tin vào dân, dựa vào dân*.

Hồ Chí Minh cho rằng dân là gốc rễ, là nền tảng của khối đại đoàn kết. Do đó khi trở thành người lãnh đạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt niềm tin tuyệt đối vào Nhân dân, ngay cả khi cách mạng đang trong tình thế ngàn cân treo sợi tóc, Người vẫn một lòng tin tưởng vào Nhân dân. Người tin rằng “có dân sẽ có tất cả”, “có dân việc gì cũng làm được” và Người thường động viên, nhắc nhở “Chúng ta phải ghi tạc vào đầu cái chân lý này: dân rất tốt. Lúc họ đã hiểu thì việc khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ”⁽²⁾.

Theo Bác, Nhân dân có sức mạnh vô địch, khi làm việc gì mà biết tin vào dân, có dân đồng tình, ủng hộ thì khó khăn mấy cũng làm được. Do đó, trong quan hệ với dân, cần đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu đời sống, tình cảm, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân. Tuyệt đối không làm điều gì cho dân ghét, dân khinh, dân không ủng hộ. Khi quan hệ với Nhân dân, phải kính trọng, tôn trọng dân, gần gũi, thành tâm với dân, nói đi đôi với làm... có như vậy thì cách mạng mới thành công.

Biết tin dân, dựa vào dân nên khi cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ ở giai đoạn cam go, khốc liệt nhất Bác đã động viên nhân dân “Còn non, còn nước, còn người. Thắng giặc Mỹ ta xây dựng lại hơn mười ngày nay”. Lời giản dị đó đã củng cố lòng tin cho nhân dân, khi nhân dân ta đã tin tưởng vào tình cảm đặc biệt mà vị lãnh tụ tối cao dành cho mình và họ đã tự hứa: “Còn non còn nước còn Người, còn dân ta nước Việt còn nhớ những lời Bác răn”.

Với kinh nghiệm hoạt động cách mạng phong phú, Bác nhận thấy rằng dân chúng

tai mắt họ nhiều, việc gì họ cũng nghe, cũng thấy. Thế nên, “Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được. Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên”⁽³⁾. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Kinh nghiệm trong nước và các nước cho chúng ta biết: có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong”⁽⁴⁾. Bác nói: Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân. Đặc biệt, Bác luôn nhắc lại câu ca dao của bà con Quảng Bình khi nói đến vai trò của nhân dân: “Đễ mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong”.

Cùng với thái độ đánh giá cao vai trò của Nhân dân, ý thức tôn trọng Nhân dân còn phải đặc biệt chú ý không xâm phạm đến lợi ích, quyền lợi hợp pháp, không xúc phạm Nhân dân.

Mục tiêu của đại đoàn kết mà tư tưởng Hồ Chí Minh hướng tới: *Phấn đấu vì quyền lợi của nhân dân*

Trước khi cách mạng thành công, điều Bác luôn trăn trở, băn khoăn là làm thế nào để đưa dân lên địa vị làm chủ chế độ chính trị? Làm thế nào để xây dựng một nhà nước của dân, do dân, vì dân?... Hồ Chí Minh không nhìn lên trời để tìm cách thức từ những đấng siêu nhiên, không nhìn vào kinh đô tráng lệ để trông cậy vương quyền, không ỷ vào lực lượng bên ngoài nước để cầu mong cứu viện... mà Người nhìn vào đời sống, mong ước của nhân dân để tìm phương thức giải quyết vấn đề do chính nhân dân đặt ra, phương thức đó chính là tập hợp, đoàn kết, phát huy vai trò, sức mạnh của nhân dân. Muốn làm được điều to lớn, khó khăn mà vĩ đại đó thì phải nhất quán nguyên tắc phấn đấu vì quyền lợi của nhân dân. Thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ra đời nước Việt

Nam Dân chủ Cộng hòa đã minh chứng cho quan điểm đoàn kết toàn dân của Hồ Chí Minh trở thành hiện thực.

Sau khi đã giành được độc lập rồi thì vấn đề kiến quốc là hết sức quan trọng. Bởi vì “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Với nhận thức đó, đi đôi với chỉ đạo kháng chiến, Hồ Chí Minh tập trung vào nhiệm vụ kiến quốc. Muốn kháng chiến thành công thì phải có sức dân, lòng dân, muốn có sức dân, lòng dân thì phải chăm lo đời sống của dân. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ. Chúng ta phải thực hiện ngay: 1. Làm cho dân có ăn; 2. Làm cho dân có mặc; 3. Làm cho dân có chỗ ở; 4. Làm cho dân có học hành. Cái mục đích chúng ta đi đến là bốn điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức được cho tự do độc lập”.

Theo Người, để thực hiện tốt đoàn kết toàn dân, tin vào dân, dựa vào dân, phấn đấu vì quyền lợi của nhân dân Đảng, Chính phủ có trách nhiệm để dân biết được quyền lợi và bổn phận của mình, cụ thể:

1, Tạo điều kiện để nhân dân học tập nâng cao trình độ chính trị, tri thức khoa học, năng lực làm chủ để thực hiện tốt vai trò làm chủ.

2, Chú trọng công tác cán bộ - coi đó là “gốc của mọi công việc”, xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa hồng, vừa chuyên, xứng đáng là công bộc trung thành của nhân dân.

3, Trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo thực tiễn, với bất cứ việc to, việc nhỏ phải bắt đầu từ quần chúng mà ra và trở lại phục vụ quần chúng.

4, Phục vụ dân phải trên tinh thần luôn đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, trước hết, có khuyết điểm thật thà tự phê bình trước dân và hoan nghênh dân góp ý, phê bình mình. Cầu thị học hỏi dân, mực thước cần, kiệm, liêm, chính để dân noi theo.

Có thể thấy, quan điểm tin dân, dựa vào dân, phấn đấu vì quyền lợi của nhân dân không chỉ là động lực hình thành mà còn là điều kiện, nguyên tắc đảm bảo cho tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đúng đắn, đi vào thực tiễn, khẳng định trong thực tiễn. Đây được xem là nguyên tắc tối cao trong tư duy và hoạt động thực tiễn của Người. Có thể nói, mọi tư tưởng, sáng tạo của Hồ Chí Minh đều xuất phát và hướng tới lòng yêu thương, kính trọng, tin tưởng ở nhân dân. Hồ Chí Minh đã lựa chọn mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội suy cho cùng cũng vì nhân dân. Mục tiêu độc lập dân tộc tập trung ở việc lật đổ chế độ thống trị thực dân nửa phong kiến, thiết lập quốc gia dân tộc độc lập với nhà nước của dân, do dân, vì dân. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội tập trung ở thực hành dân chủ rộng rãi, không ngừng nâng cao đời sống, vật chất, tinh thần của Nhân dân. Chủ thể và lực lượng của sự nghiệp ấy là Nhân dân.

Tìm hiểu, soi chiếu tư tưởng vì dân mà cụ thể là quan điểm tin dân, dựa vào dân, phấn đấu vì quyền lợi của nhân dân trong tư tưởng của Hồ Chí Minh với thực tiễn phong trào giải phóng dân tộc đương đại để chúng ta thấy rõ bản chất, tính ưu việt, tiến bộ của tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh. Không ít nhà lãnh đạo, giới cầm quyền hiện nay, lấy điểm xuất phát từ mục đích, lợi ích của cá nhân, dòng tộc, bộ phận, giai cấp, tập đoàn thống trị... mà xa rời mong muốn, nhu cầu của quần chúng nhân dân nên khi đưa ra tư tưởng, quan điểm, mục tiêu, con đường, phương cách... không đủ sức mạnh, sự thuyết phục, đồng lòng, đồng thuận của cả dân tộc trong công cuộc giải

phóng dân tộc, đem lại tự do, hòa bình, độc lập cho dân tộc, dân chủ, no ấm, tiến bộ cho nhân dân.

Những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong hơn 90 năm xây dựng và phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chứng minh trên thực tế nguyên tắc tin vào dân, dựa vào dân, phấn đấu vì quyền lợi của nhân dân là cội nguồn sức mạnh của Đảng.

Trong điều kiện ngày nay, để hoàn thành nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội mà Tổ quốc và Nhân dân giao phó, mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận thức đúng, đủ tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng vào thực tiễn công tác của mình. Luôn xác định mình là cầu nối giữa Đảng với Nhân dân nên phải hướng về cơ sở, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân từ đó mới tổ chức họ, hướng dẫn họ, phát huy năng lực sáng tạo của họ, huy động đức tài của họ vào xây dựng đường lối, chính sách, bảo vệ và xây dựng đất nước; luôn trăn trở, ghi nhớ làm thế nào để đưa cuộc sống vào chính sách. Và khi đã xây dựng được chính sách, chủ trương đúng đắn, phù hợp rồi thì làm thế nào để đưa chính sách vào cuộc sống? cả hai mặt đó phải bổ trợ, tiền đề cho nhau thì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mới dần hiện thực hóa trong quá trình phát triển đất nước./.

Chú thích:

(1) Hồ Chí Minh. Toàn tập. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, T 4, Tr.161-162.

(2) Sdd t.5, tr.286.

(3) Sdd, t.5, tr.333.

(4) Sdd, t.5, tr.335.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI VÀ VIỆC XÂY DỰNG HỆ GIÁ TRỊ CHUẨN MỰC CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY



NGUYỄN THỊ LAN ANH

Phòng Quản lý Đào tạo và Nghiên cứu khoa học

Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển của xã hội. Sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa... đều vì mục tiêu phát triển con người. Nên sự xem xét đúng đắn về bản chất con người là vấn đề cơ bản của xã hội, để tạo lập và xây dựng một xã hội vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Chính vì vậy, khi đề cập đến con người, Hồ Chí Minh đề cập con người cụ thể, lịch sử; không có con người chung chung, trừu tượng phi nguồn gốc lịch sử hay con người theo kiểu tôn giáo. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất con người chính là sự kế thừa và phát triển những tinh hoa tư tưởng văn hoá nhân loại mà chủ yếu là tiếp thu và sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về con người trong hoàn cảnh Việt Nam. Cho nên, tùy thuộc từng điều kiện, hoàn cảnh, nội dung cụ thể của từng thời kỳ cách mạng, trong các bài nói, bài viết của mình, khái niệm con người được Hồ Chí Minh sử dụng bằng nhiều từ ngữ khác nhau: người, con người, người ta, dân, nhân dân, quần chúng, đồng bào... Mặc dù, Hồ Chí Minh không đưa ra một khái niệm hoàn chỉnh về con người, nhưng trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng, Người đã đưa ra một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về con người: là một chỉnh thể thống nhất giữa mặt sinh học và mặt xã hội; con người

chủ thể của các mối quan hệ xã hội - lịch sử, là chủ thể sáng tạo và hưởng thụ các giá trị vật chất và tinh thần của xã hội.

Trong những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh thường dùng các khái niệm “người bản xứ”, “người bản xứ bị áp bức”, “người bản xứ bị bắt làm nô lệ”, “người mất nước”, “người lao động bản xứ”, “người bị bóc lột”, “người bị bóc lột thuộc mọi chủng tộc”, “người da vàng”, “người da đen”, “người vô sản”, “người vô sản ở thuộc địa”... và đối lập với họ là những tên “thực dân”, “thực dân độc ác”, “viên chức tàn bạo”, “bọn ăn bám đủ các cỡ”, “kẻ diêm phúc có đặc quyền đặc lợi”... Hồ Chí Minh dùng khái niệm “con người” trong một số trường hợp hữu hạn.

Ban đầu, khi bàn đến con người, Hồ Chí Minh chỉ nói đến con Lạc cháu Hồng, con Rồng cháu Tiên. Nhưng nhờ chứng kiến cuộc sống của nhân các dân tộc thuộc địa dưới ách kìm kẹp của chủ nghĩa đế quốc, thực dân tàn bạo, độc ác và bên kia là những người lao động bị bóc lột, áp bức nặng nề. Người rút ra một kết luận sâu sắc: “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột”.

Trong thời gian đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc rất quan tâm đến người lao động, người cùng khổ, Nguyễn

Ái Quốc viết trong báo Người cùng khổ, nói rằng sứ mệnh của tờ báo là “giải phóng con người”.

Cuối năm 1940, suy nghĩ về đạo đức cách mạng, Người chia con người làm hai hạng: một là người bị bóc lột và hai là người bóc lột. Người viết: “Trên quả đất, có hàng muôn triệu người. Song số người ấy có thể chia làm hai hạng: người thiện và người ác”. Người còn chỉ rõ: “Trừ bọn viết gian bán nước, trừ bọn phát xít thực dân, là những ác quỷ mà ta kiên quyết đánh đổ, đối với tất cả những người khác thì ta phải yêu quý, kính trọng, giúp đỡ”.

Sở dĩ Người chia hai hạng người như vậy để thực hiện chữ: “bác – ái”, thực hiện “đại đoàn kết” và “giúp người tiến tới”. Người cho rằng “những người bị bóc lột, những người đi theo điều “thiện” thì dù màu da, tiếng nói có khác nhau, có thể coi nhau như anh em một nhà, có thể “đại đoàn kết”, “đại hòa hợp” trong một “thế giới đại đồng”. Theo Hồ Chí Minh, con người sinh ra đều tốt cả, về sau con người như thế nào là do ảnh hưởng của môi trường giáo dục mà ra. Mặt khác, trong mỗi con người đều có cái thiện và cái ác trong lòng. Do vậy, “ta phải biết cho phần tốt ở mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, ... Đối với những người có thói hư tật xấu, trừ hạng người phản lại tổ quốc và nhân dân, ta cũng phải giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho phần thiện trong con người nảy nở để đẩy lùi phần ác, chứ không phải đập cho tơi bời”.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, con người Việt Nam đã trở thành người tự do, nhân dân được làm chủ đất nước, thực hiện đại đoàn kết để kháng chiến chống thực dân Pháp. Hồ Chí Minh thường dùng các khái niệm: “đồng bào”, “nhân dân”, “quốc

dân”, “dân”... và qua đó đặt con người trong quan hệ gắn bó với khối thống nhất của cộng đồng dân tộc.

Năm 1949, để làm rõ mối quan hệ “mình đối với người”, Hồ Chí Minh đã đưa ra định nghĩa: “Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng hơn là cả loài người”. Chữ “người” theo quan Hồ Chí Minh là bao gồm tuyệt đối đại bộ phận dân tộc và thành phần chủ yếu là nhân dân lao động. Nó gần với hai chữ “đồng bào”, khi Người nói: “Đầu tiên là công việc đối với con người”, thì người đã gửi gắm tất cả tâm tư, tình cảm và bộc lộ tư tưởng của mình đối với nhân dân, đồng chí, đồng bào.

Với cách hiểu này, con người là có tính xã hội, là con người xã hội, là thành viên của một cộng đồng xã hội nhất định. Cộng đồng đó, như nhân dân ta đã quan niệm từ lâu, đó là cộng đồng ba cấp độ Nhà - Làng - Nước; còn Hồ Chí Minh lại chỉ ra một cách cụ thể hơn, rộng hơn: đó là gia đình, họ tộc, làng xã, dân tộc, đất nước cho đến cả nhân loại. Chứ không phải con người trừu tượng, đứng trên giai cấp, ngoài dân tộc, con người biệt lập hoàn toàn mà là con người có lao động, ngôn ngữ, tư duy, biết chế tạo công cụ lao động, hoàn toàn có sự phân biệt với con vật.

Con người mà Hồ Chí Minh đề cập đến là con người nằm trong những quan hệ gắn bó mọi người với cộng đồng, tạo thành những cộng đồng người từ nhỏ đến lớn. Đó là cộng đồng dân tộc và cộng đồng nhân loại. Đối với con người Việt Nam, những cộng đồng gia đình, họ tộc, làng xã, dân tộc đã tạo thành tính cộng đồng bền vững được bồi đắp qua lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, từ đó hình

thành chủ nghĩa yêu nước truyền thống, chủ nghĩa dân tộc chân chính mà Hồ Chí Minh đã coi là “động lực lớn” thúc đẩy sự phát triển đất nước.

Hồ Chí Minh thường gắn khái niệm con người với các nhu cầu, lợi ích, các nhu cầu tối thiểu hàng ngày như: ăn, mặc, ở, học hành, chữa bệnh, và các nhu cầu về văn hóa tinh thần khác, các nhu cầu ấy hoàn toàn phụ thuộc vào bản chất các quan hệ xã hội, trong đó con người đang sống và hoạt động. Trong các xã hội đã tồn tại chỉ có chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa là có khả năng thỏa mãn các nhu cầu vật chất và tinh thần hàng ngày càng tăng của con người. Đó là tính nhân văn và tính cách mạng triệt để mà Hồ Chí Minh rút ra được khi khám phá bản chất sự thật của con người.

Như vậy, cách tiếp cận cơ bản nhất của Hồ Chí Minh về vấn đề con người là thông nhất lập trường giai cấp với lập trường dân tộc, vận dụng một cách sáng tạo lập trường giai cấp vô sản vào hoàn cảnh nước ta. Con người với các đặc điểm nói trên là cốt lõi của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh và thể hiện ở ba nội dung:

Một là, sự cảm nhận, cảm thông hết sức sâu sắc mọi niềm đau khổ của con người nô lệ và con người cùng khổ. Có thể thấy rõ điều này qua các bài viết của Người tố cáo tội ác mà chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và chế độ tư bản chủ nghĩa gây ra cho con người.

Hai là, Quyết tâm hi sinh, chiến đấu để giải phóng con người và đem lại tự do hạnh phúc cho con người. Người viết: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là mong cho nước nhà được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”.

Ba là, Tin tưởng tuyệt đối ở khả năng tự giải phóng của con người và không ngừng rèn luyện, phát huy khả năng ấy.

Kế thừa và phát huy giá trị con người của tư tưởng Hồ Chí Minh, trải qua các kỳ Đại hội, vấn đề con người được Đảng ta đã vận dụng và phát huy giá trị con người phù hợp với từng giai đoạn mới.

Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII của Đảng xác định mô hình con người Việt Nam trong giai đoạn mới gồm 5 đức tính chủ yếu là: Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung; có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng, có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái; lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội; thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Trên tinh thần đó, các văn kiện Đại hội và một số nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương khóa IX, X, XI của Đảng tiếp tục hoàn thiện, khái quát mô hình con người Việt Nam và đưa ra những chủ trương cụ thể. Đặc biệt, trên phương diện con người, Nghị quyết Trung ương lần thứ 9 khoá XI đặt vấn đề xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, giáo dục đạo đức, lối sống, hoàn thiện nhân cách con người. Đó là những con người yêu nước, trung thực, lao

động tự giác, tận tụy, sáng tạo, khiêm tốn, có lối sống giản dị, có lòng vị tha, nhân ái, bao dung, đó là những giá trị, những phẩm chất của nhân cách mà con người Việt Nam phải thể hiện.

Phát triển mới về nhận thức xây dựng, phát triển văn hoá, con người Việt Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã tổng kết thực tiễn 30 năm đổi mới, tiếp tục phát triển nhận thức mang tính đột phá về nhiệm vụ xây dựng, phát triển văn hoá, con người, trong đó có nội dung hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Đại hội XII của Đảng khẳng định mạnh mẽ hơn, sâu sắc hơn sự gắn kết trong mục tiêu: “Xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hoá thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Để thực hiện mục tiêu đó, Đại hội XII chỉ ra 8 vấn đề lớn cần phải quán triệt và thực hiện trong xây dựng, phát triển văn hoá, con người thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Đó là: Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh; xây dựng văn hoá trong chính trị và kinh tế; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hoá; làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản; phát triển công nghiệp văn hoá đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hoá. Tám vấn đề nêu trên vừa

thể hiện sự kế tục, tiếp nối thành quả của sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hoá, con người trong thời kỳ đổi mới, vừa thể hiện rõ sự phát triển vượt trội lên một nấc thang mới trong nhận thức lý luận, thực tiễn của Đảng ta về lĩnh vực văn hoá, con người. Có thể nói, tư duy của Đảng ta về lĩnh vực văn hoá, con người thể hiện trong văn kiện Đại hội XII có bước tiến đặc biệt quan trọng. Văn hoá, con người được gắn kết rất chặt chẽ và sát hợp với đời sống hiện thực. Khẳng định con người là chủ thể sáng tạo, truyền bá, thụ hưởng văn hoá, là trung tâm của chiến lược phát triển. Xây dựng con người có nhân cách tốt, lối sống đẹp là trọng tâm, cốt lõi của phát triển văn hoá; mọi hoạt động văn hoá đều phải hướng tới xây dựng, phát triển con người. Con người vừa là mục tiêu, cái “mang vác” văn hoá vừa là động lực quyết định để hiện thực hoá mục tiêu xây dựng, phát triển văn hoá, con người. Diện mạo nền văn hoá quốc gia – dân tộc Việt Nam như thế nào đều hiện hình và tùy thuộc ở chất lượng con người.

Tóm lại, nhận thức sâu sắc về những giá trị dẫn đường bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh, những giá trị nhân văn và phát triển trong hệ thống các giá trị tư tưởng, đạo đức của Người, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện thắng lợi Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp của Nhà nước, xây dựng đất nước ta dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phát triển đất nước nhanh, bền vững hơn và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, kế tục xứng đáng và hiện thực hóa tư tưởng vĩ đại, thấm đẫm tinh thần khoa học, cách mạng và nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh./.

ẢNH HƯỞNG CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGHĨA ĐỐI VỚI CUỘC CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở VIỆT NAM



Ths. NGUYỄN QUỲNH NGHĨA

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Ngày 7/11/1917, Cách mạng tháng Mười giành được thắng lợi rực rỡ, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại, đưa lịch sử nhân loại sang một thời kỳ mới - thời kỳ của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Thắng lợi đó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với phong trào cách mạng thế giới hiện đại nói chung và phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam nói riêng. Ý nghĩa thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhận định: “Giống như mặt trời chói lọi, Cách mạng Tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu, hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên trái đất. Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế”(1).

Cách mạng Tháng Mười Nga thành công đã thức tỉnh và cổ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc vùng lên giành độc lập dân tộc, tự giải phóng khỏi mọi áp bức, bất công, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời cũng để lại nhiều bài học quý giá cho phong trào giải phóng dân tộc. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, chủ nghĩa Mác-Lênin đã trở thành hiện thực; làm cho chủ nghĩa tư bản không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới. Cách mạng Tháng Mười Nga mở đầu một thời đại mới - thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc. Dưới ảnh hưởng của cuộc cách mạng vĩ đại này, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông và phong trào công nhân ở

các nước phương Tây có sự gắn bó mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Với tinh thần đoàn kết đó, khi Quốc tế cộng sản được thành lập (1919) đã thay thế khẩu hiệu “Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại” bằng khẩu hiệu “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”. Khẩu hiệu đó đã thừa nhận vị trí và vai trò của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta (1858), các phong trào yêu nước liên tiếp diễn ra thể hiện cho quyết tâm không chịu làm thân phận nô lệ của người dân Việt Nam. Chỉ trong vòng một thời gian ngắn những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã có hơn 300 cuộc đấu tranh của mọi tầng lớp yêu nước theo các khuynh hướng chính trị khác nhau nhưng đều nhằm một mục tiêu chung là độc lập dân tộc, tự do cho người dân. Các phong trào diễn ra mạnh mẽ, quyết liệt, trải dài từ miền Bắc đến miền Nam thu hút được hàng triệu người dân tham gia, nhưng kết quả thì tất cả các phong trào yêu nước giai đoạn này đều thất bại. Sự thất bại của các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đặt cách mạng Việt Nam trước sự khủng hoảng về đường lối cứu nước. Nhiệm vụ lịch sử đặt ra là phải tìm một con đường cách mạng mới với một giai cấp có đủ tư cách đại biểu cho quyền lợi của dân tộc, của nhân dân, có đủ uy tín và năng lực lãnh đạo để đưa cách mạng dân tộc, dân chủ đi tới thành công. Trước tình hình đó, sự thành công của cuộc cách mạng Tháng Mười Nga như là một lời

giải đáp mang ý nghĩa mở đường và khai sáng cho dân tộc ta.

Xuất phát từ lòng yêu nước nồng nàn và trên cơ sở rút kinh nghiệm thất bại từ các bậc tiền bối, ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc sang phương Tây tìm đường cứu nước. Qua hơn 10 năm bôn ba từ khắp các nước ở các châu lục Á, Phi, Mỹ Latinh, bằng trải nghiệm cuộc sống thực tiễn, nghiên cứu các cuộc cách mạng trên thế giới, nhất là cách mạng tư sản Pháp và Mỹ, Người đánh giá cao các cuộc cách mạng này, nhưng khẳng định: Đây là cuộc cách mạng “không đến nơi”, vì cách mạng rồi mà quần chúng nhân dân lao động vẫn còn cực khổ. Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Nguyễn Tất Thành đã tin tưởng, hướng theo con đường Cách mạng tháng Mười. Người rút ra kết luận: “Trong thế giới bây giờ chỉ có Cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật...”; chỉ có con đường cách mạng vô sản mới giải phóng được giai cấp công nhân và nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột và bất công. Cách mạng Tháng Mười thực hiện công cuộc giải phóng triệt để những người vô sản và nông dân nghèo khổ khỏi sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản, của chế độ phong kiến, nâng họ lên hàng những người chủ thực sự của chế độ xã hội mới.

Như vậy, Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 đã có tác động sâu sắc đến con đường cứu nước của cách mạng Việt Nam mà Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn. Cuộc cách mạng ấy đã chỉ rõ phương hướng đấu tranh giải phóng dân tộc trên lập trường cách mạng vô sản. Người nói: “Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất,... Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư (Mác) và Lênin”. Người khẳng định “Bây

giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin”. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, chủ nghĩa Mác - Lênin dần dần được những người yêu nước Việt Nam tích cực truyền bá vào Việt Nam và cách mạng Việt Nam đã được tiếp thu ảnh hưởng đầy sức sống của Cách mạng Tháng Mười và chủ nghĩa Mác - Lênin “tựa như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn”.

Dựa trên niềm tin vào con đường Cách mạng Tháng Mười Nga, tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng xã hội Pháp (12/1920), Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp và xin gia nhập Quốc tế Cộng sản. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, từ người yêu nước trở thành người cộng sản, và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản - con đường Cách mạng Tháng Mười Nga”.

Một trong những bài học lớn mà Cách mạng Tháng Mười Nga để lại cho phong trào giải phóng dân tộc là trong thời đại lúc bấy giờ muốn cách mạng thành công thì phải thành lập được một chính đảng cộng sản. Chính vì thế, sau khi tìm được con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã cùng với những người Việt Nam yêu nước khác tích cực truyền bá Chủ nghĩa Mác-Lênin về trong nước, làm cho chủ nghĩa ấy ăn sâu bén rễ vào phong trào quần chúng, đồng thời chuẩn bị mọi điều kiện tiền đề về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho việc thành lập một chính đảng của giai cấp công nhân ở Việt Nam. Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập như một tất yếu lịch sử và là nhân tố đảm bảo cho mọi thắng lợi về sau của cách mạng Việt Nam. Chỉ 15 năm sau ngày thành lập, Đảng đã cách mạng Việt Nam đã giành thắng lợi

trong cuộc Cách mạng Tháng Tám lịch sử, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội theo tinh thần của Cách mạng Tháng Mười Nga. “Kinh nghiệm bản thân của Việt Nam chứng tỏ rằng chính là nhờ Đảng của những người Bôn-sê-vích và của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại mà ở Việt Nam đã có một đảng mácxít lên nínít và Cách mạng Tháng Tám của chúng tôi đã giành được thắng lợi”(2). Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: Đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười, nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã kiên quyết đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp và bè lũ tay sai. Năm 1945 đã làm Cách mạng Tháng Tám đánh đổ thực dân giải phóng đất nước, xây dựng chính quyền nhân dân. Người cũng khẳng định: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đặc biệt coi trọng việc vận dụng sáng tạo những bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười vào thực tế Việt Nam.

Hơn 100 năm sau ngày Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, chúng ta nhìn nhận, đánh giá lại những ảnh hưởng to lớn mang tính chất soi đường chỉ lối của cuộc cách mạng vĩ đại này đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam. Nhận thức rõ những vấn đề này chính là cơ sở quan trọng để chúng ta tiếp tục vận dụng bài học của Cách mạng Tháng Mười trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tô quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười đã dạy cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới nhiều bài học hết sức quý báu, bảo đảm cho sự nghiệp giải phóng triệt để của giai cấp công nhân và của cả loài người./.

Chú thích:

(1). Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t. 12, tr. 300.

(2). Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t.11, tr.190,

(3). Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t.15, tr.397

VẬN DỤNG PHONG CÁCH...

(Tiếp theo trang 19)

hơn, cống hiến được nhiều hơn và làm gương cho học viên và quần chúng nhân dân noi theo. Bởi, có nhận thức đúng, sâu sắc, mới củng cố được niềm tin vững chắc và dẫn tới việc làm đúng đắn, khoa học của người giảng viên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Trong giai đoạn hiện nay, phong cách diễn đạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn. Phong cách diễn đạt của Người đã vượt qua giới hạn của sử dụng ngôn ngữ thông thường và trở thành nghệ thuật giàu khả năng chinh phục, thấm sâu vào tâm hồn mỗi người dân Việt Nam. Vì vậy, việc nghiên cứu học tập phong cách diễn đạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh để xây dựng phong cách diễn đạt, hoàn thiện kỹ năng giao tiếp đối với cán bộ, giảng viên Trường Chính trị là biện pháp cần thiết và thiết thực để vận dụng vào thực tiễn công tác, cuộc sống, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình./.

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011, tr. 283

(2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.275

(3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.274

GÓP PHẦN TÌM HIỂU “THỂ TRẬN LÒNG DÂN” TRONG SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC



Ths. PHAN CHÍ QUYẾT

Giảng viên khoa Xây dựng đảng

“**T**hể trận lòng dân” là một nguồn lực sức mạnh nội sinh của Quốc gia, dân tộc; là lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, sự đồng thuận và ý chí quyết tâm cao của toàn dân tộc, tạo thành sức mạnh tổng hợp, vững chắc để cùng với các nhân tố khác thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trọng yếu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xuyên suốt chiều dài lịch sử đất nước, việc “quy tụ lòng người” là bài học kinh nghiệm quý báu đóng vai trò quyết định đến thắng lợi trong công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

Từ thời kỳ đầu của lịch sử, lòng yêu nước, ý thức tự tôn dân tộc đã kết dính muôn người và trở thành nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam. Đây là cơ sở, nền tảng và cội nguồn sâu xa để dân tộc ta huy động sức mạnh, giành độc lập, tự chủ sau hàng nghìn năm Bắc thuộc. Dưới thời nhà Trần, tư tưởng “Nước lấy dân làm gốc”; “Khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc” đã làm nên 03 lần chiến thắng vang dội trước quân Nguyên - Mông. Về sau, Nguyễn Trãi khẳng định “Chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân”, “lật thuyền mới biết sức dân như nước”, có dân là có tất cả, không được lòng dân là mất tất cả. Từ đó, ông rút ra một kết luận căn cốt, đó là: “Việc nhân nghĩa cốt để yên dân”. Nhờ dựa vào lòng dân, khởi nghĩa Lam Sơn đã nhanh chóng phát triển thành biển lửa kháng chiến của cả dân tộc và giành thắng lợi.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm “lấy dân làm gốc”, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Ở trong xã hội, muốn thành công phải có ba điều kiện là thiên thời, địa lợi và nhân hòa. Ba điều kiện ấy đều quan trọng cả. Nhưng thiên thời không quan trọng bằng địa lợi, mà địa lợi không quan trọng bằng nhân hòa. Nhân hòa là tất cả mọi người đều nhất trí”(1). Nhân hòa thực chất là tinh thần hòa hợp, đồng lòng của toàn dân, biểu hiện tập trung ở lòng yêu nước, sự đoàn kết toàn dân “muôn người như một”, được ví như “bức thành đồng” vững chắc, vô địch mà không có đội quân xâm lăng nào có thể công phá được. Chính vì vậy, Đảng ta luôn chú trọng giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong Đảng và trong nhân dân, sáng tạo nhiều hình thức tổ chức, tập hợp, thu hút đông đảo quần chúng tham gia sự nghiệp cách mạng, làm cho sự đoàn kết, đồng lòng ấy không ngừng được tăng cường vững chắc, được bổ sung những yếu tố mới, độc đáo, hiệu quả, góp phần quan trọng, quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tại Đại hội lần thứ X, Đảng lần đầu tiên sử dụng cụm từ “thể trận lòng dân” và xác định: Xây dựng “thể trận lòng dân” làm nền tảng phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân làm nòng cốt. Đại hội lần thứ XI của Đảng chỉ rõ: “Tăng cường

sức mạnh quốc phòng, an ninh cả về tiềm lực và thể trận; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững mạnh; xây dựng “thể trận lòng dân” vững chắc trong thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc”(2). Đại hội XII, Đảng tiếp tục nhấn mạnh: “Xây dựng thể trận lòng dân, tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân” trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (3).

Quán triệt quan điểm về xây dựng, củng cố “thể trận lòng dân”, Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách sát thực tiễn, hợp lòng dân, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi chính đáng của nhân dân, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trên phạm vi cả nước. Đồng thời, bảo đảm kinh tế phát triển nhanh và bền vững gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng và an sinh xã hội; thực hiện mỗi bước phát triển kinh tế là một bước cải thiện đời sống nhân dân; đẩy mạnh thực hiện các chính sách xóa đói giảm nghèo, ưu đãi đối với vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng; tạo việc làm cho người lao động, miễn giảm thuế nông nghiệp. Nhờ đó, diện mạo đất nước và đời sống của nhân dân thay da đổi thịt, mọi người dân “ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành” như lời ước nguyện của Bác Hồ. Đồng thời đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, cải cách hành chính... Việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân thường xuyên được chú trọng, góp phần quan trọng vào việc quy tụ, tập hợp các tầng lớp nhân dân; trong đó, người Việt Nam ở nước ngoài cũng cùng chung

tay, góp sức xây dựng đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Tuy nhiên, việc xây dựng “thể trận lòng dân” cũng còn gặp những trở ngại. Lợi dụng những yếu kém trong quản lý, các thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động chống phá, làm xuất hiện những lệch lạc về chuẩn mực giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống, trái với truyền thống của dân tộc và giá trị con người Việt Nam, ảnh hưởng đến sự đồng thuận, gắn kết trong xã hội; một bộ phận cán bộ, đảng viên còn có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống làm cho một bộ phận nhân dân thiếu niềm tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ; ảnh hưởng đến “thể trận lòng dân”. Thực trạng đó cho thấy, xây dựng “thể trận lòng dân” trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vừa là yêu cầu khách quan vừa là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phải tăng cường ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi địa phương. Kế thừa kinh nghiệm của truyền thống dân tộc cũng như thực tiễn của cách mạng nước ta, nhằm góp phần xây dựng và củng cố “thể trận lòng dân” trong giai đoạn hiện nay cần quan tâm một số nội dung sau:

Một là, thường xuyên quan tâm, chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân bằng hệ thống các chính sách cụ thể, để nhân dân được ấm no, yên tâm và tin tưởng vào con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Các bộ, đảng viên và Nhân dân luôn coi trọng việc tham gia, phối hợp chặt chẽ để phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và mức sống để nhân dân ổn định cuộc sống, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và vùng đặc biệt khó khăn. Quá trình thực hiện, cần có các cơ chế, chính sách phù hợp, ưu tiên những vùng đặc biệt khó khăn bằng những chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố

cổ quốc phòng, an ninh cụ thể, với khai thác tiềm năng, thế mạnh từng vùng; đồng thời, tạo điều kiện cho các địa phương và Nhân dân tiếp cận nguồn vốn và ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại vào hoạt động sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, thực hiện tiến bộ, công bằng và an sinh xã hội vì mục tiêu phát triển con người.

Đẩy mạnh nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài; chăm lo sức khỏe cho nhân dân; chú trọng giải quyết các vấn đề bất bình đẳng về lợi ích, phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, miền; thường xuyên quan tâm giải quyết tốt những bức xúc, những vấn đề nổi cộm trong đời sống của Nhân dân. Đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo bảo vệ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; có cơ chế phù hợp để nhân dân được tham gia bàn bạc, giám sát, phản biện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo sự đồng thuận trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức về tư tưởng và hành động của toàn dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của “thể trận lòng dân”; đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và củng cố “thể trận lòng dân” vững chắc đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có cả những thuận lợi và khó khăn, các thế lực thù địch đang đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, càng phải tăng cường giáo dục, tuyên truyền để nhân dân thấy rõ thời cơ và thách thức đang đặt ra đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung, trong củng cố “thể trận lòng dân” nói riêng. Phải làm cho “ý Đảng, lòng dân” về “thể trận lòng dân” thấm sâu

vào mỗi người dân, trở thành tư tưởng chủ đạo trong xây dựng “thể trận lòng dân” thời kỳ mới.

Cấp ủy, chính quyền và cơ quan ở các cấp phải thường xuyên nắm chắc tình hình, đặc điểm dân cư và yêu cầu xây dựng “thể trận lòng dân” trên từng địa bàn để có biện pháp tiên hành phù hợp, hiệu quả. Chú trọng đổi mới nội dung, đa dạng hóa các hình thức, phương pháp giáo dục, tuyên truyền; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục thường xuyên với giáo dục theo chuyên đề gắn với các sự kiện chính trị của đất nước; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể xã hội, các lực lượng, phương tiện thông tin, truyền thông và thiết chế văn hóa ở cơ sở. Đồng thời, đẩy mạnh phong trào thi đua nhằm tạo ra các điển hình tiên tiến về xây dựng “thể trận lòng dân”; từ đó, tổ chức học tập, rút kinh nghiệm và nhân rộng trên phạm vi cả nước.

Ba là, chú trọng xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị các cấp theo hướng gần dân, chăm lo cho dân, tạo sức mạnh và uy tín để củng cố niềm tin trong nhân dân. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII; làm cho từng tổ chức đảng và đảng viên thực sự trong sạch, vững mạnh, luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, đủ sức lãnh đạo xây dựng “thể trận lòng dân” đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tập trung xây dựng các tổ chức cơ sở đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng; đồng thời, coi trọng nâng cao chất lượng công tác giáo dục, rèn luyện, kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên, đảm bảo mỗi cán bộ, đảng viên thực sự là tấm gương sáng về

phẩm chất, đạo đức, lối sống, luôn đi đầu, đi trước, làm trước, làm có hiệu quả để nhân dân tin theo trong quá trình xây dựng “thể trận lòng dân” từ cơ sở. Chú trọng việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng và nhân dân trong triển khai, thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tạo sự tin tưởng, đồng thuận và ủng hộ của nhân dân đối với chủ trương, quyết sách của Đảng, Nhà nước và cấp ủy, chính quyền các cấp.

Bốn là, tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, thiết thực xây dựng “thể trận lòng dân” làm nền tảng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kiên quyết, kiên trì phòng, chống tham ô, tham nhũng theo hướng tích cực phòng ngừa là chủ yếu, kết hợp với xử lý nghiêm các hành vi vi phạm cũng như các biểu hiện dung túng, bao che hoặc ngăn cản việc chống tham nhũng, lãng phí dưới mọi hình thức. Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng gắn với tự tu dưỡng, rèn luyện của đội ngũ cán bộ, đảng viên; với coi trọng công tác quản lý, giám sát cán bộ, đảng viên theo đúng quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước. Đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình thực chất, kết hợp với mở rộng dân chủ, giữ vững kỷ cương, công khai minh bạch mọi vấn đề đối với từng cá nhân, tổ chức, để nâng cao hiệu lực, hiệu quả phòng, chống tham nhũng, lãng phí, nhất là trong các lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao như quản lý và sử dụng đất đai, khai thác tài nguyên, tài chính, ngân hàng, xây dựng cơ bản,... Đề cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương và phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân,

các phương tiện thông tin đại chúng trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Trong quá trình thực hiện, cần kiên quyết xử lý, thay thế những cán bộ lãnh đạo, quản lý tham nhũng hoặc liên quan đến tham nhũng; đồng thời, có chính sách khuyến khích, bảo vệ các tổ chức, cá nhân phát hiện, tố cáo tham nhũng, lãng phí. Chủ động và tích cực đấu tranh làm thất bại mọi mưu đồ lợi dụng vấn nạn tham nhũng để kích động, xúi giục, chia rẽ đoàn kết nội bộ, làm xói mòn niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Năm là, tăng cường hoạt động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, phòng, chống và làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, ngăn chặn, đẩy lùi “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách trong các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của mọi tổ chức, mọi lực lượng, của các cấp, các ngành, các địa phương, là giải pháp góp phần xây dựng “thể trận lòng dân” vững mạnh. Cần chủ động nghiên cứu, dự báo, đánh giá và nhận diện đúng về “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; đồng thời, luôn kiên quyết đấu tranh, kiên trì quán triệt, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm, phương châm, giải pháp đấu tranh phòng, chống “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của Đảng và Nhà nước ta.

Chú thích:

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, H, 2011

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, H, 2011.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, H, 2016.

GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



Ths. BÙI THỊ NHUNG

Giảng viên khoa Xây dựng Đảng

Là người sáng lập, giáo dục và rèn luyện Đảng cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng về tư tưởng. Sinh thời Người từng nói: “Công tác lãnh đạo tư tưởng là quan trọng nhất. Trong Đảng và ngoài Đảng có nhận rõ tình hình mới, hiểu rõ nhiệm vụ mới, thì tư tưởng mới thống nhất, tư tưởng thống nhất thì hành động mới thống nhất. Nếu trong Đảng và ngoài Đảng từ trên xuống dưới, từ trong đến ngoài đều tư tưởng thống nhất và hành động thống nhất thì nhiệm vụ tuy nặng nề, công việc tuy khó khăn phức tạp, ta cũng nhất định thắng lợi”⁽¹⁾. Vì vậy, từ khi thành lập cho đến nay, Đảng ta đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và luôn xác định đây là một trong những hoạt động quan trọng hàng đầu của Đảng, là nội dung quan trọng của công tác lãnh đạo và là phương thức lãnh đạo chủ yếu của Đảng.

“Công tác tư tưởng của Đảng là hệ thống các hoạt động của Đảng về lý luận, tuyên truyền, cổ động, văn hóa, nghệ thuật nhằm xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng, tạo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận xã hội, động viên toàn Đảng, toàn dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng⁽²⁾. Công tác tư tưởng gồm ba bộ phận chủ yếu: công tác lý luận, công tác tuyên truyền và cổ động, công tác văn hóa - văn nghệ. Mỗi bộ phận đó có vị trí vai trò riêng, nhưng có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó, công tác lý luận là mặt quan trọng hàng đầu, giữ vai trò quyết định. Chủ

tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế... Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế”⁽³⁾; công tác tuyên truyền và cổ động là bộ phận giữ vai trò xung kích, nhằm truyền bá các quan điểm, lý tưởng của Đảng đến với quần chúng. “Tuyên truyền là đem một việc gì nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó, là tuyên truyền thất bại”⁽⁴⁾, vì vậy phải luôn xác định được: Tuyên truyền cái gì? Tuyên truyền cho ai? Tuyên truyền để làm gì? Tuyên truyền cách thế nào?...; còn công tác văn hóa – văn nghệ là bộ phận quan trọng cấu thành công tác tư tưởng của Đảng, đúng như Bác Hồ đã khẳng định: “Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”.

Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, “công tác tư tưởng được coi trọng và tăng cường, góp phần tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội”⁽⁵⁾. Kết quả đó được phản ánh chủ yếu trên một số khía cạnh như:

- *Về công tác giáo dục lý luận chính trị:* Việc đào tạo, bồi dưỡng, học tập chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh không ngừng được đổi mới về nội dung, hình thức và phương pháp, kết hợp với tăng cường quản lý, kỷ luật trong giảng dạy, học tập, nhờ đó chất lượng được nâng lên, từng bước khắc phục tình trạng lười học, ngại học lý luận chính trị, dạy và học hình thức, góp phần “bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác

- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, làm cho hệ tư tưởng của Đảng, của giai cấp công nhân, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, những giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hoá dân tộc, những tinh hoa văn hoá thế giới chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội”⁽⁶⁾.

Việc nghiên cứu, học tập quán triệt, triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng được tổ chức thường xuyên và nghiêm túc hơn, chất lượng tốt hơn, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, sớm đưa Nghị quyết vào cuộc sống, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được chỉ đạo tập trung, chuyển biến tích cực.

- *Về công tác tuyên truyền*: Được thực hiện đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức, nâng cao tính hiệu quả, thuyết phục, bám sát thực tiễn phát triển đất nước, chủ động thông tin, chiếm lĩnh trận địa tư tưởng, coi trọng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước đã góp phần nâng cao nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong cán bộ, đảng viên, nhất là trong đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đồng thời quan tâm tuyên truyền, giáo dục đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, nêu gương người tốt việc tốt, tạo ra những đột sinh hoạt chính trị rộng lớn, tác động sâu sắc tới nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- *Việc nắm diễn biến tư tưởng, tâm trạng xã hội được coi trọng*; kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh và định hướng dư luận, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh được nhân dân đồng thuận.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong công tác tư tưởng vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, như: công tác tư tưởng có lúc, có việc thiếu kịp thời, chưa sắc bén, tính thuyết phục chưa cao, việc giáo dục chính trị tư tưởng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ còn chông chéo, có khi trùng lặp; công tác thông tin, tuyên truyền một số đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có khi chưa kịp thời, còn nhiều bất cập; công tác đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ chưa tăng cường giám sát và đề cao vai trò nêu gương; đấu tranh phản bác, các quan điểm sai trái, thù địch có lúc, có nơi vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, còn bị động, lúng túng, tính chiến đấu chưa cao; định hướng dư luận xã hội có lúc còn chậm; vai trò của văn học nghệ thuật trong công tác tư tưởng chưa được phát huy đầy đủ; công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa đáp ứng yêu cầu, một số vấn đề khó khăn, phức tạp chưa được làm sáng tỏ.

Trong thời gian tới tình hình thế giới vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xung đột cục bộ, sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên là những thách thức lớn đe dọa sự ổn định và phát triển ở một số khu vực và quốc gia, trong đó có Việt Nam. Đất nước ta sau gần 35 năm đổi mới, thế và lực ngày càng mạnh hơn, nhưng sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân vẫn đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, nhất là bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn còn tồn tại, đòi hỏi công tác tư tưởng của Đảng cần phải tiếp tục đi vào chiều sâu để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Muốn làm được điều này, đòi hỏi công tác tư tưởng của Đảng cần tập trung vào một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất: Phát huy vai trò của bí thư cấp ủy, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đối

với công tác tư tưởng, phải có kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, phải gắn “xây” đi đôi với “chống”, lấy “xây” làm chính, lấy tư tưởng tiến bộ, tích cực để đẩy lùi tư tưởng sai trái, lạc hậu. Chú ý lắng nghe, chủ động nắm bắt, đánh giá, dự báo diễn biến tình hình tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đề cấp ủy có chủ trương, biện pháp lãnh đạo về tư tưởng và triển khai thực hiện thống nhất trong đơn vị. Đồng thời, trong sinh hoạt đảng cần thường xuyên nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình.

Thứ hai: Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, đẩy mạnh học tập lý luận chính trị và cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, khắc phục tình trạng lười học, ngại học lý luận chính trị trong cán bộ, đảng viên, gắn với tăng cường các biện pháp đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng. Thực hiện nghiêm túc và hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kết hợp với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đưa việc học tập ngày càng đi vào chiều sâu. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tệ quan liêu, lối sống cơ hội, thực dụng, bẽ phái, nói không đi đôi với làm trong cán bộ, đảng viên.

Thứ ba: Chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, nhằm thực hiện đa nguyên chính trị, bạo loạn lật đổ, phòng, chống nguy cơ “tự diễn biến”, “tự

chuyển hóa” trên lĩnh vực tư tưởng trước tác động phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, kịp thời phê phán các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, của các thế lực thù địch. Thường xuyên bám sát thực tiễn, tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; tôn trọng, lắng nghe ý kiến, tâm tư nguyện vọng của nhân dân, chủ động dự báo, kịp thời giải quyết những diễn biến tư tưởng, tâm trạng của nhân dân định hướng dư luận xã hội. Tập trung xử lý những khiếu nại, tố cáo của nhân dân, nhất là những vấn đề liên quan đến tham nhũng, lãng phí, quan liêu, mất dân chủ, thiếu kỷ cương của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Thứ tư: xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo và đội ngũ báo cáo viên có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín. Trước hết, cần làm tốt công tác quy hoạch, chú trọng công tác đào tạo hướng nâng cao trình độ và kiến thức tổng hợp, gắn chặt với yêu cầu nghề nghiệp, kết hợp giữa lý luận và thực hành nghiệp vụ. Bố trí, sử dụng cán bộ phải trên cơ sở quy hoạch, phù hợp với năng lực sở trường của từng người. Đồng thời, thực hiện tốt chế độ, chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo ở cơ sở./.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 8, tr. 554 - 555

(2) Giáo trình Nghiệp vụ công tác Đảng ở cơ sở, NXB lý luận chính trị, H2017, tr 121

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 273 - 274

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 191

(5) Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội địa biểu toàn quốc lần thứ XII, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr 186

(6) Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới

GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN TRONG CÁC CHI BỘ ĐẢNG HIỆN NAY



Ths. CHU THỊ THU HUYỀN

Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Đảng mạnh là do Chi bộ tốt, chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt”. Muốn biết thực chất các đảng viên có thực sự tốt hay không thì phải thông qua đánh giá chất lượng. Đánh giá đảng viên “là cơ sở để cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và từng cá nhân tự soi, tự sửa lại mình, từ đó đề ra chủ trương, giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm trong lãnh đạo, quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ; làm căn cứ để thực hiện các nội dung về công tác cán bộ; góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên.”⁽¹⁾. Thực tế cho thấy, những chi bộ duy trì tổ chức sinh hoạt chặt chẽ, việc đánh giá, phân loại tốt đã góp phần nâng cao nhận thức tư tưởng, tính tổ chức, kỷ luật, tính chiến đấu và tinh thần phấn đấu của đảng viên. Sau khi đánh giá, phân loại, các tổ chức đảng tổng kết, tuyên dương khen thưởng, kỷ luật kịp thời làm động lực thúc đẩy cá nhân và có tính khích lệ cả tổ chức. Tuy nhiên, công tác kiểm điểm, đánh giá chất lượng đảng viên hàng năm nhìn chung vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định như: Công tác đánh giá, xếp loại của một số cấp ủy cơ sở chưa chặt chẽ, chưa phản ánh đúng thực chất kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đảng viên, ở nhiều tổ chức đảng, việc kiểm điểm, đánh giá còn mang tính hình thức, chiếu lệ, nể nang, né tránh, “dĩ hòa vi quý”; việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ còn mang tính chung chung, thiếu cụ thể; tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình chưa cao, một số chi bộ chưa thấy được vai trò của công tác tự

phê bình và phê bình trong đảng nên ngại đấu tranh, góp ý, nhất là đối với những đảng viên giữ chức vụ. Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa nắm chắc các hướng dẫn, lúng túng trong quy trình triển khai thực hiện. Nhiều cấp ủy cho rằng việc đánh giá, phân loại là việc “đến hẹn lại lên”, chưa thực sự chú trọng đến tinh thần, thái độ của đảng viên cũng như kết quả phân loại; chưa quan tâm đúng mức đến việc hướng dẫn, xây dựng kế hoạch phấn đấu của đảng viên. Vì vậy, kết quả phân loại đảng viên chưa đúng thực chất, số đảng viên hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ nhìn chung khá cao, trong khi đó tỷ lệ đảng viên vi phạm bị thi hành kỷ luật hàng năm lại chưa giảm. Tình trạng này không những làm cho tổ chức đảng ngày càng yếu đi mà nó còn triệt tiêu động lực, ý chí phấn đấu của các đảng viên, sinh ra tâm lý “đến hẹn lại lên” tạo sức ỳ trong tổ chức, trực tiếp ảnh hưởng đến các khâu trong quy trình công tác cán bộ. Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII khẳng định: “Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu, chưa phản ánh đúng thực chất, chưa gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể, không ít trường hợp còn cảm tính, nể nang, dễ dãi hoặc định kiến”. Để giải quyết vấn đề trên, trước mắt cần thực hiện nhất quán một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng và đảng viên về vai trò, tầm quan trọng của việc đánh giá chất lượng đảng viên hằng năm.

Căn cứ quy định của đảng, hàng năm các đảng viên và tổ chức đảng phải đánh giá

chất lượng đảng viên và tổ chức đảng theo định kỳ. Kết quả đánh giá chất lượng đảng viên hàng năm là căn cứ, là cơ sở quan trọng để tổ chức phân loại đảng viên, phân công nhiệm vụ và xây dựng kế hoạch tổ chức, rèn luyện giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều cấp ủy vì không nhận thức đúng vai trò tầm quan trọng của việc đánh giá chất lượng đảng viên nên biện các lý do khác nhau để làm nhanh, làm ẩu, kiểm điểm nửa vời không triệt để theo quy định của đảng, để lại hậu quả nặng nề cho tổ chức và càng nghiêm trọng hơn khi tổ chức đảng cấp trên lấy đó làm căn cứ quan trọng trong quy trình cân nhắc, bổ nhiệm cán bộ. Vì vậy, cấp ủy đảng, từng đảng viên phải nhận thức đúng đắn, đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đánh giá, phân loại đảng viên hàng năm. Đây là vấn đề mấu chốt để nâng cao chất lượng công tác đánh giá phân loại đảng viên.

Hai là, nâng cao trách nhiệm bí thư, cấp ủy; hoàn thiện các quy chế gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng với chất lượng đánh giá của cá nhân đảng viên hàng năm.

Bí thư, cấp ủy là những người tổ chức triển khai mọi hoạt động của chi bộ theo nghị quyết của đảng bộ, chi bộ; tổ chức giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ. Vì vậy, hơn ai hết Bí thư, cấp ủy phải là người nắm rõ nhất những thế mạnh, điểm yếu cũng như quá trình phấn đấu, rèn luyện trong năm của các đảng viên. Cấp ủy phải chịu trách nhiệm trước chất lượng đánh giá của tổ chức đảng; có chế tài đủ mạnh để công tác khen thưởng, kỷ luật về lại đúng giá trị của nó. Trên thực tế, việc thực hiện quy định chưa nghiêm nên nhiều cấp ủy, tổ chức đảng thiếu quyết liệt, thiếu phương pháp trong công tác đánh giá đảng viên. Khi đánh giá, phân loại, nhiều chi bộ bỏ qua yêu cầu đánh giá cụ thể gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao mà thường là suy tôn, cảm tính rằng đã là bí thư, phó bí thư chi bộ, là thủ trưởng, là người nhiều tuổi... thì dù có thiếu sót, thậm chí

có khuyết điểm vẫn được bình bầu là đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, thậm chí còn là đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Có nơi cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền không muốn xử lý đảng viên vì sợ ảnh hưởng thành tích chung, mất danh hiệu của tổ chức mình. Vì vậy, việc giám sát thường xuyên, đánh giá sát đúng nhằm phân biệt rõ hơn kém của các đảng viên trong tổ chức của mình, là cơ sở thúc đẩy ý chí phấn đấu của các đảng viên trong chi bộ.

Ba là, nâng cao ý thức trách nhiệm của đảng viên, phát huy tối đa tính đảng trong tự phê bình và phê bình đánh giá đảng viên.

Trong tất cả mọi hoạt động lãnh đạo, quản lý nói chung, chủ trương, quy định mới chỉ là điều kiện còn ý thức trách nhiệm của chủ thể mới là yếu tố quyết định. Thực tế, không ít đảng viên bị chi phối bởi các mối quan hệ xã hội nên lẩn lộn công tư và vì không phải chịu trách nhiệm nên nhiều đảng viên gần như bàng quan trước những thành tích cũng như hạn chế yếu kém của bản thân và đồng chí mình. Chấn chỉnh, khắc phục ngay tình trạng làm lướt, bản kiểm điểm qua loa, chiếu lệ; trong góp ý phê bình thì e dè, nể nang, tránh né, dĩ hòa vi quý... Vì vậy, việc mỗi đảng viên phải tự nâng cao ý thức trách nhiệm của mình trong các sinh hoạt, nhất là công tác tự phê bình và phê bình trong đảng. Đây là nghĩa vụ và là quyền lợi của đảng viên, mục đích là làm cho đồng chí, đồng đội mình tiến bộ hơn; tổ chức mình ngày càng trong sạch và vững mạnh hơn.

Bốn là, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, thực hiện có hiệu quả nguyên tắc của đảng; kết quả đánh giá rèn luyện hàng tháng là cơ sở quan trọng nhất để phân loại chất lượng đảng viên hàng năm.

Sinh hoạt chi bộ là một kênh quan trọng để tổ chức nắm tình hình đảng viên. Thông qua việc giám sát, theo dõi hàng tháng quá trình phấn đấu, rèn luyện của đảng viên. Cụ thể hóa tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đảng viên bằng chính phần việc họ đảm nhận, tránh chung chung, hình thức. Đánh giá chất

lượng đảng viên gắn với chức trách nhiệm vụ được giao và gắn với kết quả hoạt động của tổ chức. Trong kiểm điểm phải khắc phục triệt để tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm, thấy đúng phải kiên quyết bảo vệ, thấy sai phải quyết liệt đấu tranh; nhận diện, xác định rõ những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Năm là, tăng cường giám sát của tổ chức đảng và cấp ủy cấp trên trong việc đánh giá, phân loại đảng viên.

Để nâng cao chất lượng đánh giá đảng viên, cần tăng cường vai trò lãnh đạo, giám sát của cấp ủy cấp trên, nhất là trong việc xây dựng kế hoạch, lập các đoàn công tác dự, chỉ đạo kiểm điểm và phân công cấp ủy viên, cán bộ các ban tham mưu, giúp việc của cấp ủy dự, chỉ đạo và tổng hợp kết quả kiểm điểm ở cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý cấp dưới để báo cáo cấp ủy. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác đánh giá chất lượng đảng viên hằng năm nhằm bảo đảm khách quan, toàn diện, thực chất theo Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn 21-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 Ban Tổ chức Trung ương.

Thực hiện giám sát chặt chẽ, có hệ thống việc phát huy ưu điểm và giải quyết hạn chế của tổ chức để lấy tiêu chí đánh giá việc xem xét phân loại chất lượng đảng viên. Đồng thời, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc kiểm điểm, đánh giá xếp loại chất lượng của các chi bộ bảo đảm đúng mục đích, yêu cầu, nội dung, trình tự và tiến độ đề ra. Đặc biệt chú trọng việc thực hiện kế hoạch và tiến độ cam kết khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra sau kiểm điểm. Xây dựng kế hoạch, bám chặt nội dung kiểm điểm, cụ thể hóa từng tiêu chí, có định lượng cụ thể.

Sáu là, tăng cường công tác phối hợp để có cách đánh giá đa chiều hơn, phát huy vai trò trách nhiệm của các tổ chức chính

trị xã hội và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội trong đánh giá đảng viên.

Thông tin đánh giá đoàn viên, hội viên là đảng viên của các tổ chức chính trị - xã hội là căn cứ quan trọng đối với tổ chức đảng khi tiến hành đánh giá chất lượng đảng viên. Thực hiện đánh giá liên tục, đa chiều, theo tiêu chí, bằng sản phẩm cụ thể, có sự so sánh giữa các vị trí tương đương và công khai kết quả; gắn đánh giá, xếp loại chất lượng của cá nhân với tập thể và với kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 2/2/2018 của Ban Bí thư về giám sát của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

Bên cạnh đó, bản thân mỗi đảng viên cần đề cao trách nhiệm, tự giác, thẳng thắn, trung thực, nghiêm túc trong quá trình kiểm điểm, đánh giá, phân loại. Từ đó, tự đề ra giải pháp, lộ trình phù hợp để phấn đấu khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm đã được chỉ ra sau kiểm điểm.

Như vậy, để nâng cao hiệu quả công tác đánh giá chất lượng đảng viên hằng năm, các cấp ủy, tổ chức đảng và từng cán bộ, đảng viên phải chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc quy định, hướng dẫn của Trung ương, của cấp ủy cấp trên về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hằng năm. Cấp ủy cấp trên tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo đảm khách quan, toàn diện, thực chất để công tác đánh giá phân loại chất lượng đảng viên hằng năm đảm bảo đúng quy định của đảng, góp phần quan trọng vào thành công chung của công tác xây dựng Đảng./.

(1) Hướng dẫn 21 của BCH TW về đánh giá xếp loại đảng viên, tổ chức đảng

GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



Ths. VÕ THANH CUỒNG

Phòng Tổ chức, Hành chính, Thông tin, Tư liệu

Ở mỗi thời kỳ cách mạng, những phẩm chất cần có của người đảng viên sẽ do nhiệm vụ cách mạng và yêu cầu của tổ chức đảng thời điểm đó quy định. Nhiệm vụ cách mạng và yêu cầu tổ chức của Đảng không ngừng phát triển, do vậy phẩm chất của người đảng viên cũng phải không ngừng phát triển theo hướng tiếp biến, kế thừa và sáng tạo những phẩm chất ưu trội của thời kỳ đã qua và đổi mới, thay thế những gì không còn phù hợp.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đang diễn ra trong bối cảnh rất đặc biệt. Những mô hình phát triển cũ đã lạc hậu và đồ vỡ không thể học tập, vận dụng; kinh nghiệm quốc tế hiện nay có tính đặc thù, chỉ thích hợp đối với thực tế ở từng nước. Trong bối cảnh đó, để xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải có những con người xã hội chủ nghĩa mà trước hết là những đảng viên cộng sản. Vì vậy, trong giai đoạn hiện nay, để xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên tiếp nối xứng đáng truyền thống cách mạng của Đảng, lãnh đạo thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, công tác cán bộ cần phải chú trọng đến những vấn đề sau:

Một là, thông qua thử thách trong thực tiễn cách mạng để tìm những người thực sự trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, môi trường đất nước hòa bình, do vậy đảng không có nhiều điều kiện sàng lọc tự nhiên, khách quan để chọn những đảng viên, cán bộ ưu tú của đảng vào những vị trí lãnh đạo

quan trọng. Thay vì sàng lọc tự nhiên trong đấu tranh cách mạng gian khổ, ngày nay cần đưa cán bộ trải qua các cương vị công tác thực tiễn, bắt đầu từ cơ sở, để nhân dân giám sát, đánh giá phẩm chất, năng lực cán bộ, qua đó các cấp bộ đảng xem xét lựa chọn. Điều kiện xây dựng đất nước hòa bình cho phép chúng ta đào tạo cán bộ một cách cơ bản, sau đó đào tạo, rèn luyện trong thực tiễn cách mạng, qua thực tiễn để chọn cán bộ; kiên quyết loại bỏ “chạy chức, chạy quyền” trong công tác cán bộ...

Hai là, lựa chọn những cán bộ luôn chứng tỏ tính tiên phong, gương mẫu, trung thực, nói đi đôi với làm. Tính tiên phong, gương mẫu là phẩm chất hàng đầu của người đảng viên. Ở bất kỳ môi trường hoàn cảnh và điều kiện công tác nào, người cán bộ đảng viên phải thể hiện là người dẫn đầu, nhất là trong những sự kiện, nhiệm vụ và công việc quan trọng và trên cương vị, vai trò công tác của mình. Trung thực là phẩm chất làm nên sự mạnh mẽ, kiên cường và nghị lực của người đảng viên cộng sản, mọi cán bộ, đảng viên phải chăm lo giữ gìn và bồi đắp. Tự dối trá bản thân, dối trá đồng chí mình, dối trá tổ chức và nhân dân là xấu xa, đáng hổ thẹn, cần phải lên án và xóa bỏ.

Ba là, lựa chọn những cán bộ luôn biết làm giàu trí tuệ cho mình và đồng chí mình; khiêm tốn học hỏi mọi lúc, mọi nơi. V.I.Lênin đã từng nói: Người cộng sản phải biết làm giàu trí tuệ bằng cách không ngừng thâm thái những tri thức mà nhân loại tích

lũy được. Bằng cấp không phải là thứ duy nhất thể hiện trí tuệ của cán bộ. Bằng cấp cao và thật chỉ là dấu hiệu cho thấy cán bộ đã trải qua các quá trình đào tạo, bồi dưỡng tốt, có căn cứ để phát triển trí tuệ, vận dụng những kiến thức đã học tập một cách nhuần nhuyễn trong thực tiễn để phục vụ lợi ích của nhân dân, của cách mạng.

Bốn là, lựa chọn cán bộ có tính tổ chức, tính kỷ luật, có tinh thần đoàn kết, gương mẫu tuân thủ pháp luật, đặt lợi ích của Đảng, của giai cấp và đất nước lên trên lợi ích của cá nhân. Cán bộ của Đảng trước hết phải là người gương mẫu trong tuân thủ pháp luật. Trong điều kiện Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền, pháp luật của Nhà nước ta là kết quả sự thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng, gương mẫu chấp hành luật pháp chẳng những là nghĩa vụ, trách nhiệm công dân, mà còn là trách nhiệm của công dân - đảng viên. Không thể chấp nhận tình trạng cán bộ, đảng viên của Đảng, có vị thế, hiểu biết, trách nhiệm hơn quần chúng nhân dân mà lại tìm cách lách luật đối phó cơ quan nhà nước, vì lợi ích cá nhân, cục bộ, nhóm lợi ích.

Giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa cá nhân và lợi ích của Đảng, giai cấp, nhân dân và đất nước là cuộc đấu tranh cam go nhất trong nội tâm mỗi người cộng sản. Không thắng được chủ nghĩa cá nhân thì sao thắng được chủ nghĩa tư bản, trên phương diện hệ tư tưởng. Chính vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù hung ác nhất của chủ nghĩa xã hội. Muốn trở thành người lãnh đạo mẫu mực của Đảng, người cán bộ phải có khả năng thắng được những cám dỗ về danh, lợi, địa vị, tiền tài khi phải xử lý mối quan hệ lợi ích giữa cái riêng và cái chung.

Năm là, lựa chọn cán bộ thực sự gần bó với nhân dân, vì nhân dân; tổ chức chỉ sử dụng những cán bộ được nhân dân tín

nhiệm, lựa chọn, giám sát. Về quan điểm, hiện nay Đảng ta chủ trương để nhân dân tín nhiệm, lựa chọn, giám sát cán bộ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn bởi những biểu hiện của đối phó, áp đặt, thiếu dân chủ, hoặc dân chủ hình thức. Gần bó mật thiết với nhân dân là cội nguồn sức mạnh của Đảng ta, vì vậy mỗi đảng viên phải ra sức hoạt động trong phong trào nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, thực sự quan tâm đến nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân; song đảng viên cũng không theo đuôi quần chúng. Để đồng thuận giữa Đảng với nhân dân trong công cuộc phát triển kinh tế, xã hội hiện nay, cán bộ phải biết chú trọng tuyên truyền, vận động thuyết phục nhân dân thực hiện những chủ trương mới, không được nôn nóng, áp đặt ý chí chủ quan. Bởi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta từ trước đến nay, mọi việc dù lớn hay nhỏ, khó khăn, gian khổ đến đâu đều do nhân dân thực hiện.

Trong giai đoạn hiện nay, người cán bộ, đảng viên cộng sản càng phải tu dưỡng, rèn luyện những phẩm chất làm nên bản chất riêng có của một đảng viên cộng sản chân chính, đó là: tính tiên phong về chính trị, tư tưởng và tổ chức; tính gương mẫu, trung thực, đạo đức; tính tổ chức và kỷ luật; ra sức học tập, không ngừng làm giàu trí tuệ; gần bó mật thiết với nhân dân; có tình đồng chí, đoàn kết trong Đảng. Chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ của Đảng sẽ phụ thuộc rất lớn vào việc phát huy những phẩm chất đó trong quá trình tổ chức thực hiện, đồng thời đó cũng chính là một trong những nhân tố quan trọng quyết định đến tính đúng đắn của đường lối, tính kiên định đối với mục tiêu, lý tưởng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta./.

GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. PHAN THỊ ÁI VÂN

Giảng viên khoa Lý luận cơ sở

“**C**án bộ phải có văn hóa làm gốc” - đây là quan điểm phản ánh sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về tiêu chuẩn của người cán bộ. Trình độ văn hóa của người cán bộ phải được xem xét trong sự thống nhất của tổng hòa các yếu tố: thể giới quan, vốn trí thức, tư tưởng, tình cảm, đạo đức, lối sống... Tất cả các yếu tố đó được quy tụ ở phép xử thế, tức là trong giải quyết các quan hệ: đối với mình, đối với người, đối với tổ chức, đối với đoàn thể, đối với công việc. Đối với bản thân phải cần, kiệm, cẩn thận, tự giác, không tư túi, chịu khó hoạt động, kiên trì, nhẫn nại, không hiểu danh, không kiêu ngạo, nói đi đôi với làm, giữ vững lập trường giai cấp công nhân, không sợ hi sinh, có ý thức tổ chức kỷ luật. Đối với người thì phải khoan thứ. Đối với đoàn thể thì nghiêm, giúp đỡ người, xem xét người... Người có văn hóa là “phải giữ chủ nghĩa cho vững, ít lòng ham muốn vật chất, giữ nghiêm kỷ luật của tổ chức, nghiêm khắc với mình, khoan thứ với người”.

Đặc trưng điển hình của văn hóa, đạo đức người cán bộ cách mạng được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ ở những tiêu chí “Nhân, nghĩa, Trí, Dũng, Liêm”. Về bản chất những đặc trưng này thể hiện ở sự thống nhất 3 nhóm phẩm chất của người cán bộ: Phẩm chất chính trị - tư tưởng, phẩm chất đạo đức và phẩm chất nghề nghiệp. Trong đó, phẩm chất chính trị - tư tưởng và phẩm chất đạo đức xâm nhập vào nhau và quy định văn hóa của nhân cách người cán bộ; phẩm chất

nghề nghiệp quy định đặc thù văn hóa nghề nghiệp của từng loại cán bộ.

Trên cơ sở những tiêu chí chung về trình độ văn hóa của người cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra yêu cầu cụ thể đối với từng loại cán bộ. Theo đó, công tác giáo dục, huấn luyện cán bộ phải gắn với chuyên môn “phải thực hành khẩu hiệu làm việc gì học việc ấy”. Đối với người cán bộ làm công tác giáo dục chính trị tư tưởng, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề huấn luyện nâng cao trình độ lý luận chính trị và phương pháp công tác. Bởi lý luận giúp cho cán bộ bớt mò mẫm, đỡ sai lầm; học tập lý luận là tự cải tạo mình, tự nâng cao mình đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng. Trên thực tế, những hạn chế, lúng túng trong công tác tuyên truyền, cổ động thường là do nguyên nhân cán bộ thiếu lý luận. Vì thiếu lý luận và để che đậy cho cái hạn chế ấy các đồng chí buộc phải “bịa ra”. Do đó, “một sự ngu dốt này làm phát sinh một sự ngu dốt khác”. Học tập nâng cao trình độ lý luận, nhất là lý luận chính trị là cầm nang giúp cho họ thực hiện tốt chức năng của mình.

Cùng với việc nâng cao trình độ lý luận, người cán bộ làm công tác giáo dục lý luận còn phải được bồi dưỡng phương pháp tốt. Trong giáo dục, huấn luyện phải có chương trình khoa học; nội dung chính trị phải đúng đắn, sát thực; việc soạn thảo nội dung phải thực hiện theo quy trình chặt chẽ, phương pháp giảng dạy phải rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, hợp ý quần chúng. Học phải đi đôi với hành, lý luận phải liên hệ với thực tế...

Phải làm cho mọi người hiểu: Học xong về làm việc gì? Làm như thế nào? Những chỉ dẫn trên đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh góp phần quan trọng bổ sung lý luận phương pháp khoa học giáo dục Việt Nam và trở thành phương châm, phương pháp, nguyên tắc giáo dục - huấn luyện; là kinh nghiệm quý báu cho cán bộ làm công tác giáo dục - huấn luyện nói chung, đội ngũ làm công tác giáo dục lý luận nói riêng nâng cao hiệu quả công tác.

Công tác giáo dục lý luận là hoạt động nhằm tác động vào ý thức cán bộ giúp họ lĩnh hội những quan điểm cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng, qua đó hình thành thế giới quan khoa học, phẩm chất chính trị - tinh thần, đạo đức tâm lý, phẩm chất nghề nghiệp, góp phần làm cho họ trở thành chủ thể tích cực, tự giác, có năng lực sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện mục tiêu đó, trước hết cần xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục lý luận theo các nội dung sau:

Thứ nhất, bảo đảm tính toàn diện trong phát triển hệ giá trị văn hóa trong nhân cách, chú trọng nâng cao văn hóa chính trị. Mục tiêu công tác giáo dục chính trị là phải bồi dưỡng những phẩm chất đặc trưng về tinh thần của nhân cách con người xã hội chủ nghĩa. Để đạt được mục tiêu ấy, người giáo dục phải tác động một cách toàn diện và đồng bộ vào hệ thống các phẩm chất nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa... Bộ mặt tinh thần của nhân cách con người càng phong phú bao nhiêu, yêu cầu nội dung, phương hướng tác động vào nó càng đa dạng bấy nhiêu; đồng thời nó đòi hỏi sự hoàn thiện nhân cách của người cán bộ làm công tác giáo dục. Vì vậy, bảo đảm tính toàn diện trong phát triển hệ giá trị văn hóa trong nhân cách người cán bộ làm công tác giáo

dục lý luận là một yêu cầu khách quan.

Bảo đảm tính toàn diện trong phát triển hệ giá trị văn hóa trong nhân cách người cán bộ làm công tác giáo dục chính trị là phải làm cho sự phát triển nhân cách của họ như là kết quả của sự tích hợp tổng hòa hệ các giá trị; văn hóa chính trị, văn hóa pháp luật, văn hóa đạo đức, văn hóa thẩm mỹ, văn hóa khoa học, nhất là tri thức khoa học xã hội - nhân văn... Sự thống nhất hữu cơ các giá trị nói trên hình thành bộ mặt tinh thần và nội dung văn hóa nhân cách người cán bộ làm công tác giáo dục lý luận. Mặt khác, trong văn hóa nhân cách, văn hóa chính trị là cốt lõi, quyết định bởi nó bảo đảm cơ sở tinh thần, tính chính trị của nhân cách. Hệ thống các giá trị khác tự thân nó sẽ không còn ý nghĩa nguyên vẹn văn hóa nếu chúng tồn tại ngoài ý thức chính trị và thế giới quan khoa học. Vì vậy, tính toàn diện trong phát triển văn hóa người cán bộ làm công tác giáo dục chính trị còn bao hàm tính quyết định của sự phát triển ưu trội các giá trị thuộc nhóm văn hóa chính trị.

Thứ hai, bảo đảm tính thực tiễn trong giáo dục lý luận chính trị. Ngày nay, bối cảnh quốc tế đầy biến động; sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đang đối diện với nhiều khó khăn; một số khuynh hướng tư tưởng đối lập đã xuất hiện; tính phức tạp trong các vấn đề dân tộc, tôn giáo... có chiều hướng gia tăng; chiến lược “diễn biến hòa bình” mà chủ nghĩa đế quốc đang ráo riết thực hiện đối với nước ta không giảm đi, trái lại nó đang đang được thực hiện bằng những phương thức mới, nhất là trên mặt trận tư tưởng, lý luận. Bằng các thủ đoạn như: tuyên truyền, tô vẽ tư tưởng “tự do” của chủ nghĩa tư bản hiện đại; khoét sâu, cường điệu những tiêu cực trong xã hội, phủ nhận bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa, gây chia rẽ trong nhân dân, ra sức tô vẽ cho “sự tốt đẹp” của chủ nghĩa tư bản... Tình hình đó đang tác động xấu tới đời sống chính trị, tinh

thần của xã hội. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) chỉ rõ, phải “chủ động tiến công, triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng lý luận, làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch”.

Để nâng cao trình độ văn hóa chính trị, về phía cá nhân, cùng với học tập nâng cao tri thức lý luận bằng các phương pháp khác nhau, mỗi người người cần có sự say mê nghiên cứu lý luận nhằm nâng cao năng lực tư duy lý luận, tìm ra được những luận chứng khoa học cho những biện pháp cụ thể, nâng cao hiệu quả công tác thực tế; dự đoán các sự kiện chính xác và sâu sắc hơn; hướng nghiên cứu lý luận phải gắn với nhiệm vụ chính trị, những vấn đề cấp bách đặt ra trong thực tiễn xây dựng chính trị, những vấn đề bức xúc trong công tác tư tưởng ở cơ sở... Về phía tổ chức, cần tạo điều kiện cho cán bộ làm công tác giáo dục chính trị được học tập một cách cơ bản, tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ lý luận cho cán bộ; đẩy mạnh việc xây dựng đội ngũ cán bộ nòng cốt làm công tác tư tưởng chính trị; nâng cao trình độ phương pháp luận duy vật biện chứng, hiện đại hóa các phương pháp tiếp cận cụ thể để nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận. Cùng với việc mở rộng khả năng cung cấp, cập nhật thông tin, dân chủ hóa thông tin, cần nâng cao trình độ xử lý thông tin, chủ động uốn nắn lệch lạc nhận thức và hành động ở đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục lý luận; đổi mới chính sách đối với cán bộ làm công tác tư tưởng - lý luận, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ này tiếp cận và xử lý những vấn đề thực tiễn ở đơn vị cơ sở.

Thứ ba, bồi dưỡng hệ phương pháp giáo dục tư tưởng khoa học và bảo đảm sự thống nhất các khía cạnh khác nhau của phương pháp giáo dục. Phương pháp giáo dục lý luận vừa có tính ổn định vừa có tính linh hoạt. Sử dụng linh hoạt các phương pháp cụ

thể, trong những điều kiện cụ thể với những dạng hoạt động cụ thể và với những đối tượng xác định, đó là sự sáng tạo trong thực hiện của phương pháp.

Tính ổn định của phương pháp được biểu hiện ở sự thống nhất các khía cạnh sau đây: Bảo đảm sự thống nhất giữa phương pháp nhận thức, phương pháp tư duy và phương pháp hành động. Tính thống nhất của các yếu tố trên cấu thành logic tổng thể của phương pháp được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát: Thực hành sinh ra hiểu biết, hiểu biết tiến lên lý luận, lý luận chỉ đạo thực hành. Theo đó các vấn đề lý luận được người cán bộ làm công tác giáo dục lý luận trình bày một cách thực tiễn, linh hoạt, uyển chuyển, tự nhiên. Trong hoạt động, người cán bộ làm công tác giáo dục lý luận phải nắm vững thực chất lý luận ở tinh thần và phương pháp của nó để soi sáng thực tiễn chứ không nói theo sách, nói chữ; đồng thời thông qua thực tiễn, bằng thực tiễn, phải tích cực tổng kết thực tiễn để không ngừng bổ sung, phát triển lý luận bảo đảm sự thống nhất giữa phương pháp với tư tưởng, phong cách, đạo đức lối sống và nhân cách. Tư tưởng, phong cách, đạo đức, lối sống... là cơ sở hình thành và là hình thức biểu đạt của phương pháp. Bất cứ phương pháp nào, dù là chung hay riêng, chỉ được thực hiện thông qua hoạt động của những con người cụ thể, với những trình độ, khí chất và phong cách khác nhau. Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương về bài học, là chuẩn mực về sự thống nhất tư tưởng, phương pháp, phong cách các khía cạnh nói trên. Vì vậy, rèn luyện phương pháp giáo dục lý luận theo gương Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng với việc nâng cao nhận thức tư tưởng, mỗi chúng ta phải biết kết hợp giữa trí thức và nghị lực, bản lĩnh, giữa sự sáng suốt của lý trí với nhạy bén linh hoạt trong ứng xử... phát huy mạnh mẽ những tác động và sức mạnh của văn hóa trong hoạt động giáo dục./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC GIA ĐÌNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



Ths. NGUYỄN THẮNG MỸ

Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Gia đình là một hình thức tổ chức đời sống cộng đồng của con người, một thiết chế văn hóa – xã hội đặc thù, được hình thành, tồn tại và phát triển trên cơ sở của quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục ... giữa các thành viên. Gia đình có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của xã hội, là nhân tố tồn tại và phát triển của xã hội, gia đình như một tế bào tự nhiên, là đơn vị nhỏ nhất để tạo nên xã hội. Không có gia đình để tái tạo ra con người thì xã hội không tồn tại và phát triển được. Chính vì vậy, muốn xã hội tốt thì phải xây dựng gia đình tốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình”⁽¹⁾. Yếu tố gia đình chịu trách nhiệm ban đầu đối với quá trình xã hội hóa của cá nhân, hình thành phẩm chất, nhân cách của con người. Việc giáo dục con trẻ đạo đức và văn hóa gia đình, giáo dục lao động, giáo dục phát triển trí tuệ, giáo dục thể lực toàn diện, giáo dục thẩm mỹ; khơi dậy cho con trẻ những ý tưởng sáng tạo, hình thành lối sống lành mạnh, góp phần vào quá trình giáo dục, hình thành và phát triển nhân cách con người.

Tuy nhiên, trong bối cảnh đất nước ngày càng đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng, gia đình Việt Nam đang có những biến đổi mạnh mẽ trong cấu trúc, hình thái, quy mô và mối quan hệ giữa các thành viên, thế hệ. Chịu tác động từ xu thế toàn cầu hóa, những giá trị, chuẩn mực truyền thống cũng

đã và đang thay đổi; trong đó, ở không ít gia đình, mối quan tâm, chăm sóc của một bộ phận cha mẹ dành cho con trẻ suy giảm, thiếu kỹ năng và phương pháp giáo dục khoa học hoặc “khoán trắng” cho xã hội và nhà trường, thậm chí nhiều trẻ nhỏ chịu tác động xấu bởi tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, lối sống thực dụng, trọng tiền tài, vật chất từ cha, mẹ. Đây chính là nguyên nhân quan trọng khiến cho gia đình chưa phát huy được vai trò của nó với tư cách là môi trường góp phần nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực có chất lượng tốt phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhận thức sâu sắc thực trạng này, Văn kiện các kỳ Đại hội của Đảng, nhất là những nhiệm kỳ gần đây đã nhấn mạnh: “Tình trạng suy thoái, xuống cấp về đạo đức, lối sống, sự gia tăng tệ nạn xã hội và tội phạm đáng lo ngại, nhất là trong lớp trẻ”⁽²⁾. Đây không chỉ là một trong những thách thức lớn đối với sự nghiệp giáo dục nói chung và giáo dục đạo đức, lối sống, nuôi dưỡng sự hình thành và phát triển nhân cách con trẻ trong gia đình nói riêng, mà còn ảnh hưởng đến việc tạo dựng, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sự hình thành và phát triển nhân cách con người là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn xã hội, của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, gia đình và mỗi cá nhân; trong đó, gia đình có vai trò hết sức quan trọng. Vì vậy, giải quyết tốt các vấn đề của gia đình cũng đồng thời là giải quyết tốt các vấn

đề xã hội, cho nên chú trọng xây dựng gia đình hạnh phúc, phát huy vai trò giáo dục của gia đình cũng chính là để xóa bỏ những khó khăn, thách thức đang làm suy yếu gia đình, suy yếu động lực của sự phát triển. Coi xây dựng gia đình là cơ sở, điều kiện để mỗi gia đình trở thành một tế bào, hạt nhân trong xã hội bền vững, là môi trường trong sạch, chắc chắn để hình thành và phát triển nhân cách con người, Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 21/2/2005 về “*Xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá*” đã nhấn mạnh việc phải “tăng cường công tác giáo dục đời sống gia đình. Cung cấp tới từng gia đình các kiến thức, kỹ năng sống, như: kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng ứng xử giữa các thành viên trong gia đình với nhau và với cộng đồng. Giáo dục và vận động mọi gia đình tự nguyện, tự giác, tích cực thực hiện nếp sống văn minh...”. Văn kiện Đại hội XI của Đảng nhấn mạnh: “Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; thực hiện tốt bình đẳng giới, sự tiến bộ của phụ nữ; chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền trẻ em”⁽³⁾, “Sớm có chiến lược quốc gia về xây dựng gia đình Việt Nam, góp phần giữ gìn và phát triển những giá trị truyền thống của văn hóa, con người Việt Nam, nuôi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị chung của người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”⁽²⁾, để làm được điều đó, cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ban, ngành, đoàn thể về vấn đề xây dựng gia đình nói chung, giáo dục trong mỗi gia đình nói riêng để giáo dục đạo đức, lối sống, nâng cao thể chất, trí lực, góp phần quan trọng vào việc hình thành và phát triển nhân cách của con người. Cùng với đó, cần tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - xã hội; trong đó, phát huy những ưu điểm của

từng môi trường giáo dục để không chỉ đi đến sự thống nhất trong giáo dục mà còn hỗ trợ và đồng hành cùng mục tiêu chung là tạo dựng nguồn lực con người Việt Nam chuẩn mực về đạo đức, hoàn thiện về tri thức, kỹ năng. Phát huy vai trò của các trung tâm bảo trợ, nuôi dạy trẻ mồ côi, các làng trẻ, trại trẻ mồ côi v.v.. để những con trẻ bị thiệt thòi có một mái ấm gia đình được chăm sóc, yêu thương, học tập và vui chơi.

Hai là, chú trọng tạo dựng môi trường gia đình yêu thương, bình đẳng và trách nhiệm, tổ chức lối sống gia đình lành mạnh, các thành viên trong gia đình yêu thương, sẻ chia, gắn kết; cha mẹ, ông bà nêu gương cho con trẻ học theo, làm theo những điều tốt đẹp, có giá trị nhân văn lớn lao. Trong giáo dục, cần tạo điều kiện để con trẻ được nêu chính kiến, quan điểm, thậm chí phản biện lại một vấn đề nào đó là vô cùng cần thiết, bởi đây là năng lực, bản lĩnh cần thiết của mỗi con người được giáo dục hiện đại khuyến khích, góp phần quan trọng vào việc hình thành và phát triển nhân cách của con người từ khi còn nhỏ.

Ba là, lấy con trẻ làm trọng tâm trong quá trình dạy dỗ, giáo dục và nghiêm túc trong việc dạy bảo con trẻ, giáo dục, rèn luyện con trẻ học hỏi tính kỷ luật, sự tôn trọng các thành viên, nhất là cha mẹ, ông bà để con trẻ có thời gian luyện tập nhân cách của mình. Tạo được sự gần gũi, thân mật, tin tưởng ở con trẻ, để con trẻ coi mình là những người bạn lớn mà chia sẻ tâm tư, tình cảm, diễn biến tâm lý bên trong, từ đó cha mẹ, ông bà có thể hiểu được các mối quan hệ, khát vọng, cảm xúc, suy nghĩ, nguyện vọng, mong muốn, sở thích, niềm vui, nỗi buồn của con trẻ.

Bốn là, các bậc cha mẹ không ngừng học hỏi, tìm hiểu những tri thức khoa học xã hội, trang bị và nâng cao kiến thức, khả năng chăm sóc, dạy dỗ và giáo dục con cái, để

Xem tiếp trang 51

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH TRONG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁ NHÂN GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



Ths. PHAN THỊ AN PHÚ

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Qúa trình hình thành, phát triển nhân cách và đạo đức của mỗi con người luôn gắn bó với gia đình và xã hội. Gia đình là một trong các yếu tố tác động mạnh mẽ đến việc xây dựng, phát triển đạo đức cá nhân. Với tư cách là hạt nhân của xã hội, gia đình là nơi bắt đầu của các mối quan hệ nhân tính đầu tiên của mỗi người, nói cách khác đó là điểm bắt đầu, nơi nuôi dưỡng những “mầm mống” về các giá trị đạo đức của từng cá nhân, của từng cộng đồng xã hội. Những chuẩn mực đạo đức được truyền thụ tốt ở từng gia đình sẽ dần dần kết nối, lan tỏa, nhân rộng trong xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Xã hội tốt thì gia đình càng phải tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân xã hội là gia đình”⁽¹⁾. Đối với mỗi cá nhân, gia đình là nơi lưu giữ những quan hệ nhân bản, sâu sắc nhất. Đặc biệt, đó là đơn vị tạo nền tảng, làm cơ sở hình thành, duy trì, phát triển những giá trị đạo đức của cộng đồng, tạo nên đạo đức xã hội. Vì lẽ đó, cho nên cả trong triết học phương Đông, phương Tây luôn chú trọng, đề cao vai trò của gia đình.

Khi một cá nhân được sinh ra, lớn lên ở một gia đình nề nếp, được ông bà, cha mẹ và anh chị em truyền đạt kỹ lưỡng, nghiêm túc là môi trường thuận lợi tác động trực tiếp, thường xuyên, lâu dài và mạnh mẽ đến những giá trị đạo đức sau này. Vì thế, họ dễ dàng tiếp nhận, thực hiện các hành vi đạo đức một cách chủ động, tự giác. Dưới sự định hướng của gia đình, kết hợp với truyền thống đạo đức của gia đình, sẽ tác động trực tiếp, tích cực đến đời sống và các

hành vi đạo đức của mỗi cá nhân. Ngược lại, khi gia đình không hòa thuận, ông bà, cha mẹ không sống đúng với vai trò của mình, cha mẹ không quan tâm đến con cái, chỉ biết làm giàu và coi việc giáo dục là nhiệm vụ của nhà trường, không gần gũi, không nắm bắt được con mình đang cần gì, suy nghĩ như thế nào thì sẽ tạo nên những ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống đạo đức của từng cá nhân.

Chính vì thế, việc tìm hiểu và nhận thức một cách toàn diện, sâu sắc về vai trò của thiết chế gia đình đối với việc hình thành đạo đức cá nhân là cả một quá trình, diễn ra thường xuyên, liên tục. Trong từng giai đoạn lịch sử khác nhau, gia đình cũng có sự thay đổi về hình thức tổ chức, về các mối liên kết tuy nhiên gia đình luôn giữ vai trò là hạt nhân của xã hội. Chính các quan hệ đạo đức là sợi dây bền chặt, đảm bảo cho gia đình luôn là một hiện tượng mang tính đặc trưng cố hữu của xã hội loài người. Phát triển văn hóa đạo đức của gia đình là yếu tố song hành, gắn liền với sự phát triển của nền văn hóa đạo đức xã hội. Điều đó cũng có nghĩa rằng cần xem việc xây dựng văn hóa đạo đức của gia đình và văn hóa đạo đức xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của sự nghiệp xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc. Xác định rõ điều đó, lần đầu tiên nhiệm vụ thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam được đưa vào trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII với nội dung cụ thể như sau: “Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”⁽²⁾.

Sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế cho chúng ta có cơ hội tiếp cận gần hơn với những giá trị tinh hoa văn hoá nhân loại, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Song cũng đang tác động mạnh mẽ đến đạo đức, lối sống từng cá nhân, từng gia đình. Đáng chú ý là mặt trái của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đang tác động làm xói mòn, biến đổi nhiều giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc ta và trở thành lực cản trong việc phát huy nhân tố con người.

Nền kinh tế thị trường và xã hội công nghiệp đã làm xuất hiện hai xu hướng tác động vào gia đình. Xu hướng thứ nhất là do áp lực của đời sống xã hội, của việc mưu sinh kiếm sống và học tập đã làm cho sinh hoạt của nhiều gia đình trở nên lỏng lẻo, thời gian tiếp xúc và chia sẻ tình cảm, trao đổi thông tin giữa các thành viên trong nhiều gia đình dần dần ít đi, từ đó làm hạn chế sự truyền dẫn các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống từ ông bà, cha mẹ cho cháu, con, của người lớn đối với trẻ em. Thực tiễn cho thấy, nhiều bậc phụ huynh do phải đi làm ăn kiếm sống hoặc chỉ chú tâm vào kinh doanh buôn bán, đã phó mặc con cho nhà trường, xã hội. Việc xây dựng, bồi dưỡng đạo đức cho con chủ yếu dựa vào sự tác động của nhà trường, các thầy cô giáo, bạn bè và xã hội. Xu hướng thứ hai do tâm lý quá bất an về các tác động của mặt trái trong xã hội khiến cho nhiều bố mẹ chú tâm chăm sóc, canh giữ con một cách thái quá, bao bọc con quá nhiều dẫn đến hình thành nên một thế hệ trẻ thụ động, tự xem mình là trung tâm, không có trách nhiệm với những thành viên khác trong gia đình, không ý thức được bổn phận của mình đối với cộng đồng, xã hội. Về sau, những đứa trẻ đó trở lên vô cảm trước những hiện tượng, sự kiện xã hội.

Vì vậy, để phát huy tốt vai trò của gia đình đối với việc giáo dục đạo đức cá nhân thiết nghĩ cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu như sau:

Thứ nhất, chú trọng việc giáo dục đạo đức truyền thống, giữ gìn và phát huy gia phong, nề nếp trong mỗi gia đình và các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của quê hương, dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại phù hợp với thời đại mới.

Gia phong là những giá trị đạo đức của gia đình đã được bồi đắp, lưu giữ từ các thế hệ trước gìn giữ, truyền lại cho các thế hệ sau. Đó là những giá trị cốt lõi, nền tảng tinh thần cho sự kết nối, sự bền vững của gia đình. Những gia đình đã có nề nếp, gia phong cần tiếp tục lưu giữ, kế thừa các giá trị đạo đức đó thông qua việc thường xuyên ôn lại truyền thống, khuyến nhủ, động viên các thế hệ sau phấn đấu tiếp bước các thế hệ trước. Gia phong của gia đình phải luôn luôn gắn bó, phù hợp với những giá trị văn hóa truyền thống của quê hương và dân tộc, hợp thành nền tảng các giá trị đạo đức cốt lõi trong mỗi con người

Để làm tốt điều đó, mỗi thế hệ trong gia đình luôn phải tự ý thức về vị trí, vai trò của mình. Các thế hệ trước phải mẫu mực để thế hệ sau học tập noi theo. Những giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống mà mỗi gia đình cần phải gìn giữ và khẳng định cho con cháu đó là lòng yêu nước, lòng nhân ái, ý thức đoàn kết cộng đồng, lòng vị tha, tính trung thực, tinh thần ham học hỏi, lễ độ, khiêm tốn, có khát vọng vươn lên không cam chịu nghèo nàn lạc hậu, năng động sáng tạo, tự lực cánh sinh là chính.

Thứ hai, cần có những chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, tạo nền tảng cho việc phát huy trách nhiệm giáo dục đạo đức của gia đình.

Việc phát triển kinh tế hộ gia đình cần được xác định là một nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa thực tiễn, cơ bản, lâu dài, gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Trong điều kiện đất nước ta đang trong thời kỳ đổi mới, hội nhập thì mỗi gia đình là một

đơn vị kinh tế, một đơn vị tiêu dùng thì sự trưởng thành của mỗi thành viên đều dựa vào nền tảng kinh tế ban đầu của gia đình.

Để thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình thì phải giải quyết tốt về vốn, tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất; ưu tiên giải ngân vốn kịp thời giúp các gia đình có điều kiện thuận lợi tổ chức đầu tư sản xuất, kinh doanh. Và chú trọng đưa vào triển khai hướng dẫn ứng dụng khoa học công nghệ để cải tiến quy trình kỹ thuật, hệ thống máy móc phục vụ sản xuất, chế biến hiệu quả. Đây là điều kiện để người lao động được đào tạo nghề, được tiếp cận các nguồn lực trong phát triển kinh tế và cơ hội trong tìm kiếm việc làm. Việc đầu tư vào phát triển kinh tế của gia đình góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần sẽ giúp gia đình thực hiện tốt hơn chức năng giáo dục.

Thứ ba, đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về gia đình. Nâng cao hiệu quả phong trào xây dựng làng xã văn hóa, gia đình văn hóa.

Cần dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể của gia đình văn hóa để tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện, tạo nên sự chuyển biến về nhận thức sâu sắc trong cấp ủy, chính quyền các cấp và các tầng lớp nhân dân về vai trò, vị trí của xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong xu thế hội nhập và phát triển.

Các đoàn thể phải thường xuyên lồng ghép phong trào xây dựng gia đình văn hóa với các nội dung thi đua: Sản xuất, kinh doanh giỏi, xoá đói, giảm nghèo; “Ông bà, cha mẹ mẫu mực con cháu thảo hiền”, “Gia đình, dòng họ hiếu học”... Các gia đình thường xuyên nhắc nhở các thành viên chăm lo xây dựng gia đình hoà thuận; đoàn

kết, tương trợ trong cộng đồng; thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; sống kỷ cương, giao tiếp ứng xử lễ phép, gương mẫu chấp hành quy ước, hương ước của địa phương.

Đồng thời, chú trọng việc xây dựng mô hình điển hình để tôn vinh các gia đình văn hóa tiêu biểu, tạo động lực để xây dựng phong trào thi đua, làm cho phong trào có sức lan tỏa sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tiếp tục thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xây dựng gia đình thời kỳ đổi mới; sớm kiện toàn và nâng cao năng lực bộ máy làm công tác gia đình từ tỉnh đến cơ sở để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra; nâng cao chất lượng bình xét danh hiệu gia đình văn hóa, kịp thời động viên, khen thưởng và nhân rộng các điển hình gia đình văn hóa một cách sâu rộng. Mỗi gia đình cần phát huy tốt vai trò chủ động trong phòng, chống các tệ nạn xã hội không để xâm nhập vào trong gia đình.

Thứ tư, phát huy vai trò tự giác, tự rèn luyện đạo đức của mỗi cá nhân.

Đạo đức của mỗi con người được hình thành trên cơ sở sự hiểu biết của chính mình và phải do thực hành mà nên. Do đó, trước hết mỗi gia đình phải chú trọng nâng cao kiến thức văn hóa, nhận thức tư tưởng, chính trị, pháp luật và nghề nghiệp cho con em. Đồng thời, phải chăm lo rèn luyện giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng lao động sản xuất, học tập và tham gia các hoạt động xã hội để họ có điều kiện kiểm nghiệm hiểu biết của mình, học hỏi được nhiều điều bổ ích từ các thành viên khác trong gia đình, nhà trường, xã hội và từ những thất bại của họ. Làm được như vậy là chúng ta đã biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo, giáo dục thành tự giáo dục, từ đó giúp cho họ dần dần hình thành và phát triển các chuẩn mực đạo đức, điều chỉnh hành vi, lối sống phù hợp với các chuẩn mực đạo đức của gia đình, xã hội, hình thành niềm tin và tình cảm đạo

đức, giúp mỗi cá nhân thực hiện tốt những bổn phận của bản thân đối với việc học tập, rèn luyện, sống có trách nhiệm với gia đình và xã hội.

Con người, xét đến cùng là con người đạo đức, do đó trong mọi thời kỳ lịch sử giáo dục đạo đức, lối sống, hình thành ý thức, tình cảm cũng như các hành vi đạo đức ở mỗi con người là yêu cầu tất yếu để phát huy nhân tố con người, xây dựng xã hội phát triển bền vững. Trong giai đoạn hiện nay, trước nhiều biến động phức tạp của đạo đức xã hội; trước những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên thì tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng cho nhân dân nói chung, cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ nói riêng là một nhiệm vụ phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, vừa cấp bách, vừa chiến lược nhằm phát huy sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện thành công công cuộc đổi mới, đưa đất nước không ngừng phát triển, trong đó giáo dục đạo đức của các gia đình có vai trò hết sức quan trọng phải luôn luôn được duy trì, phát huy./

Chú thích:

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 523.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.128

(3) C. Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 137.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP...

(Tiếp theo trang 47)

phát huy vai trò giáo dục gia đình, khắc phục phương pháp giáo dục chỉ dựa trên kinh nghiệm và cảm tính. Thực tế cho thấy, cha mẹ có quyền và thường tác động đến sự phát triển và định hướng tương lai của con trẻ, song nếu giáo dục không đúng và định hướng “không chuẩn”, không sát điều kiện thực tế của chính bản thân con trẻ và gia đình thì con trẻ không những không phát huy được khả năng của mình mà còn luôn cảm thấy căng thẳng, dễ dẫn đến suy sụp tinh thần và thể chất.

Năm là, phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông gắn với tăng cường tuyên truyền chiến lược xây dựng gia đình và văn hóa gia đình để nâng cao nhận thức và hành động, góp phần thực hiện tốt chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về gia đình. Qua đó, giúp cho các gia đình có kiến thức và kỹ năng sống, chủ động phòng, chống các tệ nạn xã hội xâm nhập vào trong gia đình, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và gia đình ngày càng phát triển bền vững theo tinh thần Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 21/2/2005 về “*Xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá*” và “*Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*”.

Nói giáo dục gia đình là nền tảng để nuôi dưỡng tâm hồn con trẻ, định hình và phát triển nhân cách, cung cấp tri thức và rèn luyện con người... cũng có nghĩa là cần phải chú trọng xây dựng gia đình và phát huy vai trò của giáo dục gia đình trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách mỗi con người./

Chú thích:

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2009, t.9, tr.52; 552

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.172-173

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.126

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012, tr.223

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2030



Ths. TRẦN ÁNH DƯƠNG

Phó Hiệu trưởng

Cải cách hành chính nhà nước có vai trò rất quan trọng trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; góp phần phát triển kinh tế - xã hội; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, đảm bảo quyền và lợi ích của Nhân dân. Nhận thức được tầm quan trọng của cải cách hành chính nhà nước, cấp ủy và chính quyền tỉnh Hà Tĩnh đã xác định cải cách hành chính là một trong nhiệm vụ đột phá của tỉnh nhà trong giai đoạn 2015 – 2020.

Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp, công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực, kết quả đạt được khá toàn diện trên cả 06 lĩnh vực của cải cách hành chính. Các chỉ số PAR INDEX của tỉnh ngày càng tăng về thứ hạng và liên tục nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có điểm trung bình cao cả nước. Các nhiệm vụ trọng tâm của cải cách hành chính đã được triển khai đồng bộ, kịp thời đến từng cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, công chức. Việc kiểm tra tình hình thực hiện cải cách hành chính được tổ chức thực hiện đúng kế hoạch, có hiệu quả. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính được đẩy mạnh. Chất lượng và hiệu quả của hệ thống thể chế tỉnh nhà được nâng lên rõ rệt. Công tác xây dựng, ban hành và rà soát văn bản quy phạm

pháp luật được tiến hành kịp thời, thường xuyên, có chất lượng, nhất là xây dựng, ban hành được nhiều cơ chế, chính sách thiết thực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ đối với người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn đã nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý hành chính nhà nước. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng, việc chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện nghiêm túc. Thực hiện cơ chế tự chủ đã tạo quyền chủ động cho các cơ quan, đơn vị; thu nhập bình quân của người lao động từng bước được cải thiện. Nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin cho các cấp lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ công chức trong bộ máy hành chính Nhà nước được nâng cao. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông được duy trì, từng bước khắc phục những hạn chế, yếu kém. Các cơ quan hành chính Nhà nước đã tuân thủ việc triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được còn có những hạn chế cần khắc phục:

Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị, đặc biệt là đối với các đơn vị trực thuộc, cấp

xã còn nhiều hạn chế. Việc ban hành các kế hoạch về cải cách hành chính chưa thực sự gắn với hoạt động, thực tiễn của ngành, đơn vị.

Việc thực hiện Đề án 3713 ở một số đơn vị còn chậm, chưa sát thực tế. Tính dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của một số văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế, dẫn đến hệ thống thể chế của địa phương chưa thực sự ổn định.

Công tác tham mưu, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật ở một số đơn vị, địa phương còn chậm, tình trạng nợ đọng văn bản vẫn còn. Chất lượng thẩm định, góp ý văn bản quy phạm pháp luật của một số đơn vị cấp huyện còn chưa cao; vẫn còn tình trạng văn bản quy phạm pháp luật ban hành nhưng chưa qua khâu thẩm định. Các thủ tục hành chính được giải quyết tại các sở, ban, ngành chiếm số lượng lớn hơn nhiều so với các thủ tục hành chính được giải quyết ở cấp huyện, cấp xã. Việc thực hiện rà soát, cập nhật, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính còn nhiều hạn chế, nhất là ở cấp huyện. Việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính ở một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức hoặc không thực hiện.

Công tác quản lý công chức, viên chức chưa toàn diện. Việc xây dựng vị trí việc làm còn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là cấp xã. Công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức còn mang tính hình thức, chưa phát huy trách nhiệm người đứng đầu. Vẫn còn tình trạng cán bộ, công chức vi phạm pháp luật, kỷ luật, kỷ cương hành chính. Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP tuy đã có chuyển biến nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu, chủ yếu là thực hiện chuyển đổi công chức cấp xã.

Đối với các đơn vị sự nghiệp, mức thu các loại phí chưa tính đủ các yếu tố chi phí nên chưa khuyến khích được các đơn vị đầu tư mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ trên diện rộng. Công tác xã hội hóa thu hút nguồn lực để phát triển các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... còn hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế: Nhận thức và sự quan tâm của một số cấp uỷ, chính quyền các cấp và một bộ phận cán bộ, công chức về cải cách hành chính chưa thật sự đầy đủ, chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ. Người đứng đầu của một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm, đầu tư đúng mức cho công tác cải cách hành chính.

Sự phối hợp công tác giữa các cấp, các ngành và chính quyền địa phương chưa thật sự đồng bộ dẫn đến tình trạng bị động, vướng mắc trong xử lý công việc, kéo dài thời gian thực hiện công việc; số lượng các cuộc họp còn nhiều, chất lượng một số cuộc họp còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu giải quyết vấn đề đặt ra.

Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo ở một số đơn vị chưa thực sự tạo nên bước đột phá để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, dẫn đến có những nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội của đơn vị, địa phương đạt thấp;

Một số sở, ngành, đơn vị, huyện thị và UBND cấp xã chưa quyết liệt trong tổ chức thực hiện công tác cải cách tài chính công nên tỷ lệ các đơn vị tự chủ đạt thấp, hiệu quả tự chủ chưa cao.

Để thực hiện tốt chương trình cải cách hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp, vai trò của người đứng đầu về cải cách hành chính nhà nước. Tiếp tục coi cải cách hành chính

là nhiệm vụ đột phá trong nhiệm kỳ 2020 - 2025. Phải thể hiện quyết tâm chính trị cao để xây dựng và thực hiện tốt Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Thứ hai, tiếp tục tuyên truyền, giáo dục về chương trình cải cách hành chính Nhà nước trong hệ thống chính trị và ngoài xã hội nhằm tạo nhận thức đầy đủ và sâu sắc trong từng cán bộ và nhân dân, đồng thời tạo điều kiện cho người dân thể hiện tốt vai trò giám sát đối với hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, các dịch vụ công và cơ quan hành chính Nhà nước. Phối hợp chặt chẽ, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công cuộc cải cách hành chính. Tích cực hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

Thứ ba, thực hiện đồng bộ các nội dung cải cách hành chính Nhà nước, trong đó chú trọng: Hoàn thiện thể chế theo hướng “Nhà nước - thị trường và xã hội” xây dựng hệ thống thể chế bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh. Rà soát đơn giản hoá các thủ tục hành chính theo hướng thủ tục hành chính chuẩn và phục vụ người dân và doanh nghiệp. Khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong phối hợp giải quyết thủ tục hành chính, nhất là phối hợp theo lĩnh vực dọc. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của uỷ ban nhân dân các cấp, nhất là cụ thể hóa, tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy Đảng. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước

theo Nghị quyết TW 6, khoá XII. Tập trung hoàn chỉnh các nội dung về vị trí việc làm trong các đơn vị, địa phương làm cơ sở rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu, nhất là bố trí lại những trường hợp không phù hợp với khung năng lực hoặc hiệu quả thấp, có phương án điều chuyển công chức, viên chức giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh với các phòng chuyên môn, đơn vị cấp huyện. Nghiêm túc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế gắn với thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới. Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhất là bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ chủ chốt các cấp; bồi dưỡng kỹ năng hành chính cho đội ngũ công chức. Thực hiện có hiệu quả việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả công việc, có chế tài nghiêm đối với những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành công vụ. Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và đầu tư công; đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước. Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán biên chế, kinh phí hành chính; thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công

Xem tiếp trang 59

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP LỊCH SỬ VÀ PHƯƠNG PHÁP LOGIC TRONG GIẢNG DẠY LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



TS. NGUYỄN QUANG NGỌC

Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Phương pháp là con đường, công cụ, cách thức do con người định ra để nghiên cứu và cải tạo thế giới trên cơ sở nhận thức được quy luật khách quan của thế giới đó. Trong nghiên cứu khoa học, phương pháp có ảnh hưởng lớn đến kết quả nghiên cứu; phương pháp đúng mang lại kết quả tốt. Nhà triết học Bê-con đã ví phương pháp như ngọn đèn soi sáng cho con người đi trong đêm tối, ông cho rằng: Người thọt đi đúng đường vượt được người khỏe mạnh mà đi sai đường. C.Mác thì khẳng định: Không chỉ kết quả nghiên cứu cần phải đúng đắn, mà cả con đường đi đến kết quả cũng phải đúng đắn, có phương pháp mới đạt được nội dung khoa học.

Phương pháp lịch sử và phương pháp logic là hai phương pháp cơ bản của khoa học lịch sử nói chung và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, hiện nay việc nhận thức và vận dụng hai phương pháp này trong giảng dạy lịch sử Đảng đang còn tồn tại những hạn chế nhất định như: Quá chú trọng trình bày chủ trương, đường lối, nghị quyết mà thiếu hoặc trình bày rất ít phong trào của quần chúng được hướng dẫn bởi những chủ trương, đường lối, nghị quyết đó; nặng về trình bày diễn biến phong trào, thiếu đi những đánh giá khái quát, tổng kết, những kết luận có giá trị khoa học, những kinh nghiệm, bài học có giá trị soi rọi cho thực tiễn trong giai đoạn hiện tại, làm cho lịch

sử Đảng không khác mấy với lịch sử dân tộc thời kỳ có Đảng; phiến diện, một chiều, chỉ thấy thắng lợi, không thấy thiếu sót; lấy phương pháp logic thay cho phương pháp lịch sử, tìm cách cắt xén lịch sử cho phù hợp với lý luận; gò ép lịch sử vào cái khung có sẵn của logic; tô đậm những nét mà lịch sử không có hoặc có ít, dẫn đến tình trạng quá coi trọng lý luận, tính khái quát, tổng kết mà bỏ qua việc nghiên cứu những sự kiện lịch sử cụ thể; đưa ra những khái quát lý luận thiếu căn cứ, những quy luật không có nội dung lịch sử, khiến cưỡng, thiếu tính thuyết phục. Ngoài ra, việc sử dụng phương pháp lịch sử đơn thuần, tách rời phương pháp lịch sử khỏi mối quan hệ với phương pháp logic, dẫn đến tình trạng nặng về miêu tả sự kiện, sa vào kể chuyện, không phân biệt được sự kiện điển hình và không điển hình, không tìm ra chân lý, không nhìn nhận được những quy luật khách quan.

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, người làm công tác giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần quan tâm một số vấn đề sau:

Thứ nhất: Nhận thức đầy đủ về phạm trù lịch sử, phạm trù logic và mối quan hệ giữa lịch sử và logic.

Lịch sử là phạm trù để chỉ quá trình phát triển của các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan với những biểu hiện muôn màu, muôn vẻ, với những bước thăng trầm, quanh co, phức tạp. Lịch sử là bản thân hiện thực khách quan, tồn tại và phát

triển theo những quy luật khách quan, độc lập với ý muốn chủ quan của con người.

Logic là phạm trù phản ánh cái chung, cái bản chất, cái tất yếu trong quá trình phát triển của sự vật, hiện tượng khách quan. Trong quá trình hoạt động thực tiễn, con người nhận thức được thế giới, thấy được logic phát triển của sự vật, nắm được logic thông qua việc xây dựng một hệ thống khái niệm, phạm trù, quy luật... Đó là những bậc thang của nhận thức lý tính, là sự phản ánh logic của hiện thực khách quan vào ý muốn chủ quan của con người.

Mối quan hệ giữa lịch sử và logic là mối quan hệ giữa hiện thực và nhận thức, giữa tồn tại và tư duy, giữa khách quan và chủ quan. Trong mối quan hệ đó, lịch sử là tính thứ nhất, logic là tính thứ hai, lịch sử quyết định logic, logic là cái phản ánh lịch sử. Từ những cơ sở lý luận nêu trên đặt ra yêu cầu khi giảng dạy lịch sử trước hết phải xuất phát từ chứng cứ lịch sử, chứ không phải xuất phát từ những tiền đề lý luận. Cần tránh đồng nhất logic với lịch sử, lấy logic thay cho lịch sử, bắt lịch sử phải phục tùng những cái khung dựng sẵn của logic.

Thứ hai: Nhận thức rõ đặc điểm, vị trí, vai trò của phương pháp lịch sử trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Đảng.

Trong nghiên cứu, giảng dạy lịch sử Đảng, phương pháp lịch sử là con đường, cách thức tìm hiểu và trình bày quá trình ra đời, phát triển và trưởng thành của Đảng, công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, của sự hình thành, phát triển, hoàn thiện chủ trương, đường lối của Đảng trong từng giai đoạn lịch sử với đầy đủ tính cụ thể, sống động, quanh co của nó. Do vậy, trong nghiên cứu, giảng dạy lịch sử Đảng, phương pháp lịch sử là phương pháp chung nhất cần phải nắm vững và sử dụng trước hết và thường xuyên.

Phương pháp lịch sử có đặc điểm là nghiên cứu cái phong phú của lịch sử làm tiền đề cho việc tìm ra cái đặc thù, cái cá biệt trong cái phổ biến. Hiện tượng lịch sử có thể tái diễn nhưng không bao giờ lặp lại như cũ. Phương pháp lịch sử tìm hiểu những cái không lặp lại bên cạnh những cái lặp lại. Tức là tìm hiểu cái khác trước, cái không lặp lại để thấy được những nét đặc trưng, những cái mới của lịch sử. Trong giảng dạy lịch sử Đảng, phương pháp lịch sử được sử dụng để làm rõ tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo của Đảng trong việc đưa ra sách lược cách mạng ở từng thời điểm cụ thể. Thực tiễn lịch sử cho thấy, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, trước những thay đổi của tình hình, Đảng ta luôn trung thành với đường lối chiến lược, tuy nhiên Đảng cũng luôn chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong hoạch định sách lược phù hợp. Chẳng hạn, trong giai đoạn 1936-1939, Đảng đề ra sách lược đấu tranh dân chủ, nhưng bước sang giai đoạn 1939-1945, sách lược của Đảng lại là đấu tranh giải phóng dân tộc; trong giai đoạn từ tháng 9/1945 đến tháng 3/1946 sách lược của Đảng là hòa với Tưởng để đánh Pháp, nhưng từ tháng 3/1946 đến tháng 12/1946 Đảng lại đề ra sách lược hòa với Pháp để đuổi Tưởng...

Sử dụng phương pháp lịch sử để theo dõi những bước quanh co, thụt lùi tạm thời của lịch sử. Phương pháp lịch sử giúp chúng ta nhận thức 90 năm đấu tranh cách mạng của Đảng là một chặng đường vinh quang nhưng cũng đầy gian nan, khó khăn, thử thách. Bên cạnh những thuận lợi, thành công, cũng có lúc tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên bị thiệt hại nặng nề do chính sách khủng bố của kẻ thù như trong giai đoạn 1932-1935, 1955-1959; có thời điểm Đảng phải tuyên bố tự giải tán, rút vào hoạt động bí mật để tránh sự tấn công trực diện của kẻ thù như trong giai đoạn 1945-1951; có những lúc Đảng mắc phải những sai lầm, khuyết điểm... Bên cạnh đó, cần sử

dụng phương pháp lịch sử để đi sâu tìm hiểu tâm lý, tình cảm của quần chúng, hiểu từ cá nhân, sự kiện, hiện tượng đến toàn bộ phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đồng thời cần chú ý đến tên đất, tên người, không gian, thời gian cụ thể nhằm dựng lại quá trình lịch sử đúng như nó đã diễn ra.

Như vậy, phương pháp lịch sử được sử dụng để làm rõ một sự kiện, hiện tượng nhất định đã xuất hiện trong lịch sử Đảng như thế nào, trải qua những giai đoạn phát triển chủ yếu nào và hiện nay nó như thế nào. Do vậy, phương pháp lịch sử đòi hỏi xem xét sự kiện, hiện tượng lịch sử Đảng trên các nấc thang phát triển kế tiếp nhau, những thay đổi nội tại của nó theo trình tự thời gian, làm rõ xu hướng vốn có của nó, qua đó dựng lại trong tư duy người dạy, người học toàn bộ quá trình phát triển của sự kiện, hiện tượng được nghiên cứu. Phương pháp lịch sử dựa trực tiếp vào nguyên tắc tính lịch sử. Nghiên cứu sự kiện, hiện tượng trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể, bởi hoàn cảnh là yếu tố quyết định đến nội dung và bản chất chủ trương, sách lược của Đảng. Do vậy, sử dụng phương pháp lịch sử đồng nghĩa với việc phải hết sức coi trọng tính lịch sử, tôn trọng hiện thực lịch sử, tính khách quan của lịch sử; không hiện đại hoá lịch sử, càng không được tô hồng, bóp méo hoặc xuyên tạc, phủ định lịch sử, qua đó tái hiện sự phong phú, muôn màu, muôn vẻ lịch sử 90 năm của Đảng. Phương pháp lịch sử giúp chúng ta nắm vững được cái lịch sử để có cơ sở nắm cái logic một cách sâu sắc.

Thứ ba: Nhận thức rõ đặc điểm, vị trí, vai trò của phương pháp logic trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Đảng.

Phương pháp logic là phương pháp nghiên cứu các hiện tượng lịch sử, quá trình lịch sử trong hình thức tổng quát, nhằm tìm ra bản chất, quy luật, khuynh hướng chung trong sự phát triển, vận động của chúng.

Phương pháp logic có đặc điểm là đi sâu tìm hiểu cái bản chất, cái phổ biến, cái lặp lại của các sự kiện, hiện tượng lịch sử Đảng. Do vậy, phương pháp logic đi sâu vào nhiều sự kiện, hiện tượng, phân tích, so sánh, tổng hợp để tìm ra cái bản chất của các sự kiện, hiện tượng đó. Phương pháp logic đòi hỏi người nghiên cứu, giảng dạy phải nhìn sự kiện, hiện tượng lịch sử Đảng trong trạng thái động, tức là đặt nó trong mối quan hệ với những sự kiện, hiện tượng khác, chỉ có như vậy mới phát hiện được bản chất, quy luật của sự kiện, hiện tượng.

Phương pháp logic có thể bỏ qua những bước quanh co, thụt lùi tạm thời của lịch sử, chỉ nắm những bước phát triển tất yếu của quá trình vận động của lịch sử Đảng; nắm bắt những nhân vật, sự kiện, giai đoạn điển hình, hướng tới việc tiếp cận quy luật ra đời, quy luật trong lãnh đạo cách mạng của Đảng. Như vậy, phương pháp logic giúp cho người nghiên cứu nhận thức được các quy luật và tính quy luật của quá trình lịch sử Đảng, hiểu được sự độc đáo của hiện tượng này so với hiện tượng khác. Phương pháp logic đòi hỏi chủ yếu không phải là quan sát mà là phân tích hiện tượng, sự kiện lịch sử, do vậy đòi hỏi người giảng viên phải có trình độ, năng lực tư duy khái quát, và không được thoát ly hiện thực lịch sử. Do luôn chú ý đến cái phổ biến, cái bản chất nên tư duy logic dễ nhìn thấy những bước phát triển nhảy vọt, những cái mới đang nảy sinh và phát triển trong lòng cái cũ, thấy được hướng phát triển của lịch sử (khả năng dự báo), từ đó hình thành tư duy mới trong chỉ đạo thực tiễn, tác động tích cực vào hiện thực, tạo điều kiện cho cái mới, cái tốt ra đời, đồng thời chủ động hạn chế, loại bỏ cái xấu, cái cũ, cái lạc hậu. Đây cũng là một trong những mục đích, yêu cầu quan trọng của việc giảng dạy lịch sử Đảng.

Thứ tư: Quán triệt, thực hành nguyên tắc thống nhất phương pháp lịch sử và

phương pháp logic trong nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử Đảng.

Trong nghiên cứu, giảng dạy lịch sử Đảng, phương pháp lịch sử và phương pháp logic cần phải thâm nhập vào nhau, ảnh hưởng lẫn nhau trong một thể thống nhất. Ph.Ăngghen cho rằng, về thực chất phương pháp logic chẳng qua cũng là phương pháp lịch sử, chỉ khác là đã thoát khỏi hình thái lịch sử và khỏi những hiện tượng ngẫu nhiên gây trở ngại mà thôi. Phương pháp lịch sử theo sát tiến trình lịch sử, tái hiện lại những bước đường quanh co của lịch sử Đảng nhưng không phải miêu tả một cách đơn giản mà phải làm nổi bật sợi dây logic chủ yếu trong sự phát triển của lịch sử Đảng. Để làm được điều đó, không thể không sử dụng phương pháp logic. Do đó, có thể nói rằng, trong phương pháp lịch sử đã có phương pháp logic. Mặt khác, phương pháp logic không phải chỉ phản ánh một cách thụ động hiện thực khách quan mà là sự phản ánh được đúc rút từ trong cái lịch sử, cái chủ yếu và làm cho cái chủ yếu ấy bộc lộ rõ bản chất.

Việc quán triệt mối quan hệ biện chứng giữa phương pháp lịch sử và phương pháp logic giúp người nghiên cứu, giảng dạy tìm đến chân lý khách quan của lịch sử. Không nắm vững phương pháp lịch sử thì cũng không thể sử dụng có hiệu quả phương pháp logic, ngược lại không có phương pháp logic thì không thể hiểu đúng bản chất của sự kiện, hiện tượng lịch sử. Ví dụ, nếu không đặt sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời trong điều kiện hoàn cảnh lịch sử trong nước và thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trong sự vận động của kinh tế, xã hội, cơ cấu giai cấp, tầng lớp của xã hội thuộc địa nửa phong kiến thì không thể nhìn thấy được tính tất yếu khách quan cũng như nét đặc thù trong quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Do vậy, trong nghiên cứu lịch sử Đảng không nên chỉ dừng lại ở một phương pháp

riêng rẽ, mà cần phải vận dụng đúng đắn cả hai phương pháp thì mới có hiệu quả và có tính thuyết phục cao.

Trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy lịch sử Đảng phải phải tôn trọng thực tiễn khách quan, không chỉ trình bày thắng lợi, thành công mà còn phải làm rõ những hạn chế, thiếu sót, không thành công trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng, qua đó đúc kết những kinh nghiệm, bài học cho Đảng trong lãnh đạo cách mạng giai đoạn hiện tại và tương lai. Thực tiễn lịch sử cho thấy, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng khó có thể tránh khỏi những sai lầm, khuyết điểm. Tuy nhiên, điều quan trọng là Đảng đã sớm nhận thức được những sai lầm, khuyết điểm ấy và kịp thời, kiên quyết khắc phục, sửa chữa. Vượt qua những khúc quanh, bước thụt lùi tạm thời đó, sức mạnh của Đảng được tăng cường, niềm tin của nhân dân đối với Đảng ngày càng được củng cố. Chính vì vậy, thông qua hoạt động giảng dạy, giảng viên phải giúp cho học viên thấy hết được tính khó khăn, phức tạp của sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, củng cố niềm tin đối với Đảng, trau dồi bản lĩnh chính trị và năng lực trí tuệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới.

Sự thống nhất giữa phương pháp lịch sử và phương pháp logic phục vụ cho việc tái hiện lại không khí lịch sử, cùng với việc khẳng định vai trò của những quyết sách nhạy bén, sáng suốt, hợp quy luật của Đảng trong những thời điểm nhạy cảm có tính chất quyết định. Việc trình bày chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng phải xác định đúng giá trị, hiểu rõ bước phát triển trên từng vấn đề của nghị quyết, trong từng thời kỳ lịch sử nhất định. Từ đó hệ thống hoá và phân tích ý nghĩa, tác dụng của nghị quyết, thấy được sự phát triển trong tư duy, nhận thức của Đảng trên từng lĩnh vực nói riêng và sự trưởng thành của Đảng nói chung. Cần lưu ý rằng,

trong giảng dạy lịch sử Đảng không chỉ dừng lại ở việc trình bày nội dung nghị quyết mà phải trình bày cả quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết và phong trào cách mạng của quần chúng. Qua đó, làm nổi bật vai trò lãnh đạo của Đảng, thấy rõ vai trò, tác động qua lại giữa lý luận và thực tiễn, thấy được quá trình bổ sung, hoàn chỉnh đường lối của Đảng mà cơ sở là sự kiểm nghiệm của phong trào quần chúng, thấy rõ vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử...

Việc sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong giảng dạy lịch sử Đảng không chỉ hướng vào việc khôi phục một cách chân thực bức tranh lịch sử mà còn thông qua chọn lọc những sự kiện điển hình để tìm ra bản chất, đúc rút kinh nghiệm, bài học và quy luật ra đời, quy luật lãnh đạo của Đảng. Có như vậy, việc giảng dạy và học tập lịch sử Đảng mới góp phần khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, của đường lối cách mạng do Đảng hoạch định đối với giai cấp và dân tộc; bồi đắp những truyền thống quý báu của Đảng; đồng thời, góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn mà công cuộc đổi mới đất nước đang đặt ra trong giai đoạn hiện nay./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP...

(Tiếp theo trang 54)

lập. Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh theo hướng hoàn thiện Chính quyền điện tử, phát triển Chính quyền số; thực hiện thành công chiến lược chuyển đổi số theo chiến lược chuyển đổi số quốc gia; bảo đảm cơ sở hạ tầng, các nền tảng dùng chung phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn trong lộ trình phát triển kinh tế số và xã hội số; gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính hướng tới hoàn thành mục tiêu nền hành chính thân thiện, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả và hiện đại. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoàn thiện Chính phủ điện tử, phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã; các trường học và bệnh viện trên địa bàn tỉnh, thực hiện tốt việc áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng đúng yêu cầu tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001:2015.

Thứ tư, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của cấp uỷ Đảng, của Nhà nước đối với người đứng đầu và cơ quan chuyên môn thực hiện công tác CCHC. Xử lý kịp thời các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, theo dõi giám sát; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; gắn kết quả thực hiện cải cách hành chính cùng với việc đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, thi đua khen thưởng. Phát huy sức mạnh và vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Chú trọng phát hiện nhân tố, xây dựng mô hình, nhân rộng mô hình hay, cách làm tốt về cải cách hành chính. Khen thưởng kịp thời đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân làm tốt; nhắc nhở, phê bình, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân còn nhiều hạn chế, thiếu sót, vi phạm trong thực hiện cải cách hành chính./.

* Tài liệu tham khảo: Báo cáo số: 234/BC-UBND ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 – 2020, định hướng giai đoạn 2021 - 2030.

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BẰNG TÌNH HUỐNG TRONG GIẢNG DẠY PHẦN HỌC MỘT SỐ KỸ NĂNG CƠ BẢN TRONG LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ Ở CƠ SỞ



ThS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Nghiên cứu khoa học

Phần học “*Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở*” trong chương trình trung cấp lý luận chính trị - hành chính được ban hành kèm theo Hướng dẫn số 614-HD/HVCTQG, ngày 26/12/2018 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Phần học này có 9 chuyên đề với 40 tiết lý thuyết, 12 tiết thảo luận, 36 tiết tự nghiên cứu. Mục tiêu của việc giảng dạy phần *Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở* một mặt nhằm hệ thống hóa, cung cấp các tri thức lý thuyết về vai trò, vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của các kỹ năng như ra quyết định; tuyên truyền, thuyết phục; thu thập và xử lý thông tin, xử lý tình huống chính trị, xã hội; đánh giá và sử dụng cán bộ; điều hành công sở; soạn thảo văn bản cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở; mặt khác, thông qua dạy - học phần này phải đạt được việc chuyển những tri thức lý thuyết đó thành các thao tác, các hoạt động trong thực tiễn của người học.

Lâu nay, giảng viên giảng dạy phần học này đã sử dụng các phương pháp dạy học hiện đại, chủ yếu là Hỏi - Đáp; phỏng vấn nhanh; lấy ý kiến ghi lên bảng. Tuy có sử dụng phương pháp dạy học mới nhưng

vẫn chủ yếu xoay quanh việc làm rõ các vấn đề lý thuyết về các kỹ năng. Do vậy, mức độ kết quả của phần học chủ yếu mới chỉ dừng ở việc hiểu lý thuyết, chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo, bản lĩnh của học viên trong việc vận dụng lý thuyết vào thực tế.

Chuyển từ truyền thụ kiến thức sang hình thành kỹ năng, phát triển năng lực là yêu cầu căn bản của quá trình đổi mới giáo dục, đào tạo, vì vậy phần học kỹ năng luôn được các nền giáo dục hiện đại rất coi trọng nhằm giúp người học lồng ghép những kiến thức của các môn học riêng rẽ thành năng lực để giải quyết những vấn đề cụ thể trong thực tế cuộc sống; đào tạo ra nhân lực có khả năng bắt tay vào công việc ngay sau khi đào tạo, có thể tự xử lý những vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Những vấn đề thực tiễn nhiều khi không có khuôn mẫu, đòi hỏi phải linh hoạt, sáng tạo khi xử lý. Để đạt được yêu cầu, ngoài các phương pháp dạy học phổ biến hiện nay, khi giảng dạy các phần học nói chung, phần học *Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở* cần áp dụng phương pháp dạy học bằng tình huống.

Tình huống, theo Từ điển Tiếng Việt⁽¹⁾ là *toàn thể những sự việc xảy ra tại một*

noi, trong một thời gian, buộc người ta phải suy nghĩ, hành động, đối phó, chịu đựng. Đó là những sự kiện, vụ việc, hoàn cảnh có mâu thuẫn, có vấn đề cần được giải quyết, là trở ngại cho trí tuệ, cho kinh nghiệm, cho các điều kiện hiện có của con người. Tình huống, vấn đề cần ra quyết định, cần tuyên truyền thuyết phục, cần thu thập, xử lý thông tin, các mâu thuẫn phát sinh trong đời sống xã hội là việc mà người học thường xuyên sẽ gặp và phải xử lý trong thực tế. Phần học Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở có thể cung cấp một quy trình cơ bản có tính chuẩn, phổ biến để học viên vận dụng.

Để thực hiện dạy học bằng tình huống, giảng viên phải đưa ra được những sự việc có vấn đề, có thật hoặc giả định như thật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong thực tế lãnh đạo quản lý. Qua đó giúp học viên suy nghĩ, thảo luận, đề ra các giải pháp giải quyết tốt nhất. Trong quá trình này, giảng viên đóng vai trò là người đặt vấn đề, nêu các yêu cầu, dẫn dắt, hướng dẫn, gợi ý cho học viên phân tích, xử lý, tổng hợp, sắp xếp quy trình, giải pháp xử lý tình huống. Cuối cùng, giảng viên tổng hợp lại các nội dung do học viên đề xuất; giới thiệu quy trình tiêu chuẩn của lý thuyết để học viên liên hệ, chốt lại vấn đề. Học viên sẽ tự nhận thức tổng quan về lý thuyết sau khi đã trải qua tự thực hành.

Dạy học bằng tình huống là một phương pháp dạy học sinh động, nhiều lợi ích thực tế. Người học sẽ phải chủ động làm việc, huy động tri thức sẵn có, suy nghĩ tìm cách giải quyết vấn đề, tự rút ra tri thức, kinh nghiệm mà không cần ngồi nghe lý thuyết, sách vở thụ động. Qua buổi học, học viên cũng từng bước hình thành kỹ năng, hiệu quả dạy - học có

thể thấy ngay. Đây là phương pháp hiện đại, các nước phát triển đều đang sử dụng phổ biến, giúp người học rời môi trường đào tạo là bắt tay ngay vào làm việc một cách thuần thục. Để thực hiện dạy - học bằng tình huống được tốt, giảng viên phải vững vàng về lý thuyết, thành thạo về thực hành, nghiên cứu sâu, rộng về kỹ năng mà mình được giao huấn luyện học viên. Có như vậy, người thầy mới đủ sức dẫn dắt, gợi ý, sửa chữa lỗi cho học viên và gợi ý về các hướng hành động, các giải pháp có tính tiêu chuẩn, tốt nhất.

Tuy có nhiều ưu điểm cần thiết cho dạy - học hiện đại, cho việc đào tạo con người trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nhưng đây cũng là phương pháp đòi hỏi rất nhiều ở người giảng viên cũng như những điều kiện khác để phục vụ hoạt động dạy - học. Việc dạy - học bằng tình huống thường gặp một số trở ngại cơ bản, đó là:

- Số lượng giờ giảng tiêu chuẩn/giảng viên/năm còn cao (270 tiết/giảng viên/năm; 290 tiết/giảng viên chính/năm; 310 tiết/giảng viên cao cấp/năm). Để đảm bảo số giờ này, một giảng viên phải đảm nhận nhiều bài giảng, nhiều phần học. Thời gian ưu tiên cho việc nghiên cứu để đáp ứng yêu cầu thành thạo về lý thuyết và thực hành sẽ khó khăn, nhất là việc nghiên cứu, lựa chọn được những tình huống chuẩn để làm sáng tỏ lý thuyết một cách logic, chặt chẽ.

- Lớp học trung cấp lý luận chính trị - hành chính hiện nay có số lượng học viên khá đông. Do đó, với lượng thời gian có hạn (180 phút) sẽ là khó khăn cho việc tổ chức thực hành.

- Học viên đã quen với lối dạy - học truyền thống; khi có sự đổi mới, một số vẫn chưa quan tâm, hưởng ứng. Đồng

thời, là cán bộ đi học, một số đồng chí vẫn bị sao nhãng do các hoàn cảnh khác chi phối.

- Điều kiện cơ sở vật chất: Phòng học, các phương tiện, thiết bị (như giấy A0, bút dạ, bảng kéo)... để phục vụ việc dạy - học bằng thực hành xử lý tình huống còn khó khăn.

Tuy có các trở ngại, nhưng để nâng cao hơn nữa chất lượng chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính và hiệu quả phân học *Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở*, có thể nói dạy học bằng tình huống vẫn là phương pháp rất tốt. Để thực hiện được phương pháp dạy - học này, đòi hỏi phải áp dụng các giải pháp sau:

Về phía giảng viên:

- Tập trung nghiên cứu, xác định mục đích yêu cầu bài giảng rõ ràng, chính xác, khoa học; nắm chắc từng kỹ năng, quy trình thực hiện các kỹ năng đó về phương diện lý thuyết.

- Dành thời gian tìm kiếm, nghiên cứu, thu thập các tình huống xảy ra trong thực tế có liên hệ sâu với phần lý thuyết; xem xét quy trình xử lý của các nhà chức trách. Đối chiếu, so sánh với phần lý thuyết của chuyên đề kỹ năng. Biên soạn tình huống giả định hoặc tìm đến các tình huống có thật, hình thành ngân hàng tình huống. Tình huống phải mang tính thời sự, sát thực tế; chứa thông tin đầy đủ về nguyên nhân, thời gian, các số liệu để người học sử dụng giải quyết vấn đề. Tình huống phải có sự phức tạp vừa phải, có sự thách thức với người học đồng thời phải có sự vừa sức, có thể có nhiều giải pháp xử lý để người học tìm ra vấn đề trong tình huống, xác định phương hướng giải quyết tình huống và quyết định giải quyết tình huống.

- Chuẩn bị sẵn các câu hỏi chính để gợi ý, hướng dẫn học viên nghiên cứu tình huống. Đề xuất các yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ dạy - học.

- Áp dụng dạy - học bằng tình huống lần lượt cho từng chuyên đề, cho từng lớp tới khi có thể áp dụng cho mọi chuyên đề và tất cả các lớp.

Về phía công tác tổ chức, phục vụ dạy - học:

- Việc tuyển sinh, tổ chức lớp học nên ở mức độ từ 50 - 60 học viên/lớp.

- Đầu tư trang bị cơ sở vật chất đầy đủ: không gian đủ cho làm việc nhóm, trang bị các loại bảng, điều kiện về phương tiện, thiết bị, in ấn tình huống cho mọi học viên đọc, nghiên cứu...

- Cần có sự thống nhất cao trong việc áp dụng phương pháp để có sự phối hợp nhịp nhàng trong quá trình chuẩn bị, quá trình dạy - học.

Dạy học bằng tình huống là phương pháp dạy - học tích cực, nâng cao tính thực tiễn của môn học, giúp người học có cái nhìn sâu hơn, toàn diện hơn về vấn đề lý thuyết. Học viên chủ động, tích cực tư duy. Các kỹ năng được huy động tổng hợp, tạo liên kết về tri thức trong quá trình xử lý tình huống. Giảng viên cũng được trang bị thêm kiến thức từ tri thức, kinh nghiệm của học viên. Để phân học *Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở* trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính phát huy hiệu quả, phát huy giá trị cả về lý luận và thực tiễn, việc vận dụng phương pháp dạy học bằng tình huống thực sự là yêu cầu khách quan hiện nay./.

(1) <https://vtudien.com>, Từ điển tiếng Việt

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC RA ĐỀ THI, KIỂM TRA GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH



ThS. NGUYỄN TRỌNG VINH

Trường khoa Nhà nước và Pháp luật

Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nói chung và trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại các Trường Chính trị tỉnh nói riêng thì việc dạy và học được phân chia thành hai giai đoạn cơ bản đó là giai đoạn cung cấp tri thức và giai đoạn kiểm tra khả năng thu nhận tri thức từng giai đoạn đánh giá nhận thức của người học thông qua công tác thi, kiểm tra.

Thi, kiểm tra là một trong những hình thức đánh giá kết quả học tập, quá trình thu thập thông tin về những gì người học đạt được và so sánh với mục tiêu đã được xác định trước của chương trình học hay là mục đích giáo dục nói chung, để biết mục đích đó đã đạt được đến mức độ nào. Việc đánh giá kết quả học tập qua thi, kiểm tra cử được thực hiện thường xuyên trong cả quá trình học, qua đó người học biết mức độ tiến bộ của mình và người dạy điều chỉnh việc dạy học của mình nhằm đạt được mục tiêu trong dạy và học. Có thể nói kết quả thi không chỉ là cơ sở để đánh giá kết quả học tập của người học mà qua đó còn là cơ sở đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên. Để đáp ứng được yêu cầu này việc xây dựng bộ đề thi cho các phần học cần đáp ứng các yêu cầu về hình thức, nội dung, quy trình và mục tiêu đánh giá của phần học.

Trong chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính theo quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thì công tác thi đánh giá kết quả ở các phần học được quy định khá cụ thể và chặt chẽ.

Về quy trình xây dựng đề thi: Ngày 02 tháng 5 năm 2019, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2252-QĐ/HVCTQG về việc ban hành Quy chế quản lý đào tạo của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó Quy chế đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính yêu cầu về quy trình ra đề thi: Khoa chủ trì giảng dạy phân học, môn học nào thì ra từ 02 đến 03 đề thi và đáp án phần học, môn học đó, gửi về Ban Giám hiệu trước khi thi ít nhất 02 ngày để Ban Giám hiệu quyết định. Căn cứ quy định trên của Học viện, nhằm nâng cao chất lượng dạy học và việc đánh giá kết quả học tập của học viên một cách chính xác và khoa học, Trường chính trị Trần Phú đã chủ trương xây dựng ngân hàng đề thi tự luận với tính chất là “đề mở” được áp dụng cho cả thi hết phần học và thi tốt nghiệp chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành và các chương trình bồi dưỡng khác.

Việc xây dựng ngân hàng đề thi tự luận với tính chất “đề mở” là một việc làm khoa học nhằm kiểm tra, đánh giá chính xác việc tiếp nhận kiến thức của học viên, đồng thời đánh giá khả năng vận dụng những tri thức khoa học đã được trang bị vào thực tiễn đời sống xã hội, gắn với vị trí việc làm của bản thân học viên, đồng thời đảm bảo tính khách quan, minh bạch trong quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập.

Việc ra đề “mở” sẽ khắc phục cơ bản tình trạng đối phó trong thi cử, thụ động trong tiếp nhận kiến thức và vận dụng vào thực tiễn của học viên. Đề thi với tính chất

mở sẽ buộc học viên phải học thực sự, biết vận dụng đúng tri thức mà mình đã lĩnh hội vào từng lĩnh vực, loại việc được giao. Đồng thời đề thi mở cũng đặt ra cho giảng viên khi dạy học các môn học cần có sự liên hệ sát với thực tiễn, muốn vậy giảng viên phải nghiên cứu kỹ về bài giảng và có một vốn hiểu biết thực tiễn thực sự phong phú.

Việc áp dụng đề thi mở sẽ khắc phục căn bản căn bệnh học vẹt, lý luận xa rời thực tiễn, thiếu chủ động sáng tạo trong việc tiếp thu và vận dụng kiến thức của học viên đồng thời việc đánh giá kết quả dạy học cũng tránh được tình trạng “dạy suông, dạy tủ, học tủ”

Tuy nhiên trong quá trình xây dựng, áp dụng ngân hàng đề thi tự luận dạng đề mở, còn có những vướng mắc phát sinh cần phải được nhận thức và thay đổi.

Vấn đề trước tiên là cần thống nhất về mặt nhận thức “dạng” hay “phom” của một đề tự luận mở, nghĩa là trong yêu cầu chung của đề mở cần xác định bao nhiêu phần trăm là kiểm tra kiến thức và bao nhiêu phần trăm là đánh giá khả năng vận dụng hiểu biết vào thực tiễn đời sống xã hội. Nếu không thống nhất được yêu cầu này thì khó tránh khỏi tình trạng có đề quá dễ và có không ít đề thi lại quá khó.

Vấn đề thứ hai, đó là mâu thuẫn giữa đòi hỏi thi, kiểm tra “lý luận gắn với thực tiễn” và khả năng gắn lý luận với thực tiễn của giảng viên trong quá trình giảng bài. Bởi trên thực tế không phải bài giảng nào, giảng viên nào trong khi giảng cũng có thể liên hệ, giải quyết tốt mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn. Thậm chí có một số ít giảng viên chưa thực sự nắm chắc tinh thần, nội dung của bài giảng vì vậy việc giúp học viên hiểu được các nguyên lý, quy luật và vận dụng đúng các nguyên lý và quy luật đó vào thực tiễn đời sống xã hội là một vấn đề không hề nhỏ. Trong khi đó

trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính có khá nhiều nội dung môn học, phần học có quy mô khối lượng kiến thức tương đối lớn; để hiểu được những khái niệm, nguyên lý, quy luật cơ bản của bài đã là khó, việc vận dụng thực tiễn trong giảng dạy và trong làm bài thi, kiểm tra thực sự là một thách thức.

Với yêu cầu đề mở, cơ cấu điểm cho phần lý luận thông thường chiếm 40% đến 50% điểm số và phần vận dụng là 50% đến 60% điểm số. Nội dung phần vận dụng là phần thể hiện sự tư duy, sáng tạo của học viên. Để làm tốt nội dung vận dụng đòi hỏi giảng viên trong quá trình giảng phải hướng dẫn học viên cách thức vận dụng tri thức để giải quyết một số vấn đề của thực tiễn đang đặt ra. Do đó, giảng viên nếu không sâu phần lý luận, hiểu biết thực tiễn không nhiều sẽ rất khó khăn trong quá trình lấy ví dụ minh họa cho nội dung giảng dạy; nếu ví dụ chung chung hoặc ví dụ tản mạn thì học viên khó có thể đạt được yêu cầu khi thực hiện yêu cầu này trong nội dung thi.

Vấn đề thứ ba là, việc xây dựng đáp án cho loại đề thi tự luận dạng đề mở cũng là một khó khăn bởi vì đáp án cho dạng đề này cũng cần phải xây dựng theo tính chất mở có nghĩa là dựa trên những nội dung cơ bản của bài học, phần học, môn học, những nguyên lý, những quy luật mà đáp án chỉ đánh giá việc hiểu và vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn đời sống như thế nào; nếu *đáp án* không làm được điều này sẽ dẫn tới tình trạng học viên làm đề mở nhưng giảng viên chấm theo kiểu đóng.

Vấn đề thứ tư là, về nội dung đề thi còn giới hạn trong từng bài, thiếu đề thi tổng hợp cho phần học. Đề phân tích một nội dung cụ thể xuất hiện nhiều hơn đề phân tích nội dung tổng hợp. Đề phản biện cơ bản có nhưng không nhiều. Một số nội dung thi yêu cầu tính thực tiễn, tính sáng

tạo chưa cao hoặc còn chung chung. Còn có câu hỏi tái hiện kiến thức lý thuyết, thậm chí ra đúng như đề mục trong bài nhưng vẫn chiếm phần lớn cơ cấu điểm cần đạt. Như vậy, chỉ cần viết đủ nội dung lý luận theo giáo trình đã đạt yêu cầu, dẫn đến học viên không phát huy được tính thực tiễn trong nội dung lý luận đã học.

Để khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên nhằm phát huy tính khoa học, lợi thế của đề thi tự luận mở thiết nghĩ cần tập trung một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần tăng cường sinh hoạt chuyên môn về các chủ đề thiết yếu để nâng cao chất lượng giảng dạy và xây dựng đề thi. Trong sinh hoạt chuyên môn việc cần được đưa ra trao đổi đó chính là làm sáng tỏ các vấn đề lý luận đồng thời gắn lý luận với các vấn đề thực tiễn đang đặt ra. Trao đổi tạo sự thống nhất trong nhận thức, trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, trong giảng bài, cách tiếp cận các vấn đề, giải thích các thuật ngữ, các phương án giảng, nội dung khai thác giảng, xây dựng đề thi, đến độ đa dạng đề thi cần đạt.

Thực tế đã cho thấy việc tăng cường sinh hoạt chuyên môn của các khoa là khâu đột phá nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy cho đội ngũ giảng viên nhất là đối với đội ngũ giảng viên còn ít kinh nghiệm. Cần khắc phục tình trạng hoặc “nhồi nhét”, “quá tải” một chiều về lý luận, hoặc nặng về nhồi nhét thông tin... gây áp lực cho người học. Giảng viên cần thực hiện tốt yêu cầu trang bị phương pháp tiếp cận, phân tích, luận giải một hiện tượng, một vấn đề thuộc nội dung, chương trình, bài giảng, cũng như trong thực tiễn sinh động cho học viên. Giảng viên tăng cường trao đổi, đối thoại, thảo luận với học viên... Qua đó, sẽ khơi dậy được sự hứng thú, kích thích được khả năng chủ động, sáng tạo, ý thức tự giác trong quá trình học tập, tự nghiên cứu; biết

liên hệ giữa lý luận với thực tế, biết cách ôn thi và làm bài thi hết môn học, phần học của học viên đạt kết quả tốt.

Thứ hai, mỗi giảng viên cần chủ động nghiên cứu xây dựng đề thi theo dạng đề mở cho mỗi bài mà mình đảm nhận. Vì chính trong quá trình ra đề tự luận dạng đề mở và quá trình xây dựng đáp án lại một lần nữa giúp giảng viên hiểu biết sâu sắc và toàn diện hơn cả về lý luận và cả về thực tiễn cho từng bài giảng, từng vấn đề cần làm sáng tỏ. Cần bổ sung một số câu hỏi mang tính tổng hợp nội dung của nhiều bài, cho học viên thảo luận làm quen với cơ cấu điểm ít để thí điểm đưa vào đề thi nhằm làm mới đề, đồng thời tạo hứng thú cho những học viên có khả năng học tốt hướng đến điểm giỏi, điểm xuất sắc.

Thứ ba, cần đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng mở, hướng tới khai thác những vấn đề gắn với tình hình thực tiễn của địa phương, đất nước hay những vấn đề học viên quan tâm. Bên cạnh làm rõ những nội dung lý luận cơ bản cần phê phán hay phản biện, đấu tranh chống những luận điệu xuyên tạc, trái chiều liên quan nội dung bài giảng và cơ cấu tỷ lệ câu hỏi theo hình thức phản biện phù hợp.

Thứ tư, cần quan tâm đầu tư nâng cao chất lượng các buổi thảo luận, bởi vì thông qua các buổi thảo luận, giảng viên và học viên có cơ hội trao đổi tranh luận một cách khoa học mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn. Đây là bước quan trọng giúp học viên biết gắn lý luận với thực tiễn trong quá trình làm bài thi và kiểm tra.

Cuối cùng cần đầu tư nghiên cứu một cách khoa học trong việc xây dựng bộ đề thi mở gắn với đáp án mở phù hợp với năng lực nhận thức, khả năng vận dụng của từng nhóm đối tượng học viên, tránh việc đề yêu cầu quá dễ hoặc quá khó hoặc không phù hợp với đối tượng người học./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỐI HỢP ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CẤP CƠ SỞ Ở HÀ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS NGUYỄN XUÂN BÉ

Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Nghiên cứu khoa học

Trong những năm qua, nhận thức tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ, Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp cơ sở và xác định đó là nhiệm vụ thường xuyên của cả hệ thống chính trị, là khâu quan trọng hàng đầu trong công tác cán bộ hiện nay. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, cấp ủy các huyện, thành phố, thị xã, cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng và các ban, ngành, đoàn thể các cấp đã phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở tất cả các khâu như: Xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo từng loại hình, chức danh, đối tượng; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và giai đoạn; xác định thời điểm mở lớp; thành lập ban chỉ đạo các khóa đào tạo, theo dõi đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học viên... Hiệu quả của công tác phối hợp trong thời gian qua đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp cơ sở, theo đó hệ thống chính trị các cấp, nhất là cấp cơ sở cũng từng bước được củng cố vững chắc. Nhờ làm tốt công tác phối hợp đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và dự nguồn cán bộ các cấp, nhất là cấp cơ sở ngày càng được tăng cường cả số lượng và chất lượng, là cơ sở để các cấp ủy đảng thực hiện tốt công tác quy hoạch, chủ động trong việc đánh giá, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ theo đúng quy trình, tiêu chuẩn. Đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tốt

công tác phối hợp trong quá trình đào tạo đã tạo ra thế chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện nội dung, chương trình đảm bảo phù hợp với các đối tượng, đúng quy định và đáp ứng được yêu cầu của thực tế địa phương, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nhìn chung công tác phối hợp trong đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong thời gian qua còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém tác động không nhỏ đến việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói riêng và công tác cán bộ nói chung. Những yếu kém, hạn chế đó được thể hiện trên các nội dung sau:

Một là, một số cấp ủy, lãnh đạo một số ban, ngành và một số cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức lý luận chính trị, do đó chưa quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thiếu chủ động trong việc rà soát xây dựng kế hoạch, bố trí cán bộ đi đào tạo; việc cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng nhiều nơi chưa đảm bảo đúng quy trình, tiêu chuẩn, cử cán bộ đi đào tạo nhưng chưa gắn với quy hoạch, chưa đảm bảo tính tuần từ trong đào tạo, bồi dưỡng. Cá biệt một số đơn vị không muốn bố trí cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng, hoặc chỉ bố trí đi học các lớp thuộc hệ không tập trung với lý do địa phương, đơn vị đang bận nhiều công việc. Thực tế yếu kém này đã được Đảng ta chỉ rõ trong Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị “Một số cấp ủy, chính

quyền, cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đúng đắn về công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị. Nhiều cán bộ, đảng viên coi mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị là để có bằng cấp, chứng chỉ theo tiêu chuẩn chức danh; có xu hướng đi học hệ không tập trung, tạo ra mất cân đối giữa hệ không tập trung và tập trung”. Sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành của tỉnh, các địa phương, đơn vị và Trung tâm chính trị các huyện, thị với Trường Chính trị đôi lúc còn mang tính “mùa vụ”, chỉ thực sự quyết liệt khi có lớp được mở, chưa xây dựng được kế hoạch phối hợp thường xuyên.

Hai là, công tác phối hợp theo dõi, đánh giá sau đào tạo chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến việc đánh giá hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng chưa toàn diện, thiếu cơ sở cho việc xây dựng chương trình, nội dung và kế hoạch đào tạo lại. Nguyên nhân xuất phát từ cả phía cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cũng như cấp ủy chính quyền các địa phương là chưa xây dựng được bộ tiêu chí để đánh giá hiệu quả chất lượng cán bộ trước và sau đào tạo, bồi dưỡng đối với từng chức danh cán bộ cơ sở, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt. Công tác đánh giá sau đào tạo mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá tăng giảm số lượng đào tạo, bồi dưỡng và tỷ lệ cán bộ theo các chức danh đã được đào tạo, bồi dưỡng mà chưa chú trọng đánh giá mức độ chuyển biến trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của mỗi vị trí, chức danh cán bộ sau đào tạo, bồi dưỡng.

Ba là, nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa thống nhất, còn chồng chéo nên học viên phải học lặp lại một số nội dung ở các lớp khác nhau, nhất là việc sửa đổi, bổ sung nội dung giáo trình chưa thật sự khoa học, phù hợp với đối tượng học viên dẫn đến khó khăn cho cả người dạy và người học. Do nhận thức chưa đầy đủ quy định của Đảng, Nhà nước về chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các cơ sở đào tạo và chưa xây dựng được quy chế phối hợp đào tạo bồi dưỡng nên vẫn còn tình trạng một số cơ quan, ban, ngành, đoàn

thể chưa phối hợp chặt chẽ với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng để tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng cán bộ, vẫn tự tổ chức khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không đúng chức năng, thẩm quyền theo quy định.

Bốn là, một số cấp ủy do chưa chấp hành nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền, nghĩa vụ học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức cũng như các quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ, do đó thiếu quan tâm đến công tác xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho từng vị trí, chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý dẫn đến lúng túng trong việc cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng từ đó làm xuất hiện tình trạng xin cho trong việc cử cán bộ đi học.

Trong thời gian tới, để khắc phục những hạn chế nêu trên đòi hỏi cần phải có sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên của các cơ quan, ban ngành, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng. Sau đây là một số nhiệm vụ cụ thể cần phải sớm được triển khai nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ một cách bền vững:

Trước hết, cần xây dựng quy chế phối hợp nhằm đảm bảo sự thống nhất trong toàn hệ thống đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Với Quy chế này có thể tạo ra một cam kết chung, làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động phối hợp giữa cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cấp ủy, chính quyền các cấp, lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến huyện. Quy chế này sẽ phân định rõ trách nhiệm từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong tất cả các khâu của quá trình đào tạo cũng như đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, sẽ giúp cho Ban thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; sẽ tạo được sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa Trường Chính trị Trần Phú với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Ban Tuyên

giáo Tỉnh ủy, các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện và Trung tâm chính trị cấp huyện, trên tất cả các nội dung liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ như: Xây dựng kế hoạch, chiêu sinh, mở lớp, hoàn thiện hồ sơ, bố trí giảng viên kiêm nhiệm, tổ chức giảng dạy, quản lý học viên, tham mưu hoàn thiện chế độ chính sách cho người học, bổ sung cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập, công tác phục vụ và theo dõi, đánh giá cán bộ sau đào tạo...

Hai là, tăng cường sự phối hợp của các địa phương, các ngành với các đơn vị chủ trì đào tạo, bồi dưỡng trong công tác lựa chọn cán bộ đi học, đặc biệt là các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Trường Chính trị Trần Phú chủ trì. Để đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong tình hình mới, những năm gần đây, quy mô, loại hình đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường ngày càng được mở rộng và đa dạng hoá. Chính vì vậy, công tác tuyển sinh hàng năm, nhất là sau Đại hội Đảng các cấp cũng nảy sinh nhiều vấn đề cần phải phối hợp giải quyết. Việc lựa chọn đối tượng đào tạo, bồi dưỡng phải luôn gắn liền với công tác quy hoạch, bố trí và sử dụng cán bộ của các địa phương, đơn vị. Vì vậy, các địa phương, đơn vị phải thật sự chủ động trong công tác phối hợp với nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ trung và dài hạn, qua đó phối hợp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chọn, cử cán bộ đi học gắn với quy hoạch, bố trí và sử dụng; tránh tình trạng cán bộ đi đào tạo về không được sử dụng hoặc thiếu cán bộ được đào tạo khi cần bố trí, bổ nhiệm. Đồng thời, việc lựa chọn, cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo đúng quy trình, đúng tiêu chuẩn. Thực tế hiện nay cho thấy, nhiều cán bộ, đảng viên, kể cả ở cấp tỉnh không muốn tham gia học trung cấp lý luận chính trị, chỉ chờ học cao cấp. Vì vậy, trước mắt Trường Chính trị Trần Phú và cấp ủy các cấp, các ngành, các địa phương cần phải quyết liệt, nghiêm túc trong rà soát, lựa chọn và cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng. Đây là

một trong những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện nay.

Ba là, phối hợp tăng cường công tác quản lý giữa trường Chính trị Trần Phú và các địa phương, đơn vị trong quá trình tổ chức mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường Chính trị Trần Phú là một quy trình khoa học. Ngoài sự nỗ lực của học viên, sự cố gắng của giảng viên thì không thể thiếu sự phối hợp của các cơ quan liên quan, đặc biệt là các địa phương, đơn vị cử người đi học. Nhiều cấp ủy địa phương, đơn vị chưa lấy trình độ lý luận chính trị làm một trong những tiêu chuẩn để đánh giá, xem xét bổ nhiệm cán bộ cộng với việc bổ nhiệm trước, trả nợ bằng sau đã dẫn đến tình trạng một số cán bộ không mấy mặn mà với việc học tập lý luận chính trị; không ít các học viên, trong cùng một lúc được cử đi học hai lớp khác nhau hoặc đi học nhưng vẫn phân công công tác nên vừa đi học, vừa đi làm dẫn đến hiệu quả học tập không cao. Với cơ chế như hiện nay, cán bộ không thể giữ một công việc, chức danh suốt đời. Vì vậy, cán bộ phải được đào tạo, bồi dưỡng qua nhiều lớp với nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm mở lớp khác nhau. Công tác đào tạo, bồi dưỡng không thể không tính đến đặc thù này. Vì vậy, Trường Chính trị Trần Phú và các địa phương, đơn vị có cán bộ đi học cần phải tăng cường công tác phối hợp, đặc biệt chú trọng việc theo dõi, đánh giá ý thức, thái độ của học viên trong quá trình học tập, tránh tình trạng lãng phí về thời gian và gây khó khăn khi sắp xếp công việc thay thế cho đội ngũ cán bộ được cử đi học và tạo áp lực không cần thiết cho nhà trường.

Bốn là, phối hợp thực hiện có hiệu quả các hoạt động khảo sát, theo dõi, đánh giá cán bộ sau đào tạo. Đây là một hoạt động có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Tuy nhiên, trong thời gian qua hoạt động này vẫn chưa được chú trọng đúng mức. Đối với các địa phương,

đơn vị, việc theo dõi, đánh giá cán bộ sau đào tạo nhằm rà soát, đánh giá định kỳ để phục vụ cho công tác đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, quy hoạch thường xuyên; đồng thời cũng là căn cứ để tiếp tục xem xét cử cán bộ đi học và có ý kiến phản hồi về công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cơ sở đào tạo. Đối với Trường Chính trị Trần Phú, sự phối hợp thực hiện tốt hoạt động này sẽ nắm bắt được thông tin phản hồi về đánh giá cán bộ sau đào tạo làm cơ sở để nhà trường điều chỉnh nội dung, phương thức, hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng. Mặt khác, thông qua kết quả đánh giá cán bộ sau đào tạo, đội ngũ giảng viên của nhà trường sẽ có căn cứ để điều chỉnh phương pháp, nâng cao hiệu quả giảng dạy, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của các địa phương.

Năm là, phối hợp xây dựng đội ngũ giảng viên ngày càng vững mạnh và tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng tốt hơn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Về xây dựng đội ngũ giảng viên: Trước hết nhà trường cần phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy bố trí đủ số lượng giảng viên theo quy định; phối hợp với các địa phương tổ chức cho giảng viên đi nghiên cứu thực tế, trong đó có cả việc bố trí giảng viên đi thực tế cơ sở nhiều ngày. Hàng năm ngoài việc chấp hành tốt kế hoạch tập huấn của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Bộ Nội vụ, nhà trường cần chủ động mở các lớp tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng chuyên đề cho giảng viên; phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu BTV Tỉnh ủy cử giảng viên đi đào tạo trình độ cao cấp lý luận chính trị và đào tạo sau đại học, nhất là nghiên cứu sinh. Cùng với tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu, Trường Chính trị Trần Phú phải phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; cấp ủy, chính quyền các địa phương cấp huyện, cấp xã xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm chức. Đội ngũ giảng viên kiêm chức là những đồng chí cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành có nhiều kinh nghiệm công tác, có trình độ chuyên môn sâu sẽ là lực

lượng quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng.

Về cơ sở vật chất của nhà trường tuy đã được tăng cường, nhưng vẫn còn nhiều bất cập. Sự phối hợp giữa Trường Chính trị Trần Phú với các sở, ngành tham mưu để tiếp tục tham mưu HĐND, UBND tỉnh tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của nhà trường sẽ đóng một vai trò hết sức quan trọng giúp nhà trường sớm hoàn thiện cơ sở vật chất, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nói chung và đội ngũ cán bộ cơ sở nói riêng là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, là một trong những giải pháp hữu hiệu nhằm ngăn chặn đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng “về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện «tự diễn biến», «tự chuyển hóa» trong nội bộ” đã khẳng định: “Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức trong toàn Đảng về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng và sự cần thiết của việc học tập, nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Có kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận bắt buộc hàng năm đối với cán bộ, đảng viên gắn với việc cung cấp thông tin, cập nhật kiến thức mới phù hợp từng đối tượng, từng cấp, từng ngành, từng địa phương. Chính vì vậy đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng với các cấp ủy đảng, chính quyền và các ban ngành đoàn thể để tiến hành thường xuyên, đảm bảo các quy định của Đảng, Nhà nước và phù hợp với thực tế từng địa phương, từng ngành./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC PHẦN HỌC ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI



Ths. NGUYỄN VIỆT SON

Phó trưởng khoa Xây Dựng Đảng

Phần học “Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội” trong chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính có nhiệm vụ giới thiệu, phân tích và lý giải những quan điểm, chủ trương, chính sách và quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện; những thành tựu và hạn chế của việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước. Vì vậy, mục tiêu của việc giảng dạy môn học này là giúp học viên nắm được đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước ta trên các lĩnh vực; góp phần trang bị cho học viên thế giới quan khoa học, phương pháp luận và tư duy biện chứng, bồi đắp niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của học viên trước nhiệm vụ trọng đại của đất nước, quê hương và trách nhiệm trong việc vận dụng tri thức lý luận vào hoạt động thực tiễn ở cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đây là môn học mà nội dung phản ánh một cách rõ nét quá trình phát triển nhận thức của Đảng; khả năng thích ứng trong các hoàn cảnh, đặc biệt là nghệ thuật lãnh đạo của Đảng ta. Tuy nhiên, qua thực tế giảng dạy học phần này, nổi lên một số vấn đề như: Học viên hầu như rất ít hào hứng nghe giảng vì họ quan niệm rằng những vấn đề đưa ra nặng tính chính trị, khô khan, phức tạp, khó hiểu và khó nhớ; một bộ phận học viên bàng quan với những diễn biến thời sự trong nước

và quốc tế; một bộ phận học viên nhận thức không đầy đủ, thiếu chính xác về lịch sử dân tộc, về vai trò lãnh đạo của Đảng trong từng thời kỳ cách mạng, từng giai đoạn lịch sử; thậm chí một số học viên có biểu hiện nhận thức có phần lệch lạc bởi các thông tin đa chiều và không chính thống.

Hơn nữa, phần Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội là phần học đòi hỏi sự vận dụng kiến thức liên môn: Triết học, Kinh tế Chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như những hiểu biết về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, phải cập nhật tin tức thời sự và những nhận thức mới. Yêu cầu tối thiểu của phần học đối với giảng viên là phải truyền đạt đúng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, đồng thời phải truyền đạt sao cho dễ tiếp nhận nhất đối với học viên. Để làm tốt vai trò của người giảng viên trong việc truyền đạt kiến thức môn học này, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp sau:

Đối với giảng viên: Trong vai trò là người giảng dạy, quán triệt, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, giảng viên cần thực sự coi trọng công tác tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ, vừa bám sát giáo trình, vừa cập nhật các tài liệu có liên quan. Chẳng hạn trong quá trình giảng dạy các bài: Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Đường lối, chính

sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về dân tộc, tôn giáo; Những vấn đề cơ bản về chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay... bên cạnh nắm chắc kiến thức về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giảng viên cần có kiến thức về Lịch sử Việt Nam nói chung, kiến thức chuyên ngành, cần linh hoạt gắn nội dung bài học với hoàn cảnh lịch sử cụ thể, liên hệ với những nội dung, sự kiện tiêu biểu, điều đó góp phần làm cho bài giảng phong phú, sinh động, học viên hiểu bài hơn. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có thể đưa ra một số tình huống có vấn đề, học viên chủ động tự lực giải quyết một cách sáng tạo hoặc dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của giảng viên, học viên giải quyết vấn đề đó, giảng viên kiểm tra, rút ra kết luận. Phương pháp này, giúp học viên phát triển nhanh khả năng tư duy logic, phân tích lý luận để khái quát các vấn đề thực tiễn của nền kinh tế, chính trị, xã hội đất nước đang diễn ra hàng ngày, từ đó làm sáng tỏ được cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc đề ra chủ trương, đường lối, tính khả thi và vai trò của các lực lượng xã hội trong việc thực hiện đường lối do Đảng đề ra.

Điều quan trọng trong giảng dạy môn học này là giảng viên cần đưa các dẫn chứng thực tiễn cuộc sống lồng vào nội dung, thường xuyên cập nhập những vấn đề thời sự của thế giới và những vấn đề “nóng” của đất nước, vấn đề chủ quyền biển đảo, chống tham nhũng, “diễn biến hòa bình”, xử lý các vấn đề nảy sinh một cách nhạy bén và tinh tế, có tính thuyết phục, điều này làm bài giảng sinh động, gắn với thực tiễn đang diễn ra.

Một yếu tố rất cần đối với giảng viên giảng dạy môn Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội là phải có lý tưởng và niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tương lai, tiền đồ của đất nước, vào sự thành công tất yếu của sự nghiệp đổi mới. Chỉ có những người thầy vừa có tâm về tri thức, vừa có lửa trong tâm hồn thì mới có thể truyền

lửa cho người học, khi đó việc giảng dạy môn học này mới đạt được hiệu quả như chúng ta mong muốn.

Đối với học viên: Cần xác định mục tiêu đúng đắn trong quá trình học tập, học để trở thành người cán bộ giỏi, có đức, có tài, thành người lao động tài giỏi, phục vụ cho bản thân và cho sự nghiệp phát triển của đất nước. Do đó, học viên cần phải có lập trường tư tưởng vững vàng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh. Trong quá trình học tập phân học Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, học viên cần xác định và hiểu được rằng, lợi ích quốc gia - dân tộc Việt Nam đã được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định từ rất sớm, thể hiện ở mục tiêu xuyên suốt “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”. Trong giai đoạn hiện nay, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phải coi trọng lợi ích quốc gia - dân tộc trong từng chính sách phát triển. Hiện nay, trước xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Đảng ta khẳng định “phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết”. Đó không chỉ là bài học rút ra qua 35 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế, mà còn là vấn đề có tính quy luật của quá trình nhận thức và đổi mới tư duy của Đảng ta trong lãnh đạo đất nước. Quá trình hội nhập quốc tế, học viên cần xác định phải lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm xuất phát điểm, làm mục tiêu, đích hướng tới, không bao giờ được xem nhẹ, coi nhẹ lợi ích của quốc gia - dân tộc.

Vai trò tự học của học viên là khâu then chốt cần có góp phần nâng cao chất lượng học tập các môn lý luận chính trị nói chung và môn Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội nói riêng. Tự học vừa mang ý nghĩa củng cố trau dồi tri thức và có ý nghĩa mở rộng hiểu biết. Có thể khẳng định rằng, trong

Xem tiếp trang 75

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH VỚI CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG



ThS. PHAN BÁ LINH

Phó trưởng Khoa Lý luận cơ sở

Nền tảng tư tưởng của Đảng chính là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta giành thắng lợi.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; bảo vệ Nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước.

Ngày nay, các thế lực thù địch đang ra sức xuyên tạc, đưa ra những quan điểm sai trái với mưu đồ xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mà trọng tâm là xóa bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng. Do vậy, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, gắn với việc “đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch” trở thành một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; là công việc tư giác, thường xuyên của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, từng cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu.

Trường Chính trị Trần Phú là đơn vị sự nghiệp, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ

Hà Tĩnh. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng của mình, nhà trường đã góp phần quan trọng, xứng đáng vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thông qua công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường đã:

- Truyền truyền, phổ biến, giúp đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn những nguyên lý cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tạo niềm tin khoa học, kiên định với lập trường, tư tưởng của Đảng, từ đó tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển và vận dụng linh hoạt chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện cụ thể từng địa phương, đơn vị. Làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hoá, con người mới đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc quê hương, đất nước.

- Quán triệt, truyền truyền một cách toàn diện và sâu sắc đến đội ngũ học viên về cương lĩnh chính trị; đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội; những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa; về quản lý hành chính nhà nước... Khẳng định và củng cố niềm tin về bản chất cách mạng và khoa học của cương lĩnh, hệ thống chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà

nước; khẳng định trong thực tế vai trò lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội; khẳng định bản chất và mô hình của thể chế chính trị và bộ máy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân và vì dân đã được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013.

- Trang bị, bồi dưỡng, cập nhật cho đội ngũ học viên hệ thống kiến thức về nghiệp vụ công tác Đảng, công tác Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân; các kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý ở cơ sở; hệ thống kiến thức quản lý nhà nước... Giúp học viên có thể xử lý tốt công việc trong công tác lãnh đạo, quản lý, nhất là giải quyết các tình huống phức tạp xảy ra ở cơ sở, cơ quan, đơn vị. Từ đó góp phần đấu tranh để bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

- Khẳng định vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam, nhất là những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của hơn 30 năm đổi mới đất nước. Từ đó chứng minh về tính tất yếu của con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chủ nghĩa xã hội với những đặc trưng bản chất mà Đảng và nhân dân ta đang xây dựng là niềm tin, khát vọng từ ngàn đời của nhân dân ta. Ngày nay, trước hết là đội ngũ cán bộ, đảng viên tiếp tục củng cố niềm tin với lòng quyết tâm, cố gắng để thực hiện bằng được con đường cách mạng ấy.

- Tập trung truyền truyền quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về phòng chống tham nhũng, lãng phí và cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí hiện nay của Đảng, Nhà nước ta nhằm

ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; giữ vững ổn định chính trị; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính. Và nhất là tránh để kẻ địch lợi dụng vấn đề chống tham nhũng để tuyên truyền, xuyên tạc, bóp méo sự thật về cuộc đấu tranh chống tham nhũng ở Việt Nam.

- Đặc biệt, thông qua hệ thống chương trình đào tạo, bồi dưỡng và hàng trăm bài viết nghiên cứu khoa học mỗi năm, đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường đã góp phần quan trọng trong nhận diện và đấu tranh phản bác, ngăn chặn âm mưu “Diễn biến hòa bình” và các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm phủ định, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên CNXH của nước ta; âm mưu chia rẽ nội bộ, chống phá chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; bôi xấu lãnh đạo Đảng, Nhà nước với nhiều thủ đoạn tinh vi... Trong cuộc đấu tranh đó, mỗi cán bộ, giảng viên nhà trường luôn xác định tự mình phải trở thành những tuyên truyền viên hăng hái, nhạy bén và hiểu biết nhất, nắm được những vấn đề phức tạp, nhạy cảm để kịp thời đề xuất giải pháp giải quyết và góp phần định hướng dư luận. Đồng thời, bản thân mỗi cán bộ, giảng viên cũng không ngừng nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần cảnh giác, tự giác trong rèn luyện, giữ vững lập trường, mẫu mực về đạo đức, lối sống; thường xuyên chú trọng công tác phòng, chống suy thoái về tư tưởng, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII. Kiên quyết ngăn chặn và xử lý kịp thời những biểu hiện lệch lạc, sai trái, thiếu gương mẫu trong nội bộ.

- Một trong những chức năng, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của nhà trường là tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính

trị ở địa phương. Thực hiện công tác này, Trường Chính trị Trần Phú đã góp phần quan trọng trong đánh giá thực trạng, chỉ ra nguyên nhân và đề xuất các giải pháp về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội trong sạch, vững mạnh, gần bó mật thiết với nhân dân; chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, thực hiện các chính sách xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh; xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân... Từ đó, khẳng định sức mạnh, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, vai trò quản lý của các cấp chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị tỉnh. Đưa lại niềm tin, sự quyết tâm thực hiện đồng bộ, có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong thực tiễn. Đây là sự đóng góp rất cụ thể, thiết thực nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái thù địch tại địa phương...

Như vậy, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, trở thành một nội dung cơ bản, quan trọng của Trường Chính trị Trần Phú trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà trường. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước đang gia tăng các hoạt động thực hiện “diễn biến hòa bình”, đa dạng các loại quan điểm sai trái, thù địch với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi và xảo quyệt hơn, nhất là hoạt động tuyên truyền phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng, hiến pháp, pháp luật của Nhà nước trên không gian mạng và các trang mạng Internet, mạng xã hội. Điều đó đòi hỏi nhà trường, mà cụ thể là các cán bộ, đảng viên, giảng viên phải nhận diện đầy đủ để có biện pháp, phương hướng xử lý, đấu tranh phù hợp, hiệu quả. Muốn vậy:

- Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường cần tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để tiếp tục nâng cao chất lượng đội

ngũ cán bộ, giảng viên; làm cho đội ngũ nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tăng cường công tác chính trị, tư tưởng; rèn luyện bản lĩnh, lập trường cách mạng; tự giác tu dưỡng đạo đức, lối sống; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Chú trọng vai trò “nêu gương”, nhất là đội ngũ cốt cán trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; nhận thức về chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhất là các chỉ thị, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về bảo vệ tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, nhất là thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 35-NQ/TW (2018) về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, gắn với Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII... Từ đó, tạo sự chuyển biến tốt trong nhận thức, nâng cao tinh thần cảnh giác, nhạy bén nhận diện và tích cực tham gia đấu tranh với những thông tin, quan điểm sai trái, thù địch.

- Chăm lo xây dựng Đảng bộ, Nhà trường trong sạch, vững mạnh. Đoàn kết nội bộ. Tăng cường công tác quản lý tư tưởng, hoạt động của đội ngũ cán bộ, đảng viên; định hướng, kiểm soát tốt việc sử dụng các trang mạng xã hội. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát; kịp thời nắm bắt diễn biến tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của đảng viên, giảng viên để có biện pháp giải quyết phù hợp; uốn nắn những lệch lạc, thiếu gương mẫu nếu có và kiên quyết xử lý kịp thời, nghiêm minh với những trường hợp vi phạm.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị, hành chính. Đổi mới phương pháp dạy và học; mỗi giảng viên thực sự trở thành một truyền truyền viên, “nhà giáo dục” xung phong, gương mẫu trên mặt trận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Đầu tư, nâng cao chất lượng xuất bản cuốn Thông tin Lý luận và thực tiễn cũng như trang Thông tin điện tử của nhà trường; tổ chức tốt các hội thảo chuyên đề về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Khuyến khích các bài viết nghiên cứu chuyên sâu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; vạch rõ các âm mưu, thủ đoạn, các quan điểm sai trái, thù địch từ đó đề xuất các giải pháp đấu tranh, phản bác có hiệu quả; tăng cường tổng kết thực tiễn, truyền truyền vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chính quyền các cấp đối với những thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội, trong sự nghiệp đổi mới quê hương, đất nước...

Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch là cuộc đấu tranh khó khăn, phức tạp và lâu dài, nhưng khó khăn phức tạp đến đâu cũng phải làm vì đây là một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, sự tồn vong của Tổ quốc. Với sự quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội; từng địa phương, cơ quan, đơn vị, từng cán bộ, đảng viên trong đó có đội ngũ cán bộ, giảng viên Trường Chính trị Trần Phú nhất định cuộc tranh đấu để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng sẽ giành được thắng lợi./

MỘT SỐ GIẢI PHÁP...

Tiếp theo trang 71

bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, khi thế giới đang “phẳng” hơn, thông tin, tri thức luôn vận động và biến đổi đến chóng mặt thì tự học, tự nghiên cứu có ý nghĩa to lớn đối với bản thân học viên cũng như đối với chất lượng, hiệu quả của hoạt động dạy học trong nhà trường. Cần quán triệt quan điểm xem người học là trung tâm, phát huy sự chủ động của người học, góp phần vào việc nuôi dưỡng và phát triển năng lực tư duy lý luận cho người học. Do đó, học viên cần giác ngộ mục đích học tập, tự giác trong học tập, có ý thức trách nhiệm về kết quả học tập của mình, biết tự học và tranh thủ học ở mọi lúc, mọi nơi.

Về cơ sở vật chất: Cần trang bị thêm những phương tiện như máy vi tính, máy chiếu, bổ sung các loại giáo trình, sách báo, tài liệu tham khảo trong hệ thống thư viện. Các loại tài liệu tham khảo cần được cập nhập thường xuyên, khai thác thông tin từ internet, từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống học liệu điện tử... Triển khai các ứng dụng trong hoạt động giảng dạy và học tập sẽ là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong bối cảnh số hóa như hiện nay. Đây là hình thức lấy người học làm trung tâm, người học sẽ tự làm chủ quá trình học tập của mình, người dạy chỉ đóng vai trò hỗ trợ việc học tập cho người học. Với cách học này sẽ góp phần đáp ứng được những tiêu chí giáo dục mới: học mọi nơi, mọi lúc, học theo sở thích, và học suốt đời.

Môn học Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội là một môn khoa học về đường lối, có tính khoa học, tính thời sự và tính chiến đấu rất cao với khối lượng kiến thức vô cùng lớn. Do đó, để có thể truyền tải tới học viên một cách dễ hiểu nhất, khơi dậy niềm đam mê, hứng thú học ở người học là một việc làm cần nhiều thời gian và công sức, đòi hỏi người giảng viên phải thường xuyên trau dồi kiến thức, nỗ lực bản thân để nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế./

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG 10 NĂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN HÀ TĨNH

❁ Th.S NGUYỄN DUY LONG
Phó Trưởng Khoa Nhà nước và Pháp luật

Sau 10 năm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM), tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được nhiều thành quả quan trọng, trở thành một trong những tỉnh tiêu biểu, đi đầu trong phong trào xây dựng NTM cả nước, với nhiều cách làm hay, sáng tạo, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập và đời sống của người dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực nông thôn. Tính đến năm 2020, toàn tỉnh đã có 157 xã đạt chuẩn (chiếm 86,3%) và 04 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Thu nhập và đời sống của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện, diện mạo nông thôn khởi sắc rõ rệt, nhiều mô hình sản xuất mới đem lại thu nhập cao, hệ thống chính trị cơ sở được củng cố... Một trong những bài học kinh nghiệm then chốt giúp các địa phương trong tỉnh Hà Tĩnh triển khai thuận lợi chính là “lấy dân làm gốc”. Nhân dân, mà cụ thể trong phong trào này là nông dân phải là chủ thể đóng vai trò quan trọng trong xây dựng nông thôn mới ở Hà Tĩnh.

- Về thực hiện mục tiêu, kế hoạch chung về xây dựng NTM của tỉnh:

Đến nay có 157/182 xã đạt chuẩn (chiếm tỷ lệ 86,3%), vượt mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII giai đoạn 2015-2020 và vượt chỉ tiêu Thủ tướng

Chính phủ giao trước 2,5 năm; có 08 xã đạt chuẩn NTM nâng cao thuộc 8 đơn vị cấp huyện; 6/13 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (Nghị Xuân, Can Lộc, Đức Thọ, Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh), 3 huyện: Lộc Hà, Vũ Quang, Cẩm Xuyên có 100% số xã đạt chuẩn NTM; 438/1.647 thôn đạt chuẩn Khu dân cư NTM kiểu mẫu (chiếm tỷ lệ 26,6%), 5.244 vườn mẫu đạt chuẩn.

Dự kiến đến cuối năm 2020, có trên 170 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 8 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; trên 600 Khu dân cư NTM kiểu mẫu đạt chuẩn, trên 6.000 Vườn mẫu đạt chuẩn. Tỷ lệ tiêu chí bình quân của tỉnh đạt 18,3 tiêu chí/xã, cao hơn so với bình quân chung của cả nước (16,2 tiêu chí/xã), dự kiến đến hết năm 2020 sẽ đạt khoảng 18,9 tiêu chí/xã, tăng 15,4 tiêu chí so với năm 2010.

- Về xây dựng NTM ở cấp xã:

Đã có 100% số xã đạt chuẩn về quy hoạch xây dựng NTM, 8/13 đơn vị cấp huyện hoàn thành quy hoạch vùng huyện. Tỉnh đã tập trung đầu tư, xây dựng mới và nâng cấp hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, làm thay đổi diện mạo bộ mặt nông thôn, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của người dân. Đã có 160/182 xã đạt tiêu chí về giao thông

(đạt 87,9%); 179/182 xã đạt tiêu chí Thủy lợi (đạt 98,4%); 181/182 xã đạt tiêu chí về Điện (đạt 99%); 170/182 xã đạt chuẩn tiêu chí về Trường học (đạt 93,4%); 164/182 xã đạt chuẩn tiêu chí về Cơ sở vật chất văn hóa (đạt 90,1%); 181/182 xã đạt tiêu chí về Cơ sở hạ tầng thương mại và tiêu chí về Thông tin và truyền thông (đạt 99%); 173/182 xã đạt tiêu chí về Nhà ở dân cư (đạt 95%).

Kinh tế nông thôn tỉnh Hà Tĩnh có sự tăng trưởng khá, cơ cấu lại ngành nông nghiệp bước đầu đạt được kết quả quan trọng; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn có sự chuyển biến tích cực. Đã có 172/182 xã đạt tiêu chí về Thu nhập (đạt 94,5%); 175/182 xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 5% (đạt 96%); 181/182 xã đạt tiêu chí về lao động có việc làm (đạt 99%); 179/182 xã đạt tiêu chí về Tổ chức sản xuất (đạt 98,4%). Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2019 đạt 33,25 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,53%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 28%.

Y tế, văn hóa, giáo dục và môi trường nông thôn: đã có 100% xã đạt chuẩn tiêu chí về Giáo dục và Đào tạo; 180/182 xã đạt tiêu chí về Y tế (đạt 98%); 180/182 xã đạt chuẩn tiêu chí về Văn hóa (đạt 98%); 157/182 xã đạt chuẩn tiêu chí về Môi trường và An toàn thực phẩm (đạt 86,3%). Môi trường, cảnh quan nông thôn chuyển biến tích cực gắn với phong trào xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu và vườn mẫu.

Hệ thống chính trị được củng cố; an ninh, trật tự được giữ vững: 172/182 xã đạt tiêu chí về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (đạt 94,5%); 178/182 xã đạt tiêu chí quốc phòng và an ninh (đạt 97,8%). Chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã được nâng cao, 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

Toàn tỉnh hiện còn 25 xã chưa đạt chuẩn NTM, tập trung ở vùng miền núi, khó khăn, gồm các huyện: Hương Khê (11 xã); Kỳ Anh (07 xã); Hương Sơn (05 xã) và thị xã Kỳ Anh (02 xã). Mức độ đạt chuẩn NTM ở các xã này từ 12-16 tiêu chí, tập trung vào những nội dung sau: 100% số xã còn lại chưa đạt tiêu chí hạ tầng về giao thông, cơ sở vật chất văn hóa; 13/25 xã (chiếm 52%) chưa đạt tiêu chí về Trường học; một số xã chưa đạt tiêu chí về Thủy lợi và Nhà ở dân cư; 100% số xã chưa đạt tiêu chí về Môi trường và An toàn vệ sinh thực phẩm, Khu dân cư NTM kiểu mẫu; khoảng 6/25 xã chưa đạt tiêu chí về thu nhập, một số xã chưa đạt tiêu chí về an ninh trật tự, hộ nghèo.

Cùng với đó, nhiều tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2021-2025 sẽ được điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu trong giai đoạn mới, như: thu nhập, nước sạch, xử lý môi trường... sẽ yêu cầu các xã cần tập trung đầu tư nguồn lực để đạt được mục tiêu đạt chuẩn trong giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ vào định hướng của Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025, các xã nằm trong định hướng chung của tỉnh (khoảng 91 xã) đã cơ bản đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chí (từ 70% trở lên). Tuy nhiên, cần phải tập trung vào một số vấn đề chính, gồm: nâng cao thu nhập của người dân (hiện nay thu nhập bình quân khá thấp so với cả nước); tổ chức sản xuất theo hướng tập trung, áp dụng công nghệ cao/cơ giới hóa...; áp dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng hành chính công; xử lý môi trường rác thải, nước thải sinh hoạt...

- Về xây dựng NTM ở cấp huyện:

Toàn tỉnh có 6 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, dự kiến cuối năm 2020 có thêm 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Các

đơn vị cấp huyện còn lại chủ yếu là khu vực miền núi, như: Hương Khê, Hương Sơn, Kỳ Anh.

Đối với các huyện còn lại, ngoài mục tiêu phải hoàn thành 100% số xã đạt chuẩn NTM, thì yêu cầu đặt ra là hoàn thành 09 tiêu chí NTM cấp huyện. Đến nay, nhìn chung các huyện mới đạt từ 4-5 tiêu chí, trong đó: Các tiêu chí nền về cơ sở hạ tầng: Giao thông, Thủy lợi, Y tế - Giáo dục- Văn hóa đều chưa đạt. Trong đó, tiêu chí giao thông khối lượng cần thực hiện để đạt chuẩn ở một số huyện còn khá lớn, như Hương Khê (93,4 km), Hương Sơn (57,47 km), Kỳ Anh (39,1 km), Vũ Quang (36,9 km)...Nhiều công trình thủy lợi liên xã ở các huyện chưa được đầu tư đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã; phương án bảo vệ công trình thủy lợi liên xã chưa được lập, phê duyệt theo quy định. Về phát triển kinh tế, hầu hết các huyện đều sản xuất quy mô nhỏ, chưa hình thành được các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, đặc biệt là các yêu cầu liên quan đến sản xuất theo chuỗi giá trị; Vấn đề xử lý môi trường còn nhiều bất cập, đặc biệt là xây dựng các khu xử lý chất thải rắn chưa được triển khai thực hiện, nên việc thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn các huyện chưa đảm bảo quy định.

Trong việc thực hiện mục tiêu xây dựng huyện NTM nâng cao, kiểu mẫu, tỉnh Hà Tĩnh đã có 04 huyện đặt mục tiêu xây dựng huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025, gồm: Nghi Xuân, Thạch Hà, Can Lộc và Đức Thọ. Với hiện trạng xây dựng NTM trên cơ sở định hướng Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025, các địa phương cần tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống của người dân, (trong đó: đầu tư cơ sở hạ tầng xử lý môi trường, đặc biệt là chất thải rắn và nước thải sinh hoạt; cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; cơ sở hạ tầng công nghệ thông

tin nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công và quản lý nhà nước; nâng cấp và mở rộng các công trình nước sạch tập trung để nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch đạt chuẩn); phát triển mạnh về sản xuất nhằm nâng cao thu nhập của người dân nông thôn, đạt mục tiêu thu nhập bình quân cao hơn so với mục tiêu của tỉnh (hơn 60 triệu đồng/người/năm). Đặc biệt, cần nâng cao chất lượng lao động, phát triển ngành nghề nông thôn, du lịch nông thôn gắn với lợi thế và quy hoạch vùng sản xuất của tỉnh; Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn theo quy định; tập trung bảo tồn các di sản văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa trong cộng đồng dân cư.

Trong xây dựng huyện NTM kiểu mẫu, hiện nay huyện Nghi Xuân đang xây dựng Đề án huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu điển hình về văn hóa, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đây là cơ sở để tỉnh đạt được mục tiêu về xây dựng huyện NTM kiểu mẫu đồng thời góp phần hình thành vành đai kết nối giữa Hà Tĩnh với tỉnh Nghệ An, đặc biệt là phát triển du lịch và đô thị.

Có được sự thành công của xây dựng NTM ở Hà Tĩnh như trên có nhiều nhân tố tác động, nhưng một trong những nhân tố tác động tới sự thành công của xây dựng nông thôn mới ở Hà Tĩnh là: phát huy vai trò của người dân, cộng đồng, hướng đến sự hài lòng của người dân nông thôn. Điển hình là việc thông qua phong trào xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu đã phát huy hiệu quả nhất vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư trong xây dựng NTM theo phương châm của tỉnh là *“dựa vào dân để lo cho cuộc sống của dân”*. Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng, thì Hà Tĩnh đã *chuyển nhanh từ “huy động cộng đồng” sang “phát triển cộng đồng”*, đưa người dân từ vị trí *“khách thể”* trở thành *“chủ thể”* của xây dựng NTM. Tiếp cận từ đơn vị

thôn trong xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu vừa khơi dậy được *nguồn lực* cộng đồng, vừa tạo ra động lực thi đua, đồng thời nâng cao *năng lực* và tăng cường *quyền lực* (vai trò, vị thế, tiếng nói) của cộng đồng trong quá trình thực hiện. Xét trên khía cạnh văn hóa, các khu dân cư NTM kiểu mẫu của Hà Tĩnh đều gắn với một đơn vị thôn (làng cũ); là cách Hà Tĩnh đã nắm lấy một di sản văn hóa địa phương (văn hóa quản lý xã hội) để làm nền cho các hoạt động xây dựng NTM: (Truyền thống đoàn kết cộng đồng và tinh thần dân chủ xã, thôn xưa trở thành một chất kết dính mới cho các hoạt động xây dựng NTM hiện nay).

Theo kết quả khảo sát của Chương trình Khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM và Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn (2019)⁽¹⁾, người dân có tỷ lệ hài lòng rất cao về công tác triển khai xây dựng NTM: 98% hài lòng về “*công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin cho người dân về xây dựng NTM*”; 96% hài lòng về “*tính công khai, minh bạch trong các hoạt động xây dựng NTM*”; 96% hài lòng về “*việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của người dân theo tinh thần dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ*”; 100% hài lòng về “*các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể tích cực, trách nhiệm, gương mẫu trong các hoạt động xây dựng NTM*”. Về việc phát huy vai trò, trách nhiệm của người dân: 98% hài lòng về “*được bình đẳng tham gia, thảo luận, góp ý về các nội dung xây dựng NTM*”; 97% hài lòng về “*việc huy động đóng góp của người dân bằng tiền, lao động, tài sản được thực hiện hợp lý, công bằng, công khai, minh bạch, trên tinh thần tự nguyện và đồng thuận, không tạo ra áp lực và khó khăn cho hộ*”; 99% hài lòng về “*cộng đồng dân cư địa phương hăng hái, tích cực, đoàn kết tham gia các hoạt động xây dựng NTM*”.

Đặc biệt, 100% số hộ được hỏi đều hài lòng về *Chương trình xây dựng NTM* (88% rất hài lòng và 12% hài lòng). Bên cạnh đó, sự thay đổi căn bản ở khu vực nông thôn còn thể hiện qua những chuyển biến về tư duy, nhận thức của người dân. Trên 90% số hộ được hỏi đều cho biết mình có vai trò, trách nhiệm trong xây dựng NTM về: *tham gia ý kiến vào quy hoạch, kế hoạch, đề án NTM; tham gia ý kiến lựa chọn công trình, dự án; tham gia thực hiện các công trình, dự án; tham gia giám sát quá trình thực hiện; vận động mọi người cùng tham gia xây dựng NTM; góp tiền, góp sức xây dựng NTM*... Những con số nêu trên đã chứng minh: xây dựng NTM ở Hà Tĩnh nhận được sự hưởng ứng rất cao từ cộng đồng dân cư nông thôn.

Từ thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở Hà Tĩnh, chúng ta thấy rằng: Nơi nào huy động được trí tuệ, tâm huyết, tiền của, công sức của mỗi người dân cùng với Nhà nước và địa phương thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới thì sớm đạt đích xã nông thôn mới và ngược lại. Các cấp chính quyền cần tích cực tuyên truyền, vận động để người dân hiểu chương trình xây dựng nông thôn mới nhằm mục đích phát triển nông thôn toàn diện, bền vững, góp phần nâng cao hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của chính dân cư nông thôn. Trong xây dựng nông thôn mới, người dân vừa là người làm vừa là người thụ hưởng.

Để phát huy tốt vai trò chủ thể của nhân dân, các cấp chính quyền phải phát huy dân chủ, tạo điều kiện để nhân dân tự quản, tự bàn bạc quyết định chương trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Chỉ khi nào cán bộ chính quyền lấy công khai, minh bạch làm đầu, phát huy tính dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện cho người dân có quyền quyết định việc sử dụng nguồn vốn do mình đóng góp, giám sát việc sử

Xem tiếp trang 85

TÂM SỰ NGƯỜI THẦY GIÁO Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ



Ths. LÊ ĐÌNH HÙNG

P. Trưởng phòng Tổ chức, Hành chính, Thông tin, Tư liệu

Thế giới hiện tại thật muôn màu với vô vàn những công việc, những nghề nghiệp khác nhau, ai cũng tự chọn cho mình một nghề để sống và làm việc. Nghề đó có thể là một phương tiện để kiếm sống, nhưng cũng có những nghề trở thành lẽ sống, lý tưởng theo đuổi suốt cả cuộc đời. Thế giới vẫn không ngừng tiến lên do vô số những bàn tay con người với những công việc, nghề nghiệp khác nhau dù cao quý, vĩ đại hay bình thường, giản dị đang ngày đêm thầm lặng cống hiến, tô điểm làm cho thế giới ngày càng tốt đẹp hơn, hoàn thiện hơn. Một trong số những người làm những nghề thầm lặng mà cao quý đó là đội ngũ những người thầy đang chăm lo cho sự nghiệp “trồng người”.

Trong bậc thang giá trị của xã hội đã tôn vinh và giành cho người thầy địa vị thật cao quý. Comenxki - Nhà giáo dục người Slovakia đã nói: “Dưới ánh mặt trời không có nghề nào cao quý hơn nghề dạy học”. Xã hội đã kính trọng, tôn vinh một cách tự nhiên và trao vào người thầy sứ mệnh chăm sóc, vun trồng các thế hệ công dân có ích để xây dựng nên xã hội ngày càng tốt đẹp. Xã hội coi trọng sâu sắc, trao trọng trách và đặt trọn cả niềm tin tưởng vào người thầy và người thầy cũng tự ý thức được mình phải làm sao cho xứng đáng làm tròn bổn phận đối với xã hội.

Người giảng viên ở Trường Chính trị làm công tác giáo dục, đào tạo cán bộ của Đảng trước hết họ là thầy giáo như mọi

thầy giáo trong xã hội. Từ sự tôn vinh, niềm vinh dự trước sứ mệnh vẻ vang đó mà xã hội bao giờ cũng đặt ra những yêu cầu rất cao đối với người thầy trong lĩnh vực “trồng người” của Đảng.

Yêu cầu trước tiên và quan trọng nhất là đạo đức người thầy.

Người thầy giáo dù trong bất cứ thời đại nào thì phẩm chất đạo đức là yếu tố cơ bản nhất không thể thiếu được. Có thể khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức của người thầy ở một số vấn đề như sau:

1. Phẩm chất đầu tiên đó là hết sức, hết lòng phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.
2. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.
3. Tình yêu thương học trò và yêu nghề.
4. Tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái.
5. Sự gương mẫu về đạo đức trước học trò, đồng nghiệp và cộng đồng.
6. Việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức phải thường xuyên suốt đời.

Đối với người thầy giáo ở trường chính trị, đạo đức được nâng lên thành đạo đức cách mạng. Người thầy ở trường chính trị không những là người cán bộ cách mạng mà còn là người đào tạo những cán bộ cách mạng cho tương lai đất nước nên càng phải có đạo đức cách mạng. Người thầy giáo ở trường chính trị là người chiến sĩ cách mạng trên mặt trận văn hoá giáo dục của Đảng chẳng những phải rèn luyện cho mình

có đầy đủ những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức mà còn phải luôn luôn thực hành nó qua từng lời nói, việc làm cụ thể của mình. Giảng viên ở trường chính trị phải là những con người mẫu mực, có đủ những tiêu chuẩn về phẩm chất tư cách của một chiến sỹ cách mạng trên mặt trận giáo dục của Đảng, có tư cách đạo đức và lối sống trong sáng, lành mạnh, là tấm gương sáng, để cho cán bộ, đảng viên học viên học tập và noi theo.

Yêu cầu thứ 2 thuộc về lập trường tư tưởng.

Người giảng viên trường chính trị phải có lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, bảo vệ và phát triển Chủ nghĩa Mác - Lênin; phải có được niềm tin kiên định vào lý tưởng cộng sản chủ nghĩa; phải tự ý thức mình là một chiến sỹ trên mặt trận đấu tranh tư tưởng của Đảng, vững vàng không dao động. Hiện nay, con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa đang gặp những khó khăn. Các thế lực thù địch đang chống phá chủ nghĩa xã hội, phủ định Học thuyết Mác - Lênin, công khai chống chế độ xã hội mà Đảng và nhân dân ta đang xây dựng. Trong bối cảnh ấy, người giảng viên trường chính trị phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, nắm vững và đứng vững trên lập trường quan điểm, nắm vững những nguyên tắc, bản chất cách mạng và khoa học của Chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh một cách có dũng khí và sắc bén cương quyết đấu tranh phản bác lại các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, dùng cảm chiến đấu với những phần tử cơ hội, thoái hoá, biến chất, chủ nghĩa cá nhân, bảo vệ, bổ sung và phát triển Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và thành quả của công cuộc đổi mới.

Yêu cầu thứ ba thuộc về phẩm chất năng lực

Người giảng viên trường chính trị phải có một tầm kiến thức cả về tri thức khoa học và thực tiễn. Người giảng viên trường chính trị phải am hiểu, có kiến thức sâu rộng và toàn diện thì mới huấn luyện người khác được. Đó cũng là một đặc điểm nghề nghiệp đòi hỏi người giảng viên chính trị phải học tập, rèn luyện suốt đời. Là chiến sỹ trên mặt trận tư tưởng của Đảng, người giảng viên trường chính trị phải có sự nhạy cảm về chính trị, nhạy bén với cái mới, bám sát và kịp thời đưa được hơi thở của thực tiễn, của cuộc sống vào bài giảng.

Như vậy, Đội ngũ những người thầy giáo ở trường chính trị nhất thiết phải là người “vừa hồng vừa chuyên”. Những yêu cầu, đòi hỏi về phẩm chất người thầy giáo ở trường chính trị đặt ra rất toàn diện, trong đó có ba phẩm chất cơ bản: Phẩm chất chính trị, phẩm chất năng lực và phẩm chất đạo đức. Điều này đặt ra một yêu cầu rất cao đối với cán bộ, giảng viên khi về công tác ở trường chính trị và đội ngũ cán bộ, giảng viên ở trường chính trị phải cố gắng, nỗ lực rất lớn để vươn lên hoàn thành được nhiệm vụ to lớn này.

Hướng về kỷ niệm 75 năm ngày thành lập trường, suy nghĩ về nghề, chúng ta càng thấm thía triết lý sâu xa về sứ mệnh của người thầy. Cùng với công cuộc đổi mới lớn lao của đất nước, chúng ta tin tưởng mọi sự tốt đẹp ở phía trước, tin tưởng vào sự lớn mạnh vượt bậc của nhà trường để trường xứng đáng là nơi đào tạo những người “vừa hồng, vừa chuyên”, nơi thấp sáng niềm tin, xứng đáng với niềm tin yêu trước nhiệm vụ vẻ vang mà Đảng và Nhân dân tin cậy giao phó.

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ĐOÀN KẾT, HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO



Th.s THÁI THỊ HIỀN

Phòng Quản lý đào tạo và Nghiên cứu khoa học

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 20/10/1945, Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã mở lớp huấn luyện cán bộ đầu tiên, với 30 học viên là những cán bộ Việt Minh và cán bộ Ủy ban nhân dân cách mạng của các huyện, các xã. Từ đây, Trường Chính trị Trần Phú được ra đời để đảm đương việc đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên. Suốt 75 năm hành trình cùng Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh, Trường Chính trị Trần Phú đã không ngừng lớn mạnh, trưởng thành. Trong mọi thời kỳ cách mạng, lúc thuận lợi cũng như khó khăn, nhà trường luôn luôn phát huy vai trò là cái nôi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho Đảng, giữ vững, thấp sáng niềm tin vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vào sự thắng lợi của cách mạng cho lớp lớp cán bộ đảng viên. Tổng kết, chất lọc từ những thành công và chưa thành công trong suốt 75 năm xây dựng và trưởng thành, một trong những bài học kinh nghiệm sâu sắc được rút ra và trở thành truyền thống của nhà trường đó là: luôn luôn chăm lo xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ và trong đội ngũ cán bộ, giảng viên. Sự đoàn kết thống nhất không chỉ tạo nên thắng lợi to lớn cho nhà trường trong quá khứ, mà còn là hành trang để tạo nên sức mạnh khi đối diện tương lai. Để phát huy truyền thống đó, tạo nên sức mạnh to lớn, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao khi đất nước, quê hương bước vào giai đoạn phát triển mới, đòi hỏi nhà trường phải thực hiện tốt các nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục phát huy tinh thần dân chủ rộng rãi trong triển khai và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người thường xuyên thực hành phong cách làm việc tập thể và dân chủ. Người thường nói: Đề ra công việc, đề ra nghị quyết, không khó, vấn đề là thực hiện nó. Ai thực hiện? - Tập thể, quần chúng. Vì vậy, có dân chủ, bàn bạc tập thể mới cùng thông suốt, nhất trí, mới cùng quyết tâm thực hiện, tránh được “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”. Sỡ dĩ xảy ra mất đoàn kết vì người đứng đầu ở nơi đó còn chuyên quyền độc đoán, áp đặt chủ quan, trong hội nghị thì mọi người miễn cưỡng đồng tình, sau hội nghị nếu đã không thông thì sẽ không quyết tâm thực hiện. Vì vậy, Người yêu cầu: “Phải thật sự mở rộng dân chủ để tất cả đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình”⁽¹⁾. “Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến. Những sáng kiến đó được khen ngợi, thì những người đó càng thêm hăng hái, và người khác cũng học theo. Và trong khi tăng thêm sáng kiến và hăng hái làm việc, thì những khuyết điểm lật vặt, cũng tự sửa chữa được nhiều”⁽²⁾, “thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”⁽³⁾. Hơn ai hết, bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về thực hành dân chủ. Trong công tác lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Người luôn coi trọng việc sử dụng sức mạnh tổng hợp của nhiều cơ quan, tổ chức, của tập thể và sức mạnh tổng hợp của các tầng lớp nhân dân. Bởi lẽ, theo Người tự do dân chủ trong hoạt động tư tưởng là cách

thức để đi đến chân lý, khi chân lý được tìm thấy hóa ra là tự do phục tùng tư tưởng, mà tư tưởng ở đây không phải là tư tưởng của cá nhân, vĩ nhân mà đó là tư tưởng của cả tập thể.

Quán triệt phong cách này của Bác, khi triển khai các nhiệm vụ chính trị được giao, nhất là những nhiệm vụ mới, đột xuất, Đảng ủy, Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng cần phải tổ chức thảo luận một cách kỹ lưỡng, phát huy dân chủ, khơi dậy khả năng, trí tuệ, năng lực và các quan điểm cá nhân; khuyến khích cán bộ, giảng viên bày tỏ quan điểm, đóng góp ý kiến của mình, dù ý kiến đó có thể đúng và trúng, cũng có thể chưa rõ ràng, chưa hợp lý. Việc làm này vừa thể hiện được phong cách dân chủ rộng rãi, đồng thời sẽ phát huy trí tuệ, sức mạnh của tập thể và tạo sự đồng lòng từ trên xuống dưới. Từ ý kiến trao đổi thảo luận của mỗi cá nhân, tập thể lãnh đạo nhà trường phải nêu cao tinh thần tiếp thu, phân tích, luận chứng những điểm hợp lý, chưa hợp lý, từ đó đi đến thống nhất ý chí, tư tưởng và hành động.

Thứ hai, không ngừng trau dồi, rèn luyện phẩm chất đạo đức để làm tiền đề, sức mạnh cho tinh thần đoàn kết.

Khi bàn về việc học tập tư tưởng đoàn kết của Bác, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng nói: “Học tư tưởng, đạo đức đoàn kết Hồ Chí Minh là gột rửa tất cả cái gì có thể chia rẽ chúng ta, trau dồi tất cả cái gì thắt chặt chúng ta”⁽⁴⁾. Trong một tập thể, mỗi người có một tính cách, một suy nghĩ khác nhau; trong thực hiện nhiệm vụ, mỗi người có một cách thức làm việc khác nhau... Tuy nhiên, dù với tính cách và hình thức nào đều cũng phải hướng tới mục tiêu cuối cùng chính là chất lượng, tiến độ và hiệu quả công việc. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, mỗi cán bộ, giảng viên cần phải trau dồi, rèn luyện những phẩm chất đạo đức cần thiết, mà trước hết đó chính là thái độ thẳng thắn, trung thực, phát huy trách nhiệm

cao nhất để hoàn thành nhiệm vụ một cách chính xác, kịp thời, đồng thời phải không ngừng tìm tòi, đổi mới phương pháp giảng dạy, làm việc khoa học, hiệu quả; phải chủ động gương mẫu, đi đầu trong thực hiện nhiệm vụ, trong việc tuân thủ các quy định, nội quy, quy chế của cấp trên.

Song song với việc xây dựng những đức tính tốt, mỗi cán bộ, giảng viên còn phải chống lại những “thói hư tật xấu”, những căn bệnh gây chia rẽ, mất đoàn kết. Trước hết, phải chống lại “bệnh hẹp hòi”, bởi vì từ hẹp hòi sẽ sinh ra kéo bè kéo cánh, bè phái. Theo Bác: “Từ bè phái mà đi đến chia rẽ. Ai hợp với mình thì dù người xấu cũng cho là tốt, việc dở cũng cho là hay, rồi che đậy cho nhau, ủng hộ lẫn nhau. Ai không hợp với mình thì người tốt cũng cho là xấu, việc hay cũng cho là dở, rồi tìm cách dèm pha, nói xấu, tìm cách dìm người đó xuống. Bệnh này rất tai hại cho Đảng. Nó làm hại đến sự thống nhất. Nó làm Đảng bớt mất nhân tài và không thực hành được đầy đủ chính sách của mình. Nó làm mất sự thân ái, đoàn kết giữa đồng chí. Nó gây ra những mối nghi ngờ”⁽⁵⁾. Sau nữa, phải “chống chủ nghĩa cá nhân”, bởi vì trong một tập thể, ai có tư tưởng này thì trước bất kỳ việc gì cũng chỉ nghĩ đến lợi ích cá nhân, không lo “mình vì mọi người”, mà chỉ muốn “mọi người vì mình”. “Bệnh hẹp hòi” và “chủ nghĩa cá nhân” nếu tồn tại trong mỗi cán bộ, giảng viên sẽ dẫn đến tình trạng chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ, ganh ghét, đố kỵ, tự cao tự đại, coi thường tập thể... từ đó làm ảnh hưởng chất lượng và hiệu quả công việc.

Thứ ba, tin tưởng, tôn trọng, lắng nghe ý kiến, chia sẻ tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, giảng viên.

Tục ngữ Việt Nam có câu: “Một cây làm chẳng nên non. Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”. Trong mỗi nhiệm vụ, nếu chỉ có một người tự làm thì sẽ mất nhiều thời gian, công sức mới hoàn thành, thậm chí có thể không làm nổi vì không đủ sức lực và trí

tuệ. Ngược lại, dù nhiệm vụ khó khăn đến đâu mà nhiều người cùng phối hợp, đồng lòng, quyết tâm thực hiện thì chắc chắn sẽ thành công. Điều này khẳng định sức mạnh của tập thể có ý nghĩa quyết định tiến độ và hiệu quả công việc. Đề tập hợp sức mạnh đoàn kết của tập thể, trước hết Đảng ủy, Ban Giám hiệu phải thường xuyên quán triệt và thực hành nguyên tắc: Đối với người, luôn giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết, bao dung và tận tình chia sẻ, giúp đỡ. Phải tin tưởng, tôn trọng, thành tâm chia sẻ, lắng nghe và khơi gợi cho cán bộ, chuyên viên nói hết quan điểm, ý kiến của mình và kịp thời giải quyết những kiến nghị chính đáng, những khó khăn vướng mắc của cán bộ, giảng viên. Việc làm này sẽ là động lực để cán bộ, chuyên viên cảm thấy được tin tưởng và hăng hái đề ra sáng kiến, đồng thời sẽ kịp thời xử lý được những khó khăn, vướng mắc, khắc phục những hạn chế, yếu kém, những sai sót, bất cập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Việc tin tưởng, tôn trọng, lắng nghe ý kiến, chia sẻ tâm tư, nguyện vọng giữa lãnh đạo với cán bộ, giảng viên cần được thực hiện thường xuyên thông qua các kênh như: qua các cuộc họp, sinh hoạt Đảng bộ, chi bộ, qua trực tiếp trao đổi công việc, qua tâm sự... Để làm được điều này, đòi hỏi lãnh đạo nhà trường phải thường xuyên rèn luyện và thực hành phong cách thân ái, khoan hồng độ lượng, thương yêu lẫn nhau, không so bì, xét nét, không coi trọng người này, xem thường người kia, bởi theo Bác: “Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay”⁽⁶⁾.

Thứ tư, thường xuyên và nghiêm chỉnh thực hiện tự phê bình và phê bình

Trong bản Di chúc viết khởi thảo ngày 15/5/1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết thống nhất

của Đảng”. Tuy nhiên, trong thực tế, tự phê bình và phê bình là một việc làm không dễ, là vấn đề hết sức nhạy cảm, nó tác động đến tính cách, tâm lý và thái độ của mỗi cá nhân, tổ chức. Tâm lý con người bao giờ cũng thích khen hơn là chê, thích nói những điều tốt đẹp về mình, không dễ chấp nhận những hạn chế, yếu kém của bản thân mà người khác chỉ ra. Mọi người thường cho rằng, việc thừa nhận khuyết điểm đồng nghĩa với tự thừa nhận sự non kém của mình và điều này sẽ ảnh hưởng tới danh dự, uy tín, thể diện của mỗi người. Bởi vậy, phê bình đã khó, tự phê bình lại càng khó khăn hơn. Mặt khác, hiện nay ở nhiều nơi vẫn còn xảy ra tình trạng lợi dụng phê bình để phê phán, hạ bệ đồng chí của mình hoặc nể nang, né tránh, ngại va chạm mà không dám phê bình. Tình trạng này nếu không được khắc phục sẽ dẫn đến tình trạng “bằng mặt mà không bằng lòng”, từ đó sẽ gây ảnh hưởng đến tinh thần đoàn kết của tập thể.

Từ thực tiễn này, cần xác định xây dựng tinh thần đoàn kết, phát huy dân chủ trên cơ sở tự phê bình và phê bình phải trở thành nhiệm vụ thường xuyên, then chốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định “Nhân vô thập toàn”, là con người không thể lúc nào cũng hoàn hảo, không thể tránh khỏi những lúc mắc sai lầm, khuyết điểm, càng đảm nhận nhiều công việc thì càng dễ có sai lầm, khuyết điểm nhiều hơn. Với chức năng, nhiệm vụ được giao, đòi hỏi mỗi cán bộ, giảng viên phải tự có trách nhiệm với bản thân và nhiệm vụ của mình, không né tránh những thiếu sót của mình, phải tự thừa nhận và tìm cách khắc phục. Đối với đồng nghiệp, khi nhìn thấy những thiếu sót của họ thì phải chân thành góp ý, phê bình nhưng phải trên cơ sở “tinh đồng chí thương yêu lẫn nhau”, không được xoi mói “bới lông, tìm vết” để cố tình làm mất uy tín lẫn nhau. Những đồng chí thông thạo công việc, vững vàng chuyên môn phải tận tình giúp đỡ, hướng dẫn, dìu dắt những đồng chí còn ít kinh nghiệm với

thái độ chân thành, vô tư, trong sáng. Với những người ý thức chưa cao, chưa tâm huyết, thiếu trách nhiệm với công việc, thay vì chê trách thì cần phải gần gũi, thân thiện, phân tích đúng sai để họ hiểu, chấp nhận và sửa chữa. Đồng chí được góp ý phải biết cầu thị lắng nghe, tiếp thu nghiêm túc và tìm biện pháp khắc phục. Nếu làm được điều đó, thì mọi việc sẽ được giải quyết một cách “thấu tình đạt lý”, không để trở thành vấn đề nổi cộm, gây mất đoàn kết trong nội bộ từng đơn vị và trong toàn trường.

Đoàn kết là lẽ sống, là đạo lý của Đảng, của dân tộc ta trong dựng nước và giữ nước. Trong di chúc thiêng liêng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”⁽⁷⁾, thực hiện lời dạy của Người mỗi cán bộ, giảng viên Trường Chính trị Trần Phú phải luôn phấn đấu rèn luyện, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất, nhằm mới tạo nên sức mạnh tổng hợp để vượt qua mọi khó khăn thách thức, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ chính trị được giao, xứng đáng là Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu tổng kết thực tiễn của tỉnh nhà./.

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, H.2002, tập 10, tr118;

(2) CD-Rom Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 5, tr284;

(3) CD-Rom Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 15, tr325;

(4) Phạm Văn Đồng: Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc, Nxb Chính trị quốc gia, H.2012, tr44;

(5) CD-Rom Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 5, tr297;

(6) CD-Rom Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, tập 4, tr280.

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.622

NHỮNG THÀNH TỰU...

Tiếp theo trang 79

dụng nguồn vốn đó thì người dân mới tích cực, hăng hái đóng góp tiền của để xây dựng nông thôn mới.

Rõ ràng, xây dựng nông thôn mới được xác định là “của dân, do dân và vì dân”, nhưng trong quá trình triển khai, không phải nơi nào, địa phương nào cũng làm được điều đó do cách làm và phương pháp còn chưa đúng, chưa phát huy hết dân chủ, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của nhân dân. Bài học lấy nhân dân làm gốc, lấy nông dân làm chủ thể trong xây dựng nông thôn mới cần được các cấp ủy, chính quyền phát huy nhiều hơn nữa. Lấy người nông dân làm trung tâm trong triển khai mọi công việc từ quy hoạch, đầu tư hạ tầng, phát triển sản xuất, chăm lo sức khỏe, giáo dục, văn hóa... Các công việc đó cần được thực hiện trên cơ sở nhu cầu, nguyện vọng của chính nhân dân, để người dân thấy rõ lợi ích của mình và tham gia xây dựng nông thôn mới./.

(1) Hai huyện được chọn khảo sát gồm huyện Thạch Hà (đại diện khu vực đồng bằng ven biển, có kết quả xây dựng NTM tương đối tốt) và huyện Hương Khê (đại diện cho khu vực miền núi, còn gặp nhiều khó khăn trong xây dựng NTM). Tại mỗi huyện chọn 2 xã, 1 xã đạt chuẩn NTM và 1 xã chưa đạt chuẩn NTM, trong đó tại huyện Thạch Hà chọn xã Tượng Sơn (đạt chuẩn NTM) và xã Thạch Sơn (chưa đạt chuẩn), tại huyện Hương Khê chọn xã Hương Trà (đạt chuẩn NTM) và xã Hương Long (chưa đạt chuẩn NTM).

Tài liệu tham khảo:

1. Dự thảo Đề án thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

2. Đề án xây dựng huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh đạt huyện Nông thôn mới kiểu mẫu, điển hình về văn hóa gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2025.

3. Tờ trình số 293/TTr-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thẩm định và phê duyệt Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025.

GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ XÂY DỰNG VĂN HÓA CÔNG SỞ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ



TRẦN THỊ TÚ ANH

Chuyên viên Phòng Tổ chức, Hành chính, Thông tin, Tư liệu

Văn hoá công sở là tổng hòa các giá trị hữu hình và vô hình, bao gồm trình độ nhận thức, phương pháp tổ chức, quản lý, môi trường cảnh quan, phương tiện làm việc, đạo đức nghề nghiệp và phong cách giao tiếp ứng xử của cán bộ, công chức nhằm xây dựng một công sở văn minh, lịch sự, hoạt động hiệu quả và đúng pháp luật. Xây dựng văn hóa công sở là quá trình tác động có ý thức để tạo dựng hoặc cải biến văn hóa của công sở, thông qua việc xác định các giá trị cần đề cao, gây dựng niềm tin vào những giá trị đó, hướng các thành viên trong công sở tới những chuẩn mực xử sự như mong muốn. Xây dựng văn hóa công sở là một quá trình, bắt đầu bằng việc xác định những giá trị văn hóa cần đề cao trong công sở, xây dựng niềm tin thông qua việc ban hành và áp dụng các nguyên tắc và chính sách để những giá trị văn hóa cần có được định hình và phát huy tác dụng trong thực tế. Xây dựng văn hóa công sở luôn hướng tới kết quả thiết thực cuối cùng là những chuẩn mực trong hành vi của các thành viên thuộc công sở.

Trường Chính trị Trần Phú là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Tỉnh ủy Hà Tĩnh; thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở; cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương. Trong

những năm qua, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường đã ban hành quy chế văn hóa công vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 9, khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Quyết định số 5029-QĐ/HVCTQG, ngày 26/10/2017 của Giám đốc HVCTQG Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về ứng xử văn hóa của HVCTQG và các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định 1847/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt Đề án văn hoá công vụ; Nghị quyết số 01-NQ/ĐUK, ngày 10/10/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Hà Tĩnh về Tăng cường lãnh đạo xây dựng văn hóa công sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển của tỉnh đến năm 2020 và những năm tiếp theo; Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND, ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về ban hành Quy chế văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh...

Bên cạnh việc ban hành quy định về văn hóa công sở, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã lãnh đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền về văn hoá công sở với nhiều hình thức như thông qua các buổi chào cờ đầu tháng, sinh hoạt Đảng bộ, các cuộc họp, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt của các tổ chức quần chúng, trong hoạt động giảng dạy..., qua đó góp phần làm cho cán bộ, viên chức, người lao động và học viên nhận thức rõ vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc xây dựng văn hóa công sở, xây dựng đời sống văn hóa tại cơ quan, đơn vị. Chú trọng gắn công tác tuyên truyền về văn hoá công sở với công tác giáo dục chính trị tư tưởng và thực hiện việc học tập và làm theo

tấm gương, đạo đức Hồ Chí Minh. Phát động phong trào thi đua xây dựng người cán bộ, viên chức “trung thành - tận tụy - sáng tạo - gương mẫu”, thực hiện nếp sống văn minh, có tác phong làm việc khoa học giữa các tổ chức đoàn thể trong cơ quan, qua đó tuyên truyền, vận động giáo dục đoàn viên, cán bộ, viên chức và học viên cùng thực hiện, chấp hành nghiêm những quy định, quy chế về văn hóa công sở.

Đảng ủy nhà trường quan tâm lãnh đạo đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc hoàn chỉnh, đồng bộ. Trụ sở làm việc khang trang, hiện đại với khu nhà hiệu bộ, khu giảng đường và khu nội trú. Nhà trường đã gắn biển, đặt tên cho từng toà nhà và được trang bị những bảng hiệu chỉ dẫn lối đi, sơ đồ đến từng khu vực trong khuôn viên trường tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên và khách đến giao dịch, công tác. Các phòng làm việc đều được gắn biển tên đơn vị, có biển tên chức danh của lãnh đạo trong mỗi phòng làm việc. Trước và trên nhà Hiệu bộ treo trang trọng Quốc kì và biển hiệu khu nhà không thuốc lá; trong các phòng họp, hội trường được treo quốc kì, quốc huy, cờ Đảng, tượng Bác Hồ góp phần đảm bảo tính trang nghiêm, trang trọng. Đội ngũ giảng viên trong mỗi khoa, phòng chức năng đều được bố trí chỗ làm việc hợp lý; đủ ánh sáng với trang thiết bị phù hợp, phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, thiết bị âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, điều hòa, bảng chống lóa; phòng ở học viên ngày càng khang trang, sạch sẽ.

Nhờ sự quan tâm và quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng văn hóa công sở, đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường đều chấp hành nghiêm túc, tạo nên những thói quen, chuẩn mực về nề nếp làm việc, biểu hiện rõ trong việc giảng viên đều hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị mình đang công tác; hàng năm xây dựng kế hoạch, thiết lập hồ sơ giảng dạy, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được giao; tuân thủ những quy định về thời giờ làm

việc, nghỉ ngơi cũng như các quy định về bảo vệ công sản... Tinh thần tự quản, tính tự giác, thái độ trách nhiệm trước công việc và ý thức chấp hành những quy chế mà nhà trường ban hành đã góp phần xây dựng môi trường làm việc thuận lợi hơn, từ đó nâng cao chất lượng dạy và học tập, rèn luyện.

Về giao tiếp, ứng xử, quan hệ và tác phong trong công sở, trong giảng dạy, làm việc, giao tiếp với đồng nghiệp cũng như bên ngoài, đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên thực hiện cách xưng hô lịch sự. Trong quá trình giải quyết công việc không có thái độ hách dịch, những nhiễu, gây khó khăn, phiền hà khi thực hiện nhiệm vụ; thực hiện dân chủ và đoàn kết nội bộ trong cơ quan; quá trình phối hợp làm việc ngày càng chuyên nghiệp, hiệu quả.

Về trang phục, lễ phục, môi trường làm việc: cán bộ, giảng viên, nhân viên và học viên đến trường trang phục luôn luôn gọn gàng, lịch sự, đeo phù hiệu trong thời gian làm việc và lên lớp. Trang phục của bảo vệ được trang bị riêng, đúng quy định. Tác phong làm việc nhanh nhẹn, khẩn trương, khoa học; các khoa, phòng luôn giữ gìn vệ sinh chung, không vứt rác bừa bãi, vệ sinh phòng làm việc sạch sẽ, sắp xếp bàn ghế, tủ đựng tài liệu ngăn nắp khoa học; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tài sản của cơ quan; trước khi ra khỏi phòng làm việc, phòng học luôn có động tác kiểm tra và tắt hết các thiết bị điện; để xe và hút thuốc đúng nơi quy định; không tổ chức đánh bạc và uống rượu trong nhà trường.

Cảnh quan nhà trường hài hòa giữa văn đề con người với thiên nhiên. Trường được thiết kế trồng nhiều cây bóng mát, vườn cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa, khu thể thao đa chức năng, các công trình hỗ trợ. Ghi nhận những kết quả đã đạt được, năm 2017, Trường được UBND thành phố Hà Tĩnh công nhận là đơn vị đạt chuẩn văn hóa công sở.

Phát huy những kết quả đã đạt được, trong những năm tới, với những yêu cầu mới trong nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho hệ thống chính trị của tỉnh nhà, việc tiếp

tục nâng cao nhận thức và thực hiện văn hóa công sở tại Trường Chính trị Trần Phú là yêu cầu khách quan. Để làm được điều đó, Nhà trường cần làm tốt một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục duy trì sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự quản lý điều hành của Ban Giám hiệu đối với văn hóa công sở một cách thường xuyên, toàn diện; gắn việc xây dựng văn hoá công sở với thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Hai là, tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền các nội dung văn hóa công sở cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động và học viên về ý nghĩa, mục đích, nội dung và ý thức, trách nhiệm của bản thân trong xây dựng văn hóa công sở tại Trường.

Ba là, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức đặc biệt trong việc sử dụng thành thạo trang thiết bị hiện đại, có phong cách làm việc mới, thái độ làm việc, các chuẩn mực giao tiếp, ứng xử, đạo đức, lối sống, nhằm tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có kỷ cương, trách nhiệm, tận tụy, văn minh và chuyên nghiệp. Tổ chức các khóa bồi dưỡng ngắn hạn về các kỹ năng thực hành văn hoá công sở như: kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phối hợp trong công việc; kỹ năng làm việc khoa học, hiệu quả; phong cách, kỹ năng lãnh đạo, quản lý...

Bốn là, từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất - kỹ thuật tương xứng với vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn cả trước mắt và lâu dài. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư cơ sở vật chất nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu ăn, ở, sinh hoạt, vui chơi giải trí của cán bộ, giảng viên, học viên nhà trường. Thúc đẩy phong trào văn hóa thể thao, động viên cán bộ, viên chức trong nhà trường tích cực luyện tập thể dục thể thao, góp phần tăng cường sức khỏe, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn.

Năm là, phát huy vai trò của các tổ chức nhà trường trong việc xây dựng và thực hiện

văn hóa công sở. Các tổ chức như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh... phải đặc biệt quan tâm, phối hợp trong xây dựng và thực hành văn hoá công sở, hướng đến mục tiêu cải thiện quan hệ lao động tại nơi làm việc, cùng nâng cao hiệu quả làm việc, hướng tới hoàn thành mục tiêu, sứ mệnh của nhà trường trong đội ngũ công đoàn viên, đoàn viên thanh niên. Thực hiện phối hợp các tổ chức trong nhà trường trong kiểm tra, đánh giá, chấm điểm và phải làm thường xuyên, liên tục. Cần coi trọng tính bình đẳng trong công việc giữa cán bộ, giảng viên, nhân viên tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ, giảng viên hoàn thành tốt công việc được giao.

Sáu là, cụ thể hóa 5 giá trị chuẩn mực học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh “kiên định, kỷ cương, đoàn kết, nêu gương, sáng tạo” theo chủ đề hàng năm gắn với tổ chức có hiệu quả phong trào thi đua 5 tốt “nghiên cứu tốt, tham mưu tốt, dạy - học tốt”, xây dựng nhà trường đạt chuẩn kiểu mẫu; giữ gìn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống trong nhà trường; trau dồi ý thức cầu thị, sáng tạo, mong muốn được cống hiến trong thực thi công vụ; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học. Chú trọng xây dựng tác phong, hình ảnh của cán bộ, giảng viên, học viên trong nghiên cứu, giảng dạy, học tập, rèn luyện. Tiếp tục duy trì và phát huy tốt gương điển hình tiên tiến trong giảng dạy, học tập và rèn luyện, hướng tới xây dựng môi trường học tập, làm việc chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại.

Thực hiện văn hóa công sở không chỉ thúc đẩy, tạo dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và tạo bầu không khí làm việc cởi mở, hài hòa giúp cán bộ, viên chức có điều kiện để phát huy được hết năng lực, tạo hiệu quả cao trong công việc mà mỗi cán bộ, viên chức chính là hạt nhân quan trọng để góp phần xây dựng văn hoá công sở của nhà trường. Đây mạnh xây dựng văn hóa công sở là cách thức đúng đắn tạo nên một môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp, góp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong tình hình mới./.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT GÓP PHẦN THÚC ĐẨY CẢI CÁCH THỂ CHẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH



ThS. LÊ THỊ THÙY DUNG

Giảng viên khoa Nhà nước - Pháp luật

Cải cách hành chính được tỉnh Hà Tĩnh xác định là một trong những nhiệm vụ đột phá để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh. Trong thời gian vừa qua, trên cơ sở Nghị quyết, Chương trình của Chính phủ, Hà Tĩnh đã ban hành kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách thể chế (được xác định là một trong sáu nội dung của chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 cũng như định hướng 2021-2030). Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh cùng sự nỗ lực của các ngành, các cấp, trong những năm qua công tác cải cách hành chính nói chung và cải cách thể chế nói riêng trên địa bàn tỉnh đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ.

Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, đóng vai trò quan trọng trong tiến trình cải cách thể chế. Do đó, hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tham mưu ban hành văn bản theo đúng thẩm quyền, đảm bảo tính khả thi đáp ứng tốt nhu cầu quản lý nhà nước, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, qua đó góp phần tích cực vào việc xây dựng thể chế và hoàn thiện hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính trong giai đoạn hiện nay.

Theo số liệu thống kê của Sở Tư pháp, từ năm 2011 đến nay, cấp tỉnh đã ban hành 698 văn bản QPPL, trong đó có 546 Quyết định của UBND tỉnh và 152 Nghị quyết của

HĐND tỉnh. Cấp huyện, cấp xã đã ban hành 3.892 văn bản, trong đó có 866 Quyết định và 3.026 Nghị quyết.

Nhìn chung, công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND trên địa bàn toàn tỉnh Hà Tĩnh ngày càng đi vào nề nếp, năng lực soạn thảo văn bản của cán bộ công chức được nâng lên rõ rệt, đặc biệt là ở cấp tỉnh. Các văn bản được ban hành theo đúng thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ nghiêm túc trình tự thủ tục và các yêu cầu về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của pháp luật. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đã dần đáp ứng các tiêu chí về tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của tỉnh. Về mặt nội dung, điểm nổi bật trong công tác xây dựng hệ thống văn bản QPPL của tỉnh giai đoạn 2011-2020 so với giai đoạn 2001-2010 đó là hoạt động xây dựng hoàn thiện thể chế không chỉ chú trọng đến việc ban hành các văn bản phục vụ phát triển kinh tế mà còn tập trung nhiều hơn cho các lĩnh vực khác, đặc biệt là các lĩnh vực y tế, giáo dục, khoa học, công nghệ, tài nguyên, môi trường... Điều này đã thể hiện được tư duy mới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; thể hiện tính cân đối, đồng bộ giữa thể chế về chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường, bảo vệ quyền con người, quyền công dân phù hợp hơn với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo khuôn khổ pháp lý cho những bước phát triển ở những giai đoạn sau.

Như vậy, đến nay Hà Tĩnh đã xây dựng được một hệ thống văn bản quy phạm pháp

luật khá hoàn thiện phục vụ đắc lực hoạt động quản lý điều hành xã hội bằng pháp luật ở địa phương, tạo hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà, góp phần quan trọng thúc đẩy cải cách thể chế.

Bên cạnh xây dựng, ban hành văn bản QPPL, công tác kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng để đảm bảo hệ thống văn bản QPPL của tỉnh phù hợp với quy định của Trung ương cũng như gắn với sự phát triển kinh tế của địa phương, trực tiếp góp phần đẩy mạnh cải cách thể chế. Xuất phát từ nhận thức đó, trong thời gian qua, công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa hệ thống văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh đã được tăng cường thực hiện. Trong giai đoạn 2011-2020, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát 12.175 lượt văn bản, trong đó có 478 văn bản được đề nghị xử lý do mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với văn bản cấp trên, 478/478 văn bản đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát. Thực hiện tự kiểm tra 546 văn bản QPPL, qua đó phát hiện 30 văn bản QPPL chưa phù hợp với quy định (gồm 12 văn bản sai sót về nội dung, 04 văn bản sai sót về hiệu lực và 14 văn bản sai về thể thức). Trong đó, có 07/12 văn bản sai sót về nội dung được ban hành trong giai đoạn 2011-2015, có 05/12 văn bản sai sót về nội dung được ban hành trong giai đoạn 2016-2020. Như vậy, sau khi Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 ra đời, hệ thống thể chế của tỉnh ngày càng được hoàn thiện, chất lượng văn bản được nâng lên, sai sót có xu hướng giảm; đã thực hiện kiểm tra 493 văn bản QPPL do cấp huyện ban hành, qua đó, phát hiện 81 văn bản chưa phù hợp (gồm 34 văn bản có sai sót về nội dung, 06 văn bản có sai sót về hiệu lực và 41 văn bản có sai sót về thể thức và kỹ thuật trình bày). Số văn bản có sai sót của cấp huyện chủ

yếu tập trung trong giai đoạn 2011-2015; từ tháng 7/2016, hầu như không phát hiện văn bản QPPL có sai sót. Việc xử lý văn bản sau tự kiểm tra, kiểm tra đã được thực hiện kịp thời, nghiêm túc, các văn bản QPPL có sai sót về nội dung đều được cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Những số liệu nêu trên cho thấy công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh ta trong thời gian qua tuy đã có những chuyển biến tích cực nhưng bên cạnh đó còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế như đã nêu do đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế văn hóa xã hội của địa phương. Xét một cách khái quát, có thể thấy rằng công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh ta trong thời gian vừa qua còn có một số hạn chế sau đây:

Thứ nhất, việc thực hiện quy trình thủ tục ban hành văn bản QPPL theo quy định của luật có lúc, có nơi chưa nghiêm túc, đặc biệt là đối với cấp xã.

Thứ hai, theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì việc tổ chức lấy ý kiến và thẩm định là những khâu bắt buộc trong quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Hoạt động thẩm định mới chỉ tập trung ở khía cạnh pháp lý và thể thức, kỹ thuật xây dựng văn bản, chưa mang tính tư vấn chuyên sâu về nội dung của văn bản, (chẳng hạn như, việc xem xét về tính khả thi của dự thảo - một trong những biểu hiện quan trọng trong tính hợp lý của văn bản). Cán bộ thẩm định có khi chỉ quan tâm đến các yếu tố về đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết; tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật, nội dung dự thảo nghị quyết với các chính sách trong đề nghị xây

dựng nghị quyết đã được thông qua; ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản,...

Việc tổ chức lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động của VBQPPL có nơi, có lúc chưa thực sự rộng rãi, đúng đối tượng còn các cơ quan tổ chức được lấy ý kiến đôi khi chỉ góp ý mang tính hình thức hoặc không góp ý, làm ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ xây dựng của văn bản quy phạm pháp luật...

Thứ ba, đối với cấp huyện, và cấp xã với tính chất, vị trí là các cơ quan chấp hành và thừa hành, chủ yếu tổ chức thực hiện các văn bản của cấp trên cho nên vẫn còn tình trạng ban hành văn bản quy định lại nội dung của văn bản cấp trên dẫn tới việc lãng phí chi phí hành chính và kéo dài thời gian có hiệu lực của văn bản cấp trên.

Thứ tư, công tác kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản quy phạm pháp luật ở một số đơn vị chưa kịp thời, thiếu triệt để. Công tác theo dõi đánh giá việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật ở một số đơn vị, địa phương chưa được quan tâm đúng mức, chưa thực sự phát huy được vai trò, hiệu quả; việc huy động sự tham gia của Nhân dân, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội trong công tác theo dõi thi hành pháp luật chưa sâu rộng.

Những yếu kém hạn chế nêu trên, xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Một bộ phận cán bộ lãnh đạo xã, phường vẫn còn lối tư duy cũ trong việc soạn thảo ban hành văn bản; chưa thực sự thấy được tầm quan trọng trong công tác soạn thảo ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với hoạt động quản lý điều hành ở địa phương.

Thêm vào đó một bộ phận đội ngũ cán bộ công chức được giao nhiệm vụ tham mưu, tham gia soạn thảo văn bản chưa được đào tạo chuyên sâu về công tác soạn thảo ban hành văn bản, thiếu khả năng phân tích đường lối, chủ trương của Đảng và chính

sách pháp luật của Nhà nước do đó đã làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của văn được ban hành.

Một số cơ quan chưa coi trọng đúng mức việc thăm dò, lấy ý kiến, tổng hợp, xử lý và giải trình đầy đủ ý kiến của người dân, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản QPPL. Về phía xã hội, nhiều cá nhân, tổ chức cũng chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm cũng như hạn chế về năng lực tham gia xây dựng pháp luật, giám sát và phản biện xã hội đối với việc thực thi các chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Xây dựng, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật là công tác đòi hỏi nhiều công sức trí tuệ và kinh nghiệm, tuy nhiên hiện chưa có chính sách, chế độ thu hút, khuyến khích cán bộ, công chức làm công tác này.

Để kịp thời khắc phục những hạn chế, tồn tại nêu trên và thực hiện tốt hơn công tác soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thiết nghĩ cần tiến hành đồng bộ một số nội dung sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục tập trung đẩy mạnh công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, địa phương thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra và xử lý văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, cần quy định rõ về trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc tổ chức lấy ý kiến của các đối tượng liên quan và giá trị pháp lý của thủ tục này đối với việc ban hành văn bản,

Thứ ba, hoàn thiện và hướng dẫn chi tiết các quy định của pháp luật về thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật nói chung và của chính quyền địa phương nói riêng trên các nội dung về nội dung thẩm định; hồ sơ và thời gian thẩm định; giá trị pháp lý của báo cáo thẩm định và các điều kiện đảm bảo

Xem tiếp trang 96

HÀ TỈNH ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC



Th.S: TRẦN THỊ THÚY HUỜNG

Giảng viên khoa Xây dựng Đảng

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặc biệt quan tâm đến công tác dân vận, coi dân vận là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy đảng, các đoàn thể, chính quyền, cán bộ,... Người đã chỉ ra rằng: “Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (Liên Việt, Việt Minh, v.v.) đều phải phụ trách dân vận.”⁽¹⁾. Trong đó, công tác dân vận của các cấp chính quyền và cơ quan nhà nước có vai trò quan trọng, góp phần xây dựng một Chính phủ liêm chính, kiến tạo, phục vụ nhân dân và thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Trung ương về công tác dân vận.

Để đẩy mạnh hơn nữa công tác dân vận chính quyền và các cơ quan nhà nước, trong thời gian qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã tích cực lãnh đạo, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định 290-QĐ/TW ngày 25/02/2010 về Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị của Bộ Chính trị, Kết luận số 114-KL/TW, ngày 14-7-2015, của Ban Chấp hành Trung ương “Về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước các cấp” và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 16-5-2016 của Thủ tướng Chính phủ, “Về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới”. Nhằm cụ thể hóa những quy định của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành: Quyết định 202-QĐ/TU, ngày 15/7/2011 về “Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị”, Chỉ thị 06-CT/TU ngày 14/01/2016 về tăng cường lãnh đạo và nâng

cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra chỉ thị số 17/CT-UBND, ngày 14/8/2015 và ban hành Kế hoạch số 80/KH-UBND, ngày 23/3/2016 Về triển khai thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 14/01/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Có thể nói, với những cách làm sáng tạo, hiệu quả, kịp thời, công tác dân vận của các cấp chính quyền và cơ quan nhà nước ở Hà Tĩnh trong thời gian qua đã thực sự là cầu nối giữa “ý Đảng” và “lòng dân”.

Một trong những nội dung quan trọng để góp phần thực hiện dân vận chính quyền và các cơ quan nhà nước đó là cải cách hành chính, tiến hành rà soát các thủ tục hành chính theo ngành, lĩnh vực, đảm bảo tính pháp lý, đơn giản, công khai, minh bạch nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính; nâng cao tinh thần, ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ, ý thức tổ chức kỷ luật của đội ngũ cán bộ, công chức khi thực thi công vụ.

Để thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền các cấp, các cơ quan nhà nước đã củng cố, kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động bộ máy; vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn toàn tỉnh (theo Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND và Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh); xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng làm công tác dân vận cho đội ngũ cán bộ, công chức; chú trọng kiểm điểm chức trách,

nhệm vụ được giao cho cán bộ, công chức, viên chức. Chất lượng dịch vụ hành chính công tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh và Trung tâm hành chính công cấp huyện, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoạt động hiệu quả, được nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao. Tỉnh đã tập trung đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4; thiết lập hệ thống đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính các cấp. Ứng dụng đồng bộ hệ thống quản lý văn bản và điều hành, chữ ký số trong toàn tỉnh, Các ngành đều triển khai các hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành, đặc biệt là ngành y tế và giáo dục. Bên cạnh đó, các cấp chính quyền cũng tăng cường kiểm tra, giám sát giải quyết thủ tục hành chính; chấn chỉnh việc xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính tồn đọng phục vụ nhu cầu của người dân một cách kịp thời nhất. Kết quả cho thấy hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước các cấp từng bước được nâng lên. Các chỉ số đánh giá của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) tăng từ vị trí 27 (năm 2013) lên vị trí thứ 7 (năm 2018), vị trí thứ 16 (năm 2019). Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) tăng 4 bậc (xếp thứ 13 cả nước). Từ đó, mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước được tăng lên. (Chỉ số SIPAS tăng 12 bậc, xếp thứ 4 cả nước).⁽²⁾ Niềm tin của nhân dân với các cấp chính quyền và cơ quan nhà nước được củng cố vững chắc hơn.

Cùng với cải cách hành chính, việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ, khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng, trí tuệ, sức sáng tạo, trách nhiệm của các tầng lớp Nhân dân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong thời gian qua, quy chế dân chủ ở cơ sở luôn quan tâm xây dựng và thực hiện với những chuyển biến tích cực, từng bước đi

vào nề nếp. Các cấp, các ngành đã cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Nhà nước về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị. Việc thực hành dân chủ ngày càng được mở rộng, phát huy, đặc biệt, trong tham gia phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng, chính quyền, động viên và huy động được sức lực, trí tuệ của Nhân dân.

Công tác đối thoại, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân được quan tâm chỉ đạo giải quyết; duy trì nghiêm túc lịch tiếp công dân hàng tháng nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giữ vững an ninh, trật tự xã hội. Các cơ quan nhà nước thực hiện công khai địa chỉ, số điện thoại đường dây nóng, lập hòm thư để tiếp nhận ý kiến của công dân, doanh nghiệp; đồng thời, bố trí thời gian, xây dựng lịch cụ thể để thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tiếp công dân. Lãnh đạo các sở ban, ngành, chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp, trực tiếp đối thoại với người lao động, nông dân, thanh niên và doanh nghiệp,... nắm bắt kịp thời những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, những khó khăn, bức xúc của nhân dân, những hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính và nêu cao trách nhiệm của cán bộ thực thi công vụ, để kịp thời điều chỉnh, chấn chỉnh, tạo môi trường thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho nhân dân. Đối với những vụ việc phức tạp ở cơ sở chính quyền các cấp đã trực tiếp tổ chức các cuộc đối thoại với nhân dân để kịp thời tìm cách tháo gỡ. Nhiều địa phương đã ban hành quy chế về tổ chức các cuộc đối thoại định kỳ giữa người đứng đầu chính quyền với nhân dân. Kết quả, tính riêng 6 tháng đầu năm 2020, toàn tỉnh đã tổ chức tiếp 1.892 lượt người; cơ quan hành chính các

cấp tiếp nhận 1.534 đơn; giải quyết 173/207 vụ việc (đạt tỷ lệ 83,6%). Cấp tỉnh đã giải quyết 2/10 vụ việc, 8/10 vụ đã thành lập Đoàn kiểm tra, xác minh, giải quyết khiếu nại, chưa kết thúc.⁽³⁾

Công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại, tố cáo được tăng cường (với 171 cuộc thanh tra, kiểm tra tại 1.644 tổ chức, cá nhân trong 6 tháng đầu năm 2020), chú trọng việc chủ động thông tin, truyền thông về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của người dân để dư luận hiểu đúng bản chất sự việc, tạo đồng thuận trong xã hội.

Quán triệt quan điểm, “Dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào”⁽⁴⁾, trong thời gian qua, các cấp chính quyền, cơ quan, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh đã tăng cường mối quan hệ phối hợp, liên kết hoạt động với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân để cùng thực hiện “Dân vận khéo” trong triển khai các chủ trương chung như: công tác giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình giao thông, công tác đền ơn đáp nghĩa, thực hiện chính sách người có công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, công tác khám chữa bệnh, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh, xây dựng nông thôn mới,... Có thể khẳng định, sự phối hợp này là yêu cầu tất yếu khách quan bảo đảm vận hành thông suốt cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Trong đó, cơ quan chính quyền đóng vai trò trung tâm, nòng cốt của các hoạt động phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc và kinh phí hoạt động cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Thực tiễn cho thấy, ở đâu chính quyền càng phối hợp chặt chẽ, đề cao trách nhiệm, tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân bao nhiêu thì hiệu quả công tác dân vận chính quyền càng tốt bấy nhiêu.

Các địa phương, đơn vị có nhiều giải pháp thiết thực nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tinh thần trách nhiệm và phong cách phục vụ nhân dân như đề cao trách nhiệm người đứng đầu và nâng cao chất lượng thực thi công vụ, giảm dần tình trạng quan liêu, mệnh lệnh hành chính; Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường kỷ luật, siết chặt kỷ cương hành chính trong cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang... Quá trình triển khai thực hiện công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước được gắn với việc thực hiện Nghị quyết trung ương 4 (khóa XI, XII) về xây dựng Đảng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác dân vận của các cơ quan nhà nước vẫn còn bộc lộ những khó khăn, tồn tại, hạn chế: Việc tổ chức quán triệt các quan điểm của Đảng về công tác dân vận ở một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự đến nơi, đến chốn, thiếu thường xuyên. Nhận thức của cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức về công tác dân vận nói chung và công tác dân vận của cơ quan nhà nước nói riêng chưa đầy đủ; ý thức, trách nhiệm, tác phong, lề lối làm việc của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn quan liêu, nặng về mệnh lệnh hành chính, chưa coi trọng việc vận động, thuyết phục. Không ít cán bộ, công chức chưa chú ý lắng nghe ý kiến của Nhân dân; tác phong làm việc quan liêu, chưa thực sự gần dân. Thủ tục hành chính tuy có cải tiến, nhưng trên thực tế một số vấn đề vẫn còn chồng chéo, ... Việc phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong tổ chức lấy ý kiến kiến người dân trước khi ban hành một số cơ chế chính sách, đề án, dự án, chương trình phát

triển kinh tế - xã hội chưa được quan tâm. Vì vậy, quá trình thực hiện không sát thực tiễn, hiệu quả kém, gây lãng phí về kinh tế; việc phản biện, đánh giá hiệu quả các cơ chế, chính sách khi đã triển khai thiếu kịp thời, chưa sát thực... Bên cạnh đó một bộ phận nhân dân nhận thức về thực hành dân chủ còn hạn chế, dẫn đến một số người làm sai chủ trương, pháp luật hoặc lợi dụng dân chủ để gây khó khăn cho việc chỉ đạo, điều hành của chính quyền. Nội dung và phương thức công tác dân vận của cơ quan nhà nước còn thiếu hấp dẫn, chậm được đổi mới so với sự phát triển nhanh chóng của thực tiễn và từng đối tượng. Để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020 - 2025, công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trong thời gian tới cần tập trung những giải pháp sau:

Thứ nhất, cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm cho cán bộ đảng viên về vai trò, ý nghĩa của các cấp chính quyền, cơ quan nhà nước, trước hết là cấp ủy, người đứng đầu, đến cán bộ, công chức, viên chức về công tác dân vận. Các cấp chính quyền phải thực sự xem công tác dân vận là nhiệm vụ thường xuyên gắn với thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của mỗi cơ quan nhà nước; mỗi cán bộ, công chức, viên chức xác định làm tốt công tác dân vận chính là để thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, mỗi cán bộ, công chức, viên chức là một cán bộ dân vận.

Thứ hai, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác dân vận phù hợp với tình hình địa phương, các sở, ban, ngành; trong đó đặc biệt quan tâm đến những vấn đề liên quan đến chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, giải phóng mặt bằng, tái định cư của các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, quản lý tài nguyên, môi trường; xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội.

Thứ ba, đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, thực hiện đầy đủ nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ. Nâng cao tinh thần, trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân đối với các cơ quan, công chức, viên chức; thực hiện các biện pháp hữu hiệu đẩy lùi các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, gây phiền hà đối với nhân dân. Thường xuyên đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với cơ quan hành chính các cấp, gắn với lấy phiếu tín nhiệm trong hoạt động của các cơ quan dân cử. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các ban, sở, ngành, chính quyền các cấp ban hành và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác dân vận, quy chế dân chủ cơ sở. Thực hiện tốt chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân và chế độ tiếp dân định kỳ theo quy định. Cùng cố, nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền các cấp, nhất là ở cơ sở, đủ sức giải quyết tốt các vấn đề phát sinh tại chỗ với tinh thần trách nhiệm vì nhân dân phục vụ. Giải quyết kịp thời các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; làm tốt công tác đối thoại với nhân dân, với cán bộ công chức theo định kỳ, không để tình trạng khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài.

Thứ tư, đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân gắn với các mục tiêu phát triển bền vững; thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, các chính sách đối với người có công, người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo...

Thứ năm, ban hành cơ chế, nâng cao hiệu quả phối hợp trong công tác dân vận giữa các cấp chính quyền với các cơ quan nhà nước với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia quản lý

nhà nước, giám sát cán bộ, công chức thực thi pháp luật và hoạt động của ủy ban nhân dân các cấp. Các lực lượng vũ trang duy trì và phát huy các hoạt động công tác dân vận, giúp đỡ Nhân dân phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giảm nghèo bền vững, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh.

Thứ sáu, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015. Mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tiếp dân, công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, không đùn đẩy hoặc né tránh yêu cầu chính đáng của nhân dân. Những ý kiến đóng góp của người dân thông qua tiếp dân, tiếp xúc cử tri phải được cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, xử lý và trả lời cho dân rõ.

Có thể nói rằng, công tác dân vận của các cấp chính quyền và cơ quan nhà nước là một trong những chức năng, nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trước những yêu cầu nhiệm vụ mới hiện nay, công tác dân vận của các cấp chính quyền, các cơ quan nhà nước cần được tiếp tục đẩy mạnh, thực sự là cầu nối giữa “ý Đảng” với “lòng dân”, phát huy sức dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc./.

Chú thích:

(1) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 233.

(2) Báo cáo số 426-BC/TU của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 202-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

(3) Báo cáo số 256/BC-UBND của UBND Tỉnh Hà Tĩnh về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020.

(4) CD room - Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 232.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG...

Tiếp theo trang 91

cho công tác thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Thứ tư, thường xuyên quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia công tác soạn thảo ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Có thể thấy rằng công tác xây dựng ban hành văn bản nói chung và văn bản quy phạm pháp luật nói riêng trên địa bàn tỉnh ta ngày càng được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Hệ thống văn bản QPPL dần được nâng cao về chất lượng, tăng cường về hiệu lực so với thời gian trước đây và đã có tác dụng tích cực trong quá trình tác động vào đời sống xã hội. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều văn bản khiếm khuyết ở những mức độ khác nhau như đã nêu trên. Toàn bộ những việc đó một mặt đã làm chậm sự phát triển kinh tế- xã hội, trực tiếp làm giảm sút hiệu quả, hiệu lực của quản lý nhà nước ở địa phương; mặt khác tạo ra tâm lý coi thường pháp luật trong một bộ phận đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước và trong Nhân dân, làm tổn hại tới uy tín Nhà nước. Vì vậy, muốn tăng cường hiệu quả, hiệu lực của quản lý hành chính nhà nước thì cần tiến hành đồng bộ nhiều hoạt động khác nhau, trong đó việc thường xuyên quan tâm rà soát và từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản nói chung và văn bản quy phạm pháp luật nói riêng là rất cần thiết. Qua đó góp phần đẩy mạnh cải cách thể chế, thúc đẩy công cuộc cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh nói chung.

** Tài liệu tham khảo: Báo cáo số: 234/BC-UBND ngày 29/6/2020 Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2021-2030*

NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HÀ TĨNH



Th.S HỒ THANH

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Trong quá trình xây dựng, phát triển và trưởng thành của Đảng Cộng sản Việt Nam coi nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng và tầm ảnh hưởng sâu rộng đến sự tồn tại và vai trò lãnh đạo của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh người sáng lập Đảng ta trong Di chúc đã dành một phần quan trọng để nói về công tác xây dựng đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, đảng viên: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII xác định “xây dựng Đảng về đạo đức” làm một trong bốn nội dung về xây dựng Đảng hiện nay; Luật Cán bộ, công chức nêu: “Cán bộ, công chức phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ”⁽¹⁾. Thực tiễn trong những năm qua đã cho thấy việc suy thoái về tư tưởng chính trị đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một bộ phận cán bộ, đảng viên đã đặt ra vấn đề “cấp bách” mà Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị phải xây dựng và nâng cao đạo đức công vụ trong đó có đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã là nhiệm vụ quan trọng hiện nay.

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội nó phản ánh sự tồn tại và phát triển của xã hội, hay như Ph.Ăngghen nói trong *Chống Duyrinh* rằng: “chung quy lại thì mọi học thuyết đạo đức đã có từ trước tới nay đều là sản phẩm của nền kinh tế - xã hội lúc bấy giờ”⁽²⁾. Những năm gần đây trước sự thay đổi về thể chế kinh tế, sự hội nhập sâu rộng của nền kinh tế của Việt Nam, sự biến động về

chính trị, các giá trị văn hóa làm “suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên”⁽³⁾. Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm tới đạo đức trong đội ngũ cán bộ, đảng viên trong đó có đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở là một lực lượng quan trọng, trực tiếp trong mối quan hệ giữa cả hệ thống chính trị với nhân dân. Xây dựng đạo đức công vụ phải làm cả hai nhiệm vụ đồng thời là “xây” và “chống”, vừa “quét sạch chủ nghĩa cá nhân” vừa “nâng cao đạo đức cách mạng”. “Xây” là xây dựng văn hóa chính trị và con người Việt Nam, bản lĩnh, lập trường giai cấp công nhân, truyền thống tốt đẹp nhân văn của dân tộc, tiếp thu tiến bộ văn minh nhân loại và thực hiện quy định về đạo đức công vụ: “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”⁽⁴⁾. Xây dựng đạo đức công vụ phải gắn chặt với xây dựng Đảng về đạo đức, trên cơ sở mối quan hệ biện chứng giữa chúng, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn từ đó xác định các mục tiêu và giải pháp góp phần làm cho hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh toàn diện ngay từ hệ thống chính trị cấp xã. “Chống” là chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, công chức; chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội thực dụng, bè phái, lợi ích nhóm, nói không đi đôi với làm, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên nói chung và đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã nói riêng.

Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã là những người trực tiếp truyền đạt và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước với người dân, những người trưởng thành từ phong trào địa phương cho nên mỗi hành động, lời nói, thái độ, cử

chỉ đều cần phản ánh cụ thể những chuẩn mực đạo đức cán bộ, công chức cấp xã nói riêng và đạo đức cách mạng nói chung. Trong những năm qua đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở Hà Tĩnh đã thực hiện lời dạy của Bác: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”, đã được nâng cao về trình độ mọi mặt, thực hiện tốt các quy chế của Đảng về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tuân thủ nghiêm túc quy chế văn hóa công sở văn minh, không ngại hy sinh thời gian, công sức để tích cực vận động nhân dân: “Xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”; sáp nhập thôn, xóm, tổ dân phố, sáp nhập xã, thị trấn; tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, thôn... góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội của Tỉnh. Bản lĩnh chính trị, tác phong làm việc, phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được cải thiện, trình độ chính trị, quản lý nhà nước, tin học, quốc phòng, an ninh... của phần lớn cán bộ xã được chuẩn hóa. Tuy nhiên bên cạnh những thành công, trưởng thành về nhiều mặt về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã vẫn còn những cán bộ, công chức không vượt qua được sự cám dỗ của sự thoái hóa, «tự diễn biến», «tự chuyển hóa», rơi vào chủ nghĩa cá nhân mà như trong tác phẩm Đạo đức cách mạng Bác đề cập: “Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian xảo, xảo quyệt; nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng xuống dốc thì dễ hơn lên dốc. Vì thế mà càng nguy hiểm”. Một bộ phận cán bộ, công chức cấp có biểu hiện quan liêu, xa rời quần chúng, thiếu sâu, sát những vấn đề mới phát sinh ở cơ sở, tôn sùng lối sống xa hoa, hưởng thụ, chạy theo đồng tiền, sức chiến đấu không cao, dễ giao động trước những khó khăn, phức tạp từ thực tiễn lãnh đạo quản lý ở cơ sở... Chưa gắn xây dựng Đảng về đạo đức với xây dựng đạo đức công vụ, thiếu những quy định, quy chế, chế tài cần thiết, đủ mạnh để ngăn chặn những hiện tượng suy thoái về đạo đức, góp phần hình thành chuẩn mực đạo đức tiên bộ, cách mạng cho đội ngũ cán bộ, chức cấp xã.

Trên cơ sở những kết quả đạt được và những khó khăn hạn chế nêu trên, để phát huy vai trò của đạo đức trong đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, góp phần xây dựng đạo đức công vụ, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất: Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị cấp xã trong đó tập trung xây dựng quy chế cụ thể về xây dựng Đảng về đạo đức và Đề án Văn hóa công vụ⁽⁵⁾. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hoặc xây dựng mới các chính sách, văn bản pháp luật, quy chế nội bộ về văn hóa công vụ, đạo đức cán bộ, công chức cấp xã bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các quy định của Trung ương và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa của địa phương Hà Tĩnh. Hoàn chỉnh các nội dung về vị trí việc làm gắn với cụ thể hóa hệ thống chuẩn mực đạo đức công vụ cho hệ thống chính trị cơ sở, cho từng chức danh, vị trí việc làm trong khi thực thi hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành và vận động quần chúng, nhân dân ở địa phương cơ sở. Các cấp, ngành, địa phương ban hành Quy định tiêu chí nội bộ trong đánh giá, chấm điểm, phân loại phẩm chất đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trong thực thi công vụ.

Thứ hai: Nâng cao chất lượng đạo tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cán bộ, công chức, đảng viên ở cấp xã về mọi mặt trong đó tập trung các nội dung như giáo dục đạo đức cán bộ, công chức “phải thực sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁽⁶⁾. Thực hiện thường xuyên, sâu rộng, có hiệu quả việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến” và “tự chuyển hóa” trong nội bộ” gắn với nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Nêu cao tinh thần tu dưỡng, tự sửa, tự trau dồi đạo đức của cán bộ, đảng viên, nhất là người

đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể ở cấp xã như Bác Hồ từng dạy: “Không phải chỉ ở tại nhà trường, có lên lớp, mới học tập, tu dưỡng, rèn luyện và tự cải tạo được. Trong mọi hoạt động cách mạng, chúng ta đều có thể và đều phải học tập, tự cải tạo”⁽⁷⁾.

Thứ ba: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hiện có hiệu quả việc đánh giá cán bộ, công chức cấp xã trong thực hiện kết quả công việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, nêu cao sự tự giác, nêu gương, tiên phong thực hiện các chuẩn mực đạo đức công vụ nhất là đối với cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị cấp xã, tạo ra sự lan tỏa, thúc đẩy phong trào cách mạng ở từng địa phương cơ sở. Đảm bảo thực hiện nghiêm văn bản của Đảng, pháp luật về cán bộ, công chức như: Quy định 102/QĐ-TW, ngày 15/11/2020 của Ban chấp hành Trung ương về xử lý kỷ luật đảng viên, Luật Cán bộ, công chức, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Quyết định 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ, Quyết định số: 20/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh... hướng tới xây dựng đạo đức cán bộ công chức không chỉ dừng lại ở hiểu biết, nhận thức mà phải trở thành ý thức, hành động trên cơ sở những quy định, quy chế và tạo ra tình cảm sâu sắc trong hoạt động chuyên môn, với sự tận tụy phục vụ Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Thứ tư: Thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trong đó tập trung vào các chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng Nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững. Cải thiện môi trường làm việc, văn hóa hành chính, cơ sở vật chất, lương, phụ cấp, chế độ đãi ngộ... cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, đảm bảo tiêu chuẩn cơ bản về môi trường làm việc trong điều kiện hiện nay. Làm tốt công tác bố trí cán bộ, công chức cấp xã tham gia chỉ đạo thôn, tổ dân phố thực hiện tốt các mục tiêu

phát triển kinh tế - xã hội, xử lý điểm nóng xã hội...

Thứ năm: Đổi mới nội dung và phương pháp kiểm tra, thanh tra giám sát, kỷ luật của Đảng, chính quyền đối với hệ thống chính trị cấp xã để nâng cao đạo đức cán bộ, công chức trong hoạt động công vụ. Tuân thủ nghiêm túc quy chế sinh hoạt chi bộ, văn hóa công sở nhất là thực hiện nội dung phê bình, tự phê bình trong đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, phát huy vai trò phản biện xã hội của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng đạo đức công vụ và thông qua hòm thư góp ý, phản ánh qua các kênh thông tin trên các trang thông tin cấp xã, cấp huyện... đối với cán bộ, đảng viên thực hiện các chuẩn mực đạo đức công vụ. Tăng cường công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về xây dựng đạo đức công vụ và mối quan hệ với xây dựng Đảng về đạo đức, thực hiện hiệu quả các nội dung về cải cách hành chính ở cấp xã.

Cùng với quá trình đổi mới đất nước công tác xây dựng đạo đức công vụ là đòi hỏi tất yếu, khách quan trong công tác cán bộ, trong đó có đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Đây là trách nhiệm, nghĩa vụ của cả hệ thống chính trị, là công việc thường xuyên, lâu dài và sự tham gia của toàn thể nhân dân nhằm ngăn ngừa sự xuống cấp, suy thoái về đạo đức đồng thời hoàn thiện những chuẩn mực đạo đức cách mạng để đáp ứng tốt hơn những yêu cầu, nhiệm vụ của hệ thống chính trị cơ sở hiện nay./

(1) Luật Cán bộ, công chức, 2008.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, t.20, Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội, 1994, tr.179.

(3) Nghị quyết Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 4 khóa XII.

(4) Luật Cán bộ, công chức, 2013, điều 15.

(5) Quyết định 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ

(6) Di chúc Hồ Chí Minh. <http://baochinhphu.vn/45-nam-thuc-hien-di-chuc-bac-ho/toan-van-di-chuc-cua-chu-tich-ho-chi-minh/206578.vgp>

(7) Trần Lực, Tạp chí Học tập, 12-1958, Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, t.11, tr.600-612

Tổ khúc dân ca Nghệ Tĩnh:

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ: 75 NĂM - BIẾT MÁY TỰ HÀO

Soạn lời: Đoàn Xuân Bá

Tập thể hát múa: (Làn điệu mở hội đông xuân)

- Hôm nay về Thành Sen vui mở hội
Hội tung bừng kỷ niệm trường ta
Bảy lăm năm tươi thắm những mùa hoa
Trường Trần Phú chói ngời trang sử
Dòng sông La bên bồi bên lở
Vĩ dậm đôi bờ bên nhớ bên thương
Hãy hát lên - Ngàn lời ca - Ngàn đài hoa - Kỷ niệm trường ta.....

Nữ: ví dò đưa chuyển điệu:

- Người ơi... Trời Thành Sen xanh cao lồng lộng,
Hà Tĩnh quê mình rợp bóng cờ sao,
Bảy mươi lăm năm, biết mảy tự hào,
Ai mang ví dậm... thả vào hồn quê....

Nữ : vĩa tứ hoa:

-Anh ơi, ta đưa nhau về đất mẹ Thành Sen, trường Trần Phú Thân thương đông đầy bao
kỷ niệm, trang giáo án tình người thắm đượm, thấp sáng tin yêu trong trái tim (ơ...ơ...
ơ) mình....

(Vào nhạc tứ hoa).

Tập thể hát múa:

1-Bảy mươi lăm năm thắm đỏ chặng đường
Trường Trần Phú dựng xây và phát triển
Quên sao được những lần dãi dìa diễm
Thạch Linh, Thạch Châu, Thượng Lộc, đến Thường Nga....

(Nhạc lưu không)

2- Tạm biệt Thành Sen về với Tam Soa
Đức Trường, Tùng Châu, bên dòng La sóng vỗ
Bao kỷ niệm hiện về trong nỗi nhớ
Nghị Xuân ơi! vọng mãi tiếng chèo khua

(Nhạc lưu không)

3- Lúc bấy giờ chẳng cửa rộng nhà cao
Miếu mạo, đình chùa... cũng thành lớp học
Thầy giáo học sinh cùng chung nhịp đập
Sát cánh kề vai phấn đấu suốt ngày đêm
(Nhạc lưu không)

4- Mỗi tên làng tên đất thiêng liêng
Vất vả, hy sinh càng thấm tình Dân Đảng
Bảy mươi lăm năm, nở đầy hoa chiến thắng
Bác - Đảng soi đường, tỏa sáng niềm tin....

Dậm Đức Sơn:

1- Bạn về thăm Hà Tĩnh
Đất sơn thủy hữu tình
Xứ nhân kiệt địa linh
Trường Trần Phú yêu thương sâu nặng nghĩa tình
Cờ truyền thống tung bay thắm hồng sử Đảng.
(Nhạc lưu không)

2- Trăng theo vào (Trong) giáo án
Thao thức suốt năm canh
Thêm thắm đượm nghĩa tình
Bảy mươi lăm năm, xây dựng trường thành.
Hạt giống đỏ quê mình, vươn chồi câu ví dặm
Mãi vươn chồi câu ví (ơ) dặm....

Hát khuyên:

1-Mát ngọt lời ca, về Trường Trần Phú
Chiếc nôi bao thế hệ, cán bộ trưởng thành
Từ mái rạ nhà tranh... nay cao tầng tươi ngói đỏ
Vượt qua gian khổ, rèn cán - chỉnh quân
Phục vụ Đảng - Dân... đêm ngày chẳng quản.

2-Đất mẹ Thành Sen, ngọt ngào câu ví dặm

Thắm tươi tình bạn, nặng nghĩa cô thầy,
Dù tung cánh muôn nơi, vẫn hướng về nguồn cội
Trường ta mở hội, kỷ niệm bảy năm năm
Lời Bác mãi ngân vang... trong lòng... bao thế hệ...

Nam: nói thơ:

1-Bảy mươi lăm năm - Trái tim ta thấp lửa
Trường Trần Phú thân yêu - Luôn tỏa sáng niềm tin
Chủ nghĩa Mác - Lê nin - Tư tưởng Hồ Chí Minh,
Làm ngọn đuốc, sáng soi đường cách mạng.

Nữ: nói thơ:

2-Bên Hồ Sen, Bác Hồ căn dặn
Lời Bác ân tình, sâu lắng triệu con tim
Thưa Bác! Hà Tĩnh hôm nay, đã nổi bật lên!
Để sánh vai: với các Tỉnh, Thành trong cả nước.

Tập thể hát múa (Điệu hò bơi thuyền trên sông).

-Hò ơ ơ... (KDK)
Trời quê hương xanh vời vời
Đất Hà Tĩnh nặng ân tình (Là KDK)
Nông thôn mới bừng lên.
Ngân nga câu ví dặm
Chảy về miền ví dặm
-Hò ơ ơ... (KDK)
Cầu Treo xanh sắc nắng
Vững Áng đón xuân về (Là KDK)
Nước mát ngọt đồng quê
Ngàn Trươi hòa cùng Kẽ Gõ
Lại hát cùng Kẽ Gõ
-Hò ơ ơ... (KDK)
Thiên Cầm xôn xao sóng
Vời Thạch Hải, Thạch Bằng (Là KDK)
Về cửa Hội, Nghi Xuân
Biển Xuân Thành vui đón bạn
Nối tình người muôn dặm

Hồ ơ ơ ơ... (KDK - là KDK; KDK là KDK; KDK là... KDK)

Ngâm thơ Trung

Nam:

- Bảy mươi lăm năm, một chặng đường,
Con sóng thời gian, chồng lên bao kỷ niệm
Nước cứ chảy, từ sông về biển
Bồi đắp phù sa, xanh bãi xanh bờ

Nữ:

- 75 mùa hoa, thắm đỏ sắc cờ
Trường Trần Phú, rạng ngời bao thế hệ,
Câu phòng vãi, lung linh hồn Xứ Nghệ
Nói tình yêu bầu bạn, gần xa ...

Nam - Nữ: (ví dò đưa, 2 câu sau đỏ đường vãi để chuyển sang điệu dân thương)

Nữ:

Người ơi...
Giữa ngày vui, ta nhớ nguồn, nhớ cội
Nhớ công ai lội suối, băng rừng...

Nam, Nữ:

Bao năm xây dựng mái trường
Dù xa nhau đi chẳng nữa, xin đừng quên nhau.

Hát dân thương: (múa hát tập thể)

1- Trời Hà Tĩnh ngày đêm trong xanh
Trời Hà Tĩnh càng thêm trong xanh. (nhạc lưu không)
Nghĩa Đảng - Tình Dân, muôn đời gắn bó,
Bảy lăm năm, một chặng đường thắm đỏ,
Trần Phú Trường ta, biết mấy tự hào,
Đường đổi mới, vươn tầm cao
Đường đổi mới, lấp lánh triệu vì sao (nhạc lưu không)
- Hà Tĩnh hôm nay, trên đường hội nhập
Ý Đảng lòng Dân, muôn người như một
Vững niềm tin...(ơ ơ ờ)...chỉ một... con (ơ) đường
Câu ví dặm vươn chồi xuân
Câu ví dặm nối dòng sông trắng (nhạc lưu không)
- Hà Tĩnh - Thành Sen, hương sen ngào ngọt.
Toàn Đảng - toàn dân, làm theo lời Bác,...
Nổi bật lên...(ơ...ơ.. ờ)... Hà Tĩnh... đẹp (ơ)... giàu./

Hà Tĩnh, tháng 7 năm 2020

Hát về mái trường tôi yêu

Nhạc và lời: **Đinh Quốc Thị**

Tha thiết, chậm vừa



Tôi hát về mái trường nơi gieo niềm mơ ước, nơi nhân lên khát
vọng không có gì quý hơn độc lập, tự do. Mái trường ấy qua
bao thời gian khó. Trong mưa bom, bão đạn vẫn vững vàng thắp lên ngọn
lửa niềm tin. Từ mái trường ấy, lớp lớp thế hệ cán bộ thi đua
học làm việc, làm người, phụng sự tổ quốc, giải cấp và nhân dân.
Đệt những mùa hoa rực đỏ bao miền quê. Những nhà máy, ruộng đồng yêu
dấu luôn nồng nàn ý Đảng lòng dân. Tôi hát về mái... ...dân.

Để kết

Tự hào thay mái Trường Đảng quang vinh trên đất mẹ núi
Rall
Hồng, sông La vững vàng bước dưới cờ Đảng quang vinh.

Từ ngôi trường thân yêu

(Tốp ca nam nữ)

Trong sáng, tự hào ♩ = 108

Lời: Đức Ban
Nhạc: Ngọc Thịnh



Từ ngôi trường thân yêu này ta bước đi, ta bước đi những bước chân không



mỏi, đã qua bao mùa thu vàng, đã qua bao mùa phượng đỏ. Từ ngôi trường thân



yêu này ta bước đi, ta bước đi những bước chân không mỏi, Đại Nài, Thạch



Châu, Thường Nga, Vương Lộc..., bao trang sách mở về chân trời bao la.



Ngoài kia nhân dân đang gọi ta, ngoài kia nhân dân đang chờ



ta, nguyện hiến dâng trọn trái tim nhiệt huyết cho quê nhà. Quê



huơng sóng cuộn những dòng sông, quê hương gió mới những ruộng



đồng - từ ngôi trường này ta nhóm lên ngọn lửa sáng mãi



theo đường của Đảng quang vinh - về với nhân dân - phía mặt trời./.

HÁT VỀ MỘT NGÔI TRƯỜNG

Nhạc : NSUT Quốc Nam

Lời thơ : Đức Ban

Hã hát về ngôi trường thân yêu. Hã kể
về điệu kỳ năm tháng. Những gian nan gặp gềnh vất
vả Dành bình yên hạnh phúc cuộc đời. Hã hát
về phấn trắng bảng đen. Những ngọn đèn và trang sách
mở. Học nghĩ suy và điều trần trở Học tranh
đấu và những yêu thương Hát về những con
người từ nơi này ra đi đây. Như những cánh chim
sân trời khắp mọi miền đất nước. Vượt qua thử thách kiên cường mê
say. Dựng xây cuộc sống cho ngày hôm nay. Sâu mãi
lắng xanh thắm thắm ngày Hã nhớ về những mùa phượng
nở. Hã hát về những dòng suối
đỏ. Và những mùa thu trong xanh. Và ta hát về tuổi
trẻ. Và những dòng sông mênh mông. Ngày đêm cháy về biển
trẻ. Giữa đất trời bao xa la

NGƯỜI CON SÔNG LA

Kính tặng đồng chí Trần Phú tổng bí thư đầu tiên ĐCS Việt Nam

ST: NSUT: Quốc Nam

Solo Abitum

Khi đất nước chìm trong nô lệ. Người con Sông
La nhìn dân nuốt lệ. Đã ra đi vượt bao sóng
gió. Dẫu gian nguy vượt qua bão tố. Khát khao tìm đến gặp
Người. Từ dòng La anh tới Trung Hoa. Từ Việt
Nam đến Mát - scơ - va Bao mùa xuân anh đã đi xa. Nhưng tâm
hồn vẫn chới ngồi chân lý. "Hãy giữ vững chí khí chiến
dấu!" Tiếng nói ấy vang vọng ngàn đời sau. Hồn Trần Phú trong lòng dân
tộc. Cuộc đời Anh mãi khắc tạc ta. Dòng máu của
Anh nhuộm thắm cây đời. Chờ hôm nay nở hoa kết trái.
Rồi một ngày đất nước quê hương. Đón Anh về
giữa muôn vàn yêu thương. Anh lại về bên bên nước dòng
La. để sớm chiều nghe khúc hát dân ca.

THÔNG TIN

